

**GÓP NHẶT LỜI PHẬT TỔ
và THÁNH HIỀN**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả : HT. THÍCH DUY LỰC

GÓP NHẶT LỜI PHẬT TỔ và THÁNH HIỀN

- ❖ GÓP NHẶT LỜI PHẬT TỔ và THÁNH HIỀN
- ❖ CÔNG ÁN CỦA PHẬT THÍCH CA và TỔ ĐẠT MA
- ❖ BÁ TRƯỢNG QUẢNG LỤC và NGỮ LỤC
- ❖ TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL: 2559 - DL: 2015

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ÁN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

thực hiện

Trụ sở: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
Văn phòng giao dịch: Chùa PHỐ QUANG
64/3 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (08) 3846 9721 - 3997 7100 - 0123 828 8338

**GÓP NHẶT LỜI PHẬT TỔ
VÀ THÁNH HIỀN**

LỜI DỊCH GIẢ

Phật pháp là pháp bất nhị, tâm trí không thể đến được, nhưng người đời nay ưa thích đem tâm trí suy lường lời Phật Tổ, nên không đến được chõ rốt ráo giải thoát.

Chúng tôi góp nhặt những lời chân thật của Phật Tổ và Thánh Hiền để chứng tỏ.

“TÂM NGÔN NGỘ TUYỆT”.

Thích Duy Lực

TRÍCH TRONG

LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG của TĂNG PHỤNG NGHI (TỤC TẶNG)



“**Sơ ư văn trung,**
Nhập lưu vong sở,
Sở nhập ký tịch,
Động tịnh nhị tướng,
Liễu nhiên bất sanh,
Nhu thị tiệm tăng,
Văn sở văn tận”.

Đoạn này như trong Kinh đã nói : Giải thoát bước đầu tiên của căn này (*nhī căn*) được “nhơn không” (*phá được nhân Ngã chấp*).

“**Tận văn bất trụ,**
Giác sở giác không”.

Tức là trong Kinh đã nói : “Tánh không” tròn đầy, sáng tỏ; được “Pháp” giải thoát (*phá được pháp Ngã chấp*).

“**Không giác cực viễn**
Không sở không diệt”.

Tức là trong Kinh đã nói : “Giải thoát phá chấp

xong rồi thì cái “Không”^(*) cũng chẳng sanh” (*phá được KHÔNG chấp*).

**“Sanh diệt ký diệt
Tịch diệt hiện tiền”.**

Tức là trong Kinh đã nói : Do “Tam ma địa” (*Chánh định*) được “Vô sanh nhẫn” (*nhẫn là nhẫn khả* tức *chứng ngộ*).



PHẨM PHỐ MÔN

Có kê rằng :

**“Chơn quán thanh tịnh quán
Quảng đại trí huệ quán
Bi quán cập từ quán
Thường nguyễn thường chiêm ngưỡng”.**

“Chơn quán” là “Nhị tướng chẳng sanh”.

“Thanh tịnh quán” là “Tận văn bất trụ”, “Giác sở giác không”.

“Quản đại trí huệ quán” là “Không giác cực viễn” cho đến “tịch diệt hiện tiền”.

Với Phật Như Lai đồng một từ lực gọi là “Từ quán”.

Với các chúng sanh đồng một bi ngưỡng gọi là “Bi quán”.

(*) Chấp “Có” thì lấy “Không” để phá, đây là lớp thứ nhất. Chấp “Không” thì lấy “Không không” để phá, đây là lớp thứ hai. Sau cùng “không không” cũng phải quét sạch, đây là lớp thứ ba.

“Không giác cực viễn” tức là trong Kinh đã nói : Giác quán vượt ra ngoài suy tư.

“Không sở không diệt” tức là trong Kinh đã nói : Thân tâm chẳng thể đến.

“Sanh diệt đã diệt” tức là trong Kinh đã nói : Sanh diệt cả hai đều lìa.

“Tịch diệt hiện tiền” tức là trong Kinh đã nói : Thế thì thường chân thật.

Lấy Kinh để chứng Kinh thì ý nghĩa tự đầy đủ. Ông Tô Tử Do (*em của Tô Đông Pha*) có luận : Lăng Nghiêm và Kim Cang là hai Kinh khế hợp nhau.

Quán Thế Âm dùng Văn, Tư, Tu làm đệ nhất Viên thông, có lời nói rằng : “Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở” cho đến “Tịch diệt hiện tiền”. Nếu được như thế, trong khảy móng tay thấu qua được ba lớp “Không” tức cùng chư Phật chẳng khác.

Về phần Kinh Kim Cang có nói đến người Tứ quả :

- Tu-dà-hoàn : là Nhập Lưu mà chẳng có sở nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp, ấy gọi là Tu-dà-hoàn. Cho nên sự chứng của Tu-dà-hoàn đồng với “Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở” của ngài Quán Thế Âm nói :

“Nhập lưu chẳng phải pháp có, chỉ là chẳng nhập lục trần, an nhiên thường trụ, ấy là Nhập Lưu thôi”.

- Cho đến Tu-dà-hàm gọi là “Nhất Vãng Lai” mà thật chẳng có vãng lai.

- A-na-hàm gọi là “Bất Lai” mà thật chẳng có bất lai, bởi vì “Vãng” thì nhập trần, “Lai” thì trở về cản bản.

- Tư-đà-hàm dù đã được Vãng Lai mà chưa được chẳng vãng lai. A-na-hàm không những chẳng vãng mà cũng chẳng lai.

Đến A-la-hán thì cái ý vãng lai đều hết. “Vô pháp khả đắc”. Vật thì tên gọi “Tứ quả” kỳ thật là một pháp. Chỉ trải qua ba lớp “Không”, nên có sự khác của sâu cạn mà thôi.

Vậy lời của hai Kinh vốn phù hợp với nhau, mà người thế gian chẳng hiểu nên phải nói trắng ra.

Theo Tăng Phụng Nghi thì Tô Tử Do là người đã gặp Thiện tri thức, phát minh ý chỉ hai Kinh, dù như mới lạ nhưng phải tự trong lòng phát xuất ra, cho đến câu : “Trong một khảy móng tay... cùng chư Phật chẳng khác” nếu chẳng phải đốn ngộ thì không thể nói lời này được.



TRÍCH LỤC

KINH DUY MA CẬT

PHẨM BẤT TƯ NGHÌ THỨ SÁU

DUY MA CẬT nói với Xá-lợi-phất rằng : “Kẻ cầu pháp chẳng màng thân mạng, huống là sàng tọa”.

“Kẻ cầu pháp chẳng cầu : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng cầu lục căn; lục trần; lục thức; chẳng cầu tam giới (*Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới*)”.

“Xá-lợi-phất ! Kẻ cầu pháp chẳng chấp trước cầu Phật, chẳng chấp trước cầu pháp, chẳng chấp trước cầu Tăng”.

“Kẻ cầu pháp chẳng cầu thấy khổ, chẳng cầu đoạn dứt tập khí phiền não, chẳng cầu chứng quả tu đạo. Tại sao ?

- Pháp chẳng hý luận, nếu nói : Ta phải thấy khổ, dứt tập khí, chứng diệt, tu đạo, thế là hý luận, chẳng phải cầu pháp”.

“Xá-lợi-phất ! Pháp gọi là tịch diệt, nếu hành theo sanh diệt là cầu sanh diệt, chẳng phải cầu pháp”.

- Pháp gọi là không nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết-bàn, thế là nhiễm trước, chẳng phải cầu pháp.

- Pháp chẳng có chỗ hành, nếu hành nơi pháp, thế là chỗ hành, chẳng phải cầu pháp.

- Pháp chẳng thủ xá, nếu thủ xá pháp, thế là thủ xá, chẳng phải cầu pháp.
- Pháp chẳng xứ sở, nếu chấp trước xứ sở, thế là chấp trước xứ sở, chẳng phải cầu pháp.
- Pháp gọi vô tướng, nếu theo tướng để biết, thế cầu tướng, chẳng phải cầu pháp.
- Pháp chẳng thể trụ, nếu trụ nơi pháp, thế là trụ pháp, chẳng phải cầu pháp.
- Pháp chẳng thể kiến, văn, giác, tri, nếu hành theo kiến, văn, giác, tri, thế là kiến, văn, giác, tri, chẳng phải cầu pháp.
- Pháp gọi vô vi, nếu hành hữu vi, thế là cầu hữu vi, chẳng phải cầu pháp.

Cho nên Xá-lợi-phất, nếu là kẻ cầu pháp thì đối với tất cả pháp : “UNG VÔ SỞ CẦU”.



PHẨM QUÁN CHÚNG SANH THỨ BẢY

Văn Thù hỏi Duy Ma Cật rằng : “Bồ-tát quán chúng sanh phải như thế nào ?”.

Duy Ma Cật đáp : “Giống như nhà ảo thuật thấy người huyễn hóa của mình làm ra. Bồ-tát quán chúng sanh cũng như thế”.

Văn Thù hỏi : “Nếu Bồ-tát quán như thế làm sao làm hạnh Từ ?”.

Duy Ma Cật đáp : “Bồ-tát quán như thế rồi tự nghĩ;

ta phải vì chúng sanh thuyết pháp này, như vậy tức là hạnh Từ chân thật :

- Làm hạnh Từ tịch diệt, vì vô sở sanh.
- Làm hạnh Từ bất nhiệt (*không nóng*), vì không phiền não.
- Làm hạnh Từ bình đẳng, vì tam thế đều bình đẳng.
- Làm hạnh Từ vô tranh, vì không chỗ khởi.
- Làm hạnh Từ bất nhị, vì trong ngoài chẳng hợp.
- Làm hạnh Từ bất hoại, vì cứu cánh tận (*hết*).
- Làm hạnh Từ kiên cố, vì tâm chẳng hoại.
- Làm hạnh Từ thanh tịnh, vì pháp tánh thanh tịnh.
- Làm hạnh Từ vô biên, vì như hư không.
- Làm hạnh Từ A-la-hán, vì phá được kiết tặc (*giặc phiền não*).
- Làm hạnh Từ Bồ-tát, vì khiến chúng sanh được an vui.
- Làm hạnh Từ Như Lai, vì được như thật tướng.
- Làm hạnh Từ của Phật, vì giác ngộ chúng sanh.
- Làm hạnh Từ tự nhiên, vì chẳng nhân mà được.
- Làm hạnh Từ Bồ-đề, vì bình đẳng một vị (*mùi vị*).
- Làm hạnh Từ vô đẳng (*không gì bằng*) vì đoạn tất cả ái.
- Làm hạnh Từ đại bi, vì dẫn dắt theo Đại thừa.

- Làm hạnh Từ vô yếm (*không chán*), vì quán, KHÔNG, VÔ, NGÃ.

- Làm hạnh Từ pháp thí, vì thương mến chẳng thiếu sót.

- Làm hạnh Từ trì giới, vì giáo hóa kẻ phá giới.

- Làm hạnh Từ nhẫn nhục, vì hộ giúp cho người.

- Làm hạnh Từ tinh tấn, vì gánh vác cho chúng sanh.

- Làm hạnh Từ thiền định, vì chẳng thọ thiền vị.

- Làm hạnh Từ trí huệ, vì chẳng có lúc bất tri,

- Làm hạnh Từ phương tiện, vì thị hiện tất cả.

- Làm hạnh Từ vô ẩn, vì tâm ngay thẳng thanh tịnh.

- Làm hạnh Từ thân tâm, vì chẳng có hạnh phúc tạp.

- Làm hạnh Từ vô cuồng (*không nói dối*), vì chân thật bất hư.

- Làm hạnh Từ an lạc, vì được sự vui của Phật.

- Hạnh Từ của Bồ-tát là như thế!".

Văn Thù lại hỏi : - “Thế nào là BI ?”.

Đáp rằng : - “Công đức của Bồ-tát làm là chung cho tất cả chúng sanh”.

Hỏi : - “Thế nào HỶ ?”.

Đáp : - “Thấy chúng sanh được lợi ích thì lòng sanh hoan hỷ.

Hỏi : - “Thế nào là XÁ ?”.

Đáp : - “Làm việc phước đức mà không có sự hy vọng (Vô sở đắc)”.

Văn Thủ hỏi thêm : - Đối với sanh tử có sơ, Bồ-tát phải dựa vào đâu?

Đáp : - Phải dựa theo sức công đức của Như Lai.

Hỏi : - Muốn dựa theo sức công đức của Như Lai phải trụ ở nơi nào ?

Đáp : - Phải trụ nơi độ thoát tất cả chúng sanh.

Hỏi : - Muốn độ thoát chúng sanh phải trừ cái gì ?

Đáp : - Phải trừ phiền não cho họ.

Hỏi : - Muốn trừ phiền não phải làm như thế nào ?

Đáp : - Phải hành nơi chánh niệm.

Hỏi : - Thế nào là hành nơi chánh niệm ?

Đáp : - Phải hành bất sanh bất diệt.

Hỏi : - Pháp nào bất sanh, pháp nào bất diệt ?

Đáp : - Bất thiện chẳng sanh, thiện pháp chẳng diệt.

Hỏi : - Thiện, bất thiện lấy gì làm gốc ?

Đáp : - Lấy thân làm gốc.

Hỏi : - Thân lấy gì làm gốc ?

Đáp : - Lấy tham dục làm gốc.

Hỏi : - Tham dục lấy gì làm gốc ?

Đáp : - Lấy hư vọng phân biệt làm gốc.

Hỏi : - Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc ?

Đáp : - Lấy đên đảo tưởng (*tư tưởng chấp thật*) làm gốc.

Hỏi : - Đên đảo tưởng lấy gì làm gốc ?

Đáp : - Lấy vô trụ làm gốc.

Hỏi : - Vô trụ lấy gì làm gốc ?

Đáp : - Vô trụ chẳng có gốc.

Nói đến đây, Duy Ma Cật liền nhấn mạnh rằng :

- Văn Thù ! Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp. (*Như thế mới thật là Vô sở trụ vậy*).



TRÍCH TRONG

LAI QUẢ THIỀN SƯ NGŨ LỤC

BÀI CỨU TÂM

Tâm tại sao nói cứu ? Kỳ thật là do sự ứng dụng hằng ngày của chúng ta chỉ biết có thân, không biết có tâm. Xưa nay chỉ biết nói tâm tức là thân, thân tức là tâm, mê lầm cho thân tâm là một thể, mà chẳng biết có vọng tâm, có chơn tâm cho nên bất cứ lúc nào, nơi nào cũng hết lòng tận sức xúi giục cái tâm ngu si này, lo cho cái thân này được thể diện, được cao sang, được vừa lòng. Cứ cho cái thân đây cũng là ta (*tâm*), đó cũng là ta, mà chẳng biết đã làm cho cái tâm Phật của ta ẩn giấu trong tạng phủ của cái thân này.

Tội nghiệp cho cái tâm chẳng hiểu thấu được thân này là cái vật gì, cứu cánh là ai, tại sao phải gánh vác cho một đống thịt này ? Đi, đứng, nằm, ngồi chỗ này nói đùa, chỗ kia phá giỗn, nghe nhạc xem hát, chỉ lo vừa lòng cho thân làm cho cái tâm ngày đêm bận rộn, mà chẳng biết quay đầu lại để xem xét cái thân này là ai ? Thân chẳng màng đến cái tâm lao nhọc mệt mỏi, cũng chưa từng cho tâm được ngừng nghỉ chốc lát, hễ thân có bệnh thì tâm phải lo cho gấp tìm thuốc men cứu chữa cho, hễ thân có tội thì tâm phải lo gấp tìm cách cứu thoát cho, thân có vinh dự thì tâm phải hoan

hỷ giùm cho, để thêm vui mừng, khi thân sắp chết thì tâm phải lo tìm chỗ chôn cất. Cái tâm luôn luôn vì cái thân lo này lo kia, lo mặc lo ăn chỉ cho thân này là ta, chưa từng có giây phút nào cho tâm là ta. Đến khi chết xuống âm phủ, Diêm La vương buộc tội, không đòi buộc tội cái thân mà đòi buộc tội cái tâm, cho tất cả nghiệp đều do tâm tạo, chẳng do nơi thân, chừng đó khóc lóc kêu oan, ai dè bận rộn đến ngày nay mới biết tâm ta bị thân lừa gạt ! Cái thân đã lia khỏi cái tâm chẳng thở, chẳng nói, thiêu thành tro, chôn thành đất, than ôi !

Cái tâm suốt đời bận rộn, chỉ biết lo giùm cho thân, cuối cùng làm tâm ta đọa vào địa ngục, khổ sở biết bao ! Đến nay mới ăn năn hối hận. Tại sao trước kia chẳng tự biết quấy ? Cứ hết lòng tận sức lo cho cái thân ! Làm cho tâm ta không tránh khỏi thai trâu, bụng ngựa, ngạ quỷ, súc sanh. Suy nghĩ kỹ lại thật là ngu si ! Mình cứ ở trong lục đạo gần gũi cái thân này rồi đến cái thân kia, bị thân này thân kia lừa gạt một lần, hai lần, ba lần v.v... biết đến khi nào mới thôi !

Thật là đau lòng !

Lai Quả chí thành trăm lạy, xin chư Đại đức cứu giúp tâm này.

Đây gọi là CỨU TÂM.



TRÍCH TRONG

LÂM GIAN LỤC

CỦA : THIỀN SƯ GIÁC PHẠM (TỤC TẠNG QUYẾN 148)

Ngài Văn Thủ nói : “Nay làm những việc thiện vốn là chưa từng làm, tất cả pháp cũng vậy, đều đồng với trước kia” cho nên : Ngay lúc làm mà chẳng làm vì chẳng có kẻ làm, đang lúc làm mà chẳng làm vì sự làm chẳng có tự tánh, mặc cho vạn pháp tung hoành, thường đồng với vô sanh. Nên biết : Nam châm nhất định là không có hút sắt, vô minh chẳng duyên chư hạnh.

Ông Bàng Uẩn lúc lâm chung có hai câu kệ rằng :

“Không hoa lạc ảnh

Dương diệm^(*) phiên ba”.

Nghĩa là : Hoa đốm trên không hiện ra hình bóng, dương diệm nổi lên làn sóng.

Ngài Vĩnh Minh tán thán rằng : “Lời này không lọt vào kiến chấp “có” và “không”, khéo được ý chỉ Vô sanh, kẻ học nên quán sâu vào đó”.

Đại Trí Độ Luận nói : “Người thường cho đất là kiên cố, tâm vô hình thể, ấy là lời hư vọng”. Phật nói

(*) *Dương diệm* : ánh sáng mặt trời chiếu xuống mặt đất, ở xa nhìn thấy có nước nhưng đến gần không có.

tâm lực là lớn nhất, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, có thể làm tan rã đại địa, làm thành vi trần. Địa có sắc, hương, vị, xúc, nặng nên chẳng có sở tác động. Thủy thiếu hương nên có tác động hơn địa. Hỏa thiếu hương và vị nên có tác động hơn Thủy. Phong thiếu sắc, hương và vị nên có tác động hơn Hỏa. Tâm chẳng có sắc, hương, vị, xúc nên sức mạnh lớn hơn cả. Người tâm nhiều phiền não trói buộc thì tâm lực yếu kém, kẻ thiện tâm hữu lậu, dù chẳng có phiền não, nhưng vì có tâm chấp lấy pháp tướng, nên tâm lực cũng còn kém. Tâm Nhị thừa vô lậu dù chẳng chấp lấy tướng, nhưng còn chấp lấy pháp nên tâm lực còn có số lượng, chẳng sử dụng hết được. Chư Phật và Đại Bồ-tát thường ở nơi thiền định, trí huệ vô lượng vô biên, đối với sanh tử và Niết-bàn chẳng có phân biệt. Tâm lực chẳng có gì chướng ngại, trong một niệm có thể làm tan rã mười phương tất cả hằng hà sa số Tam thiên Đại thiên thế giới thành bụi nhỏ. Nên biết cái sức lực của tâm lớn như thế, chỉ vì chúng sanh vọng chấp mà chẳng tự biết. Nói tóm lại : Thật tướng của tất cả các pháp, kỳ thật chẳng có khác biệt, chỉ vì trí huệ có cao thấp, nên tự cho là khác biệt mà thôi.

Tăng hỏi Nguõng Sơn Hòa thượng : - Hòa thượng bình thường khai thị cho người học, thường vẽ tướng tròn là ý chỉ thế nào ?

Đáp : - Ấy là việc không đáng kể, nếu ông lãnh hội thì chẳng từ bên ngoài đến, nếu không lãnh hội

thì cũng chẳng mất. Nay ta hỏi ông : Ông tham thiền học đạo, vậy các bậc Tôn túc có chỉ trên thân ông cái nào là Phật tánh của ông ? Cho Nói là phải hay Nín là phải ? Nếu cho Nói là phải thì như người mù mò lỗ tai, cái vòi, răng của con voi; nếu cho Nín là phải tức là vô tư vô niệm. Cũng như mò cái đui của con voi, nếu cho chẳng Nói chẳng Nín là Trung đạo như mò cái lưng của con voi, nếu cho tất cả đều phải như mò bốn chân của con voi, nếu tất cả đều chẳng phải thì thành ra kéo con voi lọt vào “Không Kiến”. Chính đang lúc những kẻ mù đều nói thấy con voi, đâu có biết ở trên con voi chỉ diễn ra những tên gọi sai biệt thôii, ... Nếu ông thấu suốt được lục cú (Nói, nín, chẳng nói chẳng nín, cũng nói cũng nín, tất cả đều phải, tất cả đều chẳng phải) thì đừng nên mò con voi là tốt nhất. Chớ nên nói cái giác chiếu soi hiện nay là phải, cũng chớ nên nói là chẳng phải. Cho nên Tổ sư nói :

**“Bồ-đề bốn vô thị,
Diệc vô phi Bồ-đề.
Cánh mích Bồ-đề xứ,
Chung thân lụy kiếp mê”.**

Nghĩa là : Bồ-đề vốn chẳng có thị phi tương đối, vì người mê chấp có Bồ-đề thật mà muốn tìm chỗ Bồ-đề, thì sự mê từ kiếp này sang kiếp khác còn hoài.

Bồ-tát Long Thọ nói : “Giả sử sanh có trước, sau mới có lão tử, chẳng có lão tử mà có sanh thì sanh chẳng có lão tử”. (Nếu chẳng cần lão tử mà có sanh thì

sự sanh đó độc lập, không cần có lão tử, nhưng chúng ta thấy rõ ràng sanh có lão tử, cho nên sanh có trước là không đúng).

Nếu trước có lão tử, sau mới có sanh, là chẳng có nhân, chẳng sanh mà có lão tử !

Nếu lấy hai bài kệ này để quán sự sanh tử của chúng sanh, thì cũng như muốn tìm chỗ bắt đầu của vòng tròn, là chẳng có chỗ đúng, cho nên chúng ta được biết : “Người xưa ngộ được ý này, ở nơi đi và trú đều chẳng bị chướng ngại, là do sự quán được vạn vật bất nhị mà thôi”.

Kinh Duy Ma Cật nói : “Văn Thủ khéo đến, chẳng có tướng đến mà đến, chẳng có tướng thấy mà thấy”.

Văn Thủ đáp : “Đúng vậy ! Này cư sĩ ! Nếu đến rồi thì chẳng còn đến nữa, nếu đi rồi thì không còn đi nữa. Tại sao ? Vì kẻ đến không có chỗ xuất phát, kẻ đi không có chỗ đến, sự đã thấy không còn thấy”.

Khởi Tín Luận nói : “Nếu tâm có tướng thấy thì có cái tướng chẳng thấy. Chân tâm lìa thấy tức là cái nghĩa chiếu soi khắp nơi”. Nếu có tướng khứ lai và tướng thấy, thì mất cái nghĩa chánh rồi. Cũng như người thường nói : Tánh của gió vốn là động, thật thì không đúng. Gió vốn chẳng động mà có sức làm động vạn vật. Nếu gió vốn có động thì mất tự thể, chẳng còn có sức động nữa. Do đó được biết : Sự động để tỏ bày sự chưa từng động, sự khứ lai và tướng thấy cũng vậy.

Phật xưa có bài kệ rằng :

Có người cuốc đất lộ (*dường*),
 Lấy làm thành pho tượng,
 Kẻ ngu nói tượng sanh,
 Người trí nói đất lộ.
 Sau bị quan xét ra,
 Lấy tượng đắp lại lộ,
 Tượng vốn chẳng sanh diệt,
 Lộ cũng chẳng mới cũ.

Bài kệ của Ngài Tường Công :

Hoàng Long lão Hòa thượng,
 Có lời thiền sanh duyên,
 Sơn Tăng nối pháp Ngài.
 Hôm nay vì ông kể ra đến cùng tột,
 Kể cho ông được thấu suốt,
 Con mèo lại biết rình bắt chuột.



TRÍCH LỤC TRONG

ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ THƯ

Thư của ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ gởi LÝ BÁ HÒA

Sợ hãi sanh tử mà gốc nghi nhổ chẳng hết, thì trăm kiếp ngàn đời trôi theo nghiệp mà thọ báo, trôi lên hụp xuống chẳng có lúc dừng. Tốt nhất là mạnh dạn một phen nhổ sạch gốc Nghi, bèn có thể chẳng rời tâm chúng sanh mà thấy tâm Phật. Nếu có nguyện lực từ hồi trước, gặp bậc Thiện tri thức chơn chánh, dùng phương tiện khéo léo dẫn dắt thì có gì mà khó !

Thấy chẳng ? Cổ Đức nói : “Sông hồ chẳng có tâm làm chướng ngại người; Phật Tổ chẳng có ý gạt gẫm người. Chỉ tại đương nhân qua chẳng được, chớ chẳng nên nói sông hồ làm chướng ngại người. Ngôn giáo của Phật Tổ tuy chẳng gạt gẫm người, mà chỉ vì người học đạo nhận lầm phương tiện, ở trong một ngôn, một cú, câu diệu cầu huyền, cầu đắc cầu thất, do đó mà thấu triệt chẳng được, chớ chẳng nên nói Phật Tổ gạt người. Như người mù chẳng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng là lỗi của người mù chớ chẳng phải lỗi của mặt trời, mặt trăng”.

Đây là học cái đạo lìa tướng văn tự, lìa tướng phân biệt, lìa tướng ngôn ngữ này vậy.



THƯ GỬI

TRƯỞNG ÍCH CHÍ

Chúng sanh hằng ngày hiện hành vô minh, nên hễ thuận với vô minh thì sanh hoan hỷ, còn nghịch với vô minh thì đâm ra phiền não. Phật, Bồ-tát chẳng phải thế, các Ngài lại dựa vào vô minh để làm Phật sự. Vì chúng sanh lấy vô minh làm nhà cửa, nghịch với vô minh là phá nhà cửa của chúng sanh, nên Phật, Bồ-tát thuận với vô minh là để theo cái chấp trước của chúng sanh mà dẫn dụ họ.

Ngài Vĩnh Gia nói : Thật tánh vô minh tức Phật tánh.

“Thân không” huyền hóa tức Pháp thân, là cái đạo lý này vậy.



THƯ GỬI

TRIỆU SỰ TRỌNG

Cái đạo lý này hướng lên trên sự việc tìm tòi thì nhanh, còn nếu hướng xuống dưới cái ý căn suy nghĩ tính toán thì càng thấy xa vạy. Do đó ông già Thích Ca trên hội Pháp Hoa chỉ độ được đứa bé gái tám tuổi, trên hội Niết-bàn chỉ độ được một gã đồ tể, trên hội Hoa Nghiêm chỉ độ được một đồng tử.

Xem cách thức thành Phật của ba vị đó, họ có từng hướng ra ngoài để cầu chứng đắc, cực khổ siêng năng tu hành gì đâu ! Phật cũng chỉ nói : “Nay Ta vì ông bảo nhậm việc này”, chẳng hề hư dối vậy. Chỉ nói vì người bảo nhậm mà thôi, chứ chẳng nói có pháp có thể truyền để cho ông hướng ra ngoài tìm cầu, rồi sau đó mới thành Phật.

May mắn có được thể cách như thế, tại sao không tin ? Ví như lập tức tin nổi, chẳng hướng ra ngoài tìm cầu, cũng chẳng có chứng đắc ở trong tâm, thì bất cứ chỗ nào lúc nào cũng được giải thoát. Sao vậy ? Vì đã không hướng ra ngoài tìm cầu, thì trong tâm lặng lẽ yên tĩnh, vì đã chẳng chấp có chứng đắc thì ngoại cảnh u nhàn.



BÀI KÊ của CỔ ĐỨC

Phong động tâm diêu thọ,
Vân sanh tánh khởi trần.
Nhược minh kim nhật sự,
Muội khuốc bản lai nhân.

Dịch nghĩa :

Gió động tâm thổi cây,
Mây sanh tánh nổi trần.
Nếu rõ việc hôm nay,
Che khuất mặt bản lai.

Giảng nghĩa :

Thấy gió động, tự tâm thổi cây,
Biết mây sanh, tự tánh nổi trần.
Nếu thấy biết rõ việc hôm nay,
Tức là che khuất mặt bản lai.

Gió thổi, mây bay, cho đến tam tạng giáo điển, tất cả Phật Pháp đều là việc hôm nay.



TRÍCH TRONG

PHẬT HỌC VỀ TÔN GIÁO CỦA NHÂN LOẠI

Tất cả tôn giáo trên thế giới đều phải có đủ sáu yếu tố sau đây :

1. Oai uyền.
2. Nghi thức.
3. Suy lường.
4. Truyền thống.
5. Thần trí và ân điển.
6. Thần bí.

Về tôn giáo của nhân loại, sáu yếu tố này đã phát huy được tác dụng trọng yếu, nhưng mỗi thứ yếu tố ấy đều có thể làm mất sự khống chế mà sanh ra các tệ đoan. Tệ đoan này làm cho thực cảnh của tôn giáo càng ngày càng hoang vu, hủ bại (*mục nát*), lạc đề và đầy thất bại lẩn quẩn trong mê tín.

Phật Thích Ca quyết tâm rửa sạch miếng đất hoang vu này, để cho chân lý được nảy mầm. Phật giáo đối với sáu yếu tố này đều không có một chút dính dáng. Do đó làm cho người ta hoảng sợ, vì theo cách quan sát của người thường, nếu một tôn giáo mà thiếu sáu yếu tố này thì không thể tồn tại được.

Nhưng sự thực này đều được chứng tỏ như sau :

I. PHẬT THÍCH CA HOẰNG DƯƠNG MỘT TÔN GIÁO CHẮNG CÓ OAI QUYỀN

Đặc quyền của Bà-la-môn đứng trên bốn giai cấp ở Ấn Độ đều bị Phật quét sạch, Phật nói với mọi người, chớ nên tin và ý lại thói quen của thế tục, chớ nên vì thấy một học thuyết ở trên kinh điển cho là phù hợp với tín ngưỡng của mình, hoặc vì lời khai thị của Đạo Sư mình, mà mình lại tin và mến nó cho nó là ngọn đèn của mình.

Chúng ta ở hiện tại cho đến sau khi chết chỉ tin nơi chính mình, chẳng cần sự tiếp tay của người khác. Chỉ có khả năng của chính mình mới đạt được cảnh giới tối cao.

II. PHẬT HOẰNG DƯƠNG MỘT TÔN GIÁO CHẮNG CÓ NGHI THỨC

Phật cho rằng tất cả nghi thức và điển lễ chỉ có hiệu lực bó buộc tinh thần của con người. Về điểm này, nhiều tác giả hình dung Phật giáo chẳng thuộc về lý tánh đạo đức của tôn giáo nào cả.

III. PHẬT HOẰNG DƯƠNG MỘT TÔN GIÁO CHẮNG CÓ SUY LUỒNG

Lý do này rất đơn giản. Đối với sự cầu tri giải của tham dục. Phật cho là chẳng thể giúp cho sự khai mở trí huệ. Thí dụ như một người bị mũi tên độc bắn trúng, không cho thầy thuốc chữa liền, mà để tìm hiểu mũi tên, người bắn v.v... thì như thế, người bị thương sẽ chết trước khi tìm hiểu được.

IV. PHẬT HOẰNG DƯƠNG MỘT TÔN GIÁO CHẮNG CÓ TRUYỀN THỐNG

Phật kêu gọi tín đồ từ chối bị đè ép nặng nề mà tự thoát ra, chớ nên tôn sùng ý lại và giữ lấy những lời dạy bảo của đời trước truyền xuống. Nếu tín thọ phụng hành những giáo điều ấy, sẽ làm cho mình mê hoặc và đau khổ, biết đến khi nào tự giác, tự chứng được chính mình! Phật cho rằng : Nên cắt đứt truyền thống đời xưa là tốt nhứt.

V. PHẬT HOẰNG DƯƠNG MỘT TÔN GIÁO NHẤN MẠNH TỰ LỰC, KHÔNG CẦU ÂN ĐIỂN.

Vận mệnh của mình không do người khác định đoạt, dù là Thần, Tiên cho đến Phật cũng không giải thoát giúp cho mình được, mà phải nhờ tự lực mới giải thoát đến cùng tột.

VI. PHẬT HOẰNG DƯƠNG MỘT TÔN GIÁO KHÔNG THẦN BÍ

Phật nói tất cả bói toán, tiên tri... đều là môn học thấp kém, không cho môn đồ làm những phép thần bí này.

“Phàm dùng tà thuật để hiển bày kỳ lạ, đều chẳng phải là đệ tử của Ta, làm phép thần bí là một việc rất nguy hiểm”.

Khi Phật tại thế, Phật luôn phòng ngừa sáu yếu tố có hại kể trên sẽ xâm nhập vào Phật giáo. Vậy mà sau khi Phật nhập diệt rồi, những tệ hại của sáu yếu tố này lần lần tràn khắp.

Nhưng sự di hại này không làm mất bản chất chân thật của Phật giáo, mà chúng tôi nhận thức như sau :

1) Rất chú trọng kinh nghiệm trực tiếp.

Xưa nay, chưa có một tôn giáo nào hoàn toàn dùng cách phán đoán do kinh nghiệm trực tiếp để làm sáng tỏ lập trường kinh nghiệm trực tiếp của cá nhân, mới là sự khảo nghiệm chân lý tối hậu đối với mọi vấn đề. Chớ nên y cứ vào một luận lý hoặc suy lý hay biện luận nào. Một để tử chân chính của Phật cần phải tự mình chứng ngộ mới được.

2) Rất khoa học.

Kinh nghiệm trực tiếp dẫu cho là sự phán đoán sau cùng, nhưng mục đích của nó là làm sáng tỏ sự quan hệ nhân quả của thế hệ sanh tồn, nghĩa là : Bỉ tồn tại thì thủ tồn tại, bỉ chẳng tồn tại thì thủ chẳng tồn tại.

3) Rất thực dụng.

Phật xóa bỏ tất cả suy lường và tìm cầu bên ngoài, mà tập trung chú ý về sự giải quyết vấn đề thực tế. Lời dạy bảo của Phật chỉ là phương tiện tạm thời, chẳng có giá trị nào khác. Cũng như chiếc bè chỉ để qua sông, khi qua đến bờ kia rồi, thì thành vô dụng.

4) Trị liệu.

Phật nói : "Ta chẳng hỏi ý kiến của ngươi. Ta

chẳng hỏi tôn giáo của người, Ta chỉ hỏi người “Có bệnh gì?”

Phật nói “khổ” và cách dứt khổ, “bệnh” và cách dứt bệnh, Ta chỉ khai thị cho người việc này.

5) Nhân bản.

Phật thuyết pháp chẳng từ sự bắt đầu của vũ trụ, chỉ nói về thực tế của con người, nói về vấn đề của con người, tính chất của con người và động lực phát triển của con người mà thôi.

6) Rất dân chủ.

Phật phê bình và đả kích chế độ giai cấp, nhất là sự thiết lập năng lực khuynh hướng về chế độ truyền thừa^(*).

Phật sanh ra từ dòng vua chúa, thuộc giai cấp thống trị, lại còn là Tăng sĩ Bà-la-môn (có đặc quyền đứng trên bốn giai cấp ở Ấn Độ) mà vẫn quyết định đả phá giai cấp, chẳng màng đến địa vị xã hội của mình, lấy sự bình đẳng mà đối với đại chúng.

7) Tự tánh tự độ.

Phật pháp là vì sự lợi ích chung cho tất cả chúng sanh, nhưng rất chú trọng về phương diện tu tập của cá nhân. Đối tượng của Phật thuyết pháp là mỗi cá nhân, Phật muốn mỗi người đều nhìn ngay chính

^(*) Chế độ truyền thừa : Cha làm vua thì con cháu là giai cấp vua; Cha làm nô lệ thì con cháu là giai cấp nô lệ.

mình để đạt được Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên Phật nói với A-nan rằng : “Ngươi hãy làm đèn sáng cho chính mình, ngươi phải làm nơi nương tựa cho chính mình, chớ nên nương tựa bên ngoài, phải siêng năng tu tập để giải thoát cho mình”.



PHÁP MÔN AN TÂM CỦA TỔ ĐẠT MA

(Trích THIẾU THẤT LỤC MÔN, Quyển 48 ĐẠI TANG)

Lúc mê thì người đuối theo pháp (còn Pháp chấp), lúc ngộ thì pháp đuối theo người (hết Pháp chấp); mê thì sắc thân làm chủ Tâm thức, ngộ thì Tâm thức làm chủ sắc Thân, hễ có khởi tâm phân biệt so do cái hiện lượng của tâm thức, thì đều như mộng huyễn, nếu Tâm thức tịch diệt, chẳng còn chỗ móng khởi, gọi là CHÁNH GIÁC.

Hỏi : - Thế nào là hiện lượng của Tâm thức ?

Đáp : - Thấy tất cả pháp Có, Có chẳng tự Có, do tự tâm chấp thật thành Có; thấy tất cả pháp KHÔNG, KHÔNG chẳng tự KHÔNG, do tự tâm chấp thật thành KHÔNG, cho đến bất cứ pháp nào cũng vậy, đều do tự tâm chấp Có chấp Không mà thành.

Nếu tạo tất cả tội mà người ấy tự thấy được PHÁP VƯƠNG của mình (*kiến tánh triệt để*), thì liền được giải thoát. Nếu ở nơi sự được ngộ thì sức dụng mạnh hơn, nơi sự mà thấy được Pháp tánh (*Tự tánh*) thì bất cứ ở chỗ nào đều chẳng mất chánh niệm, nơi vẫn tự được ngộ thì sức dụng yếu kém. Sự tức là Pháp, Pháp tức là Sự, Sự và Pháp chẳng hai chẳng khác, dẫu cho người chạy nhảy nhào lộn, dù thứ vận dụng đều chẳng ra ngoài phạm vi của pháp giới. Nếu đem pháp giới để

nhập pháp giới, ấy là kẻ ngu si, bất cứ làm việc gì đều chẳng ra ngoài pháp giới tâm, tại sao ? Vì tâm thể túc là Pháp giới vậy.

Hỏi : - Người thế gian đủ thứ tu học, tại sao chẳng đắc đạo ?

Đáp : - Vì thấy có TA nên chẳng đắc đạo. TA tức là NGÃ. Bậc Thánh gặp khổ chẳng lo, gặp vui chẳng mừng, vì chẳng thấy có TA, nên chẳng biết khổ vui, vì quên mình nên mới được đến chỗ hư vô, TA còn tự quên thì đâu còn sự vật nào mà chẳng quên !

Hỏi : - Pháp đã là KHÔNG thì còn ai tu đạo ?

Đáp : - Có “Ai” mới cần tu đạo, nếu không có “Ai” thì chẳng cần tu đạo. Cái “Ai” này chính là ngã, nếu không chấp ngã thì gặp sự vật gì đều chẳng sanh tâm phải quấy; phải do ta tự phải, mà sự vật chẳng phải, quấy do ta tự quấy, mà sự vật chẳng quấy, nơi tâm vô tâm, ấy gọi là thông đạt Phật đạo, nơi vật mà chẳng khởi tri kiến gọi là đạt đạo. Hễ gặp sự vật nào cũng liễu đạt nguồn gốc của nó thì người ấy được khai mở Huệ nhẫn.

Người trí tùy sự vật mà chẳng tùy tự kỷ (hết ngã chấp) nên chẳng có thuận nghịch lấy bỏ, kẻ ngu tùy tự kỷ (còn Ngã chấp) chẳng tùy sự vật nên có thuận nghịch lấy bỏ. Chẳng thấy một vật gọi là kiến đạo (*thấy vật chẳng chấp thật cũng như chẳng thấy*), chẳng hành một vật gọi là hành đạo, ở tất cả nơi

chẳng có nơi (ở tất cả *nơi chẳng chấp thật cũng như chẳng nơi*), ngay khi làm mà chẳng có năng làm, chẳng có sở làm, tức là thấy Phật. Lúc thấy có tất cả tướng tức là có cái kiến chấp để chấp tướng nên bị dọa địa ngục, do chiếu soi thấu triệt pháp tánh nên được giải thoát. Hễ có sự tưởng nhớ phân biệt, ấy đều là những việc của bên chảo dầu sôi, lò lửa than, liền hiện tướng sanh tử. Nếu thấy pháp giới tánh (*tức là thấy tự tánh, cũng gọi là Niết-bàn tánh*) chẳng có sự tưởng nhớ phân biệt, tức là pháp giới tánh.

Vì tâm chẳng phải sắc (*vật chất*) nên PHI HỮU, thường dụng mà chẳng gián đoạn nên PHI VÔ, dụng mà thường KHÔNG nên PHI HỮU, Không mà thường dụng nên PHI VÔ (*chữ PHI ở đây là công cụ để phá chấp, không được cho là CHẮNG PHẢI*).



TRÍCH TRONG

KINH VIÊN GIÁC

1) PHẨM BỒ TÁT PHỔ HIỀN

Phật nói : Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời мат pháp, cần phải xa lìa tất cả cảnh giới huyền hóa hư vọng; vì do cố chấp cái tâm XA LÌA, nên tâm như huyền hóa ấy cũng còn phải xa lìa; nhưng có XA LÌA là huyền, nên còn phải xa lìa cái “CÓ XA LÌA” ấy nữa; cái “LÌA XA LÌA” cũng là huyền, cũng còn phải xa lìa, thì mới đến được chỗ chẳng có sở lìa, tức là trừ hết tất cả huyền !

(Phật nói những thứ lớp này là phương tiện để chúng sanh sanh khởi lòng tin, chớ không phải đường lối thực hành, nên khi nói đến chỗ thực hành thì nói chẳng lập phương tiện, cũng chẳng thứ lớp, lại căn dặn chúng sanh nên y theo đây mà tu hành).

Tri huyền tức ly,
 Bất tác phương tiện,
 Ly huyền tức giác,
 Diệc vô tiệm thứ.
 Huyền tùng chư giác sanh,
 Huyền diệt giác viên mãn.
 Giác tác vô tiệm thứ,
 Phương tiện diệc như thị.

Dịch nghĩa :

Bản tri hiện thì huyễn hóa hư vọng tự lìa, chẳng lập phương tiện để biết nó và lìa nó. Huyễn lìa thì Bản giác tự hiện cũng chẳng có thứ lớp (*Bản tri tức là bản giác, phương tiện tức là thứ lớp*).

Vì huyễn hóa hư vọng là do giác tri mà sanh ra, nếu không dùng giác tri để biết cái huyễn hóa hư vọng đó, thì huyễn ấy tự tiêu diệt, tức là lìa huyễn, cũng là Bản giác tự hiện, viên tròn đầy đủ, chẳng có thứ lớp, cũng chẳng lập phương tiện.

2.) PHẨM BỒ TÁT THANH TỊNH HUỆ (trang 20)

Cứ nhất thiết thời,
 Bất khởi vọng niệm.
 Ư chư vọng tâm,
 Diệc bất tức diệt.
 Trụ vọng tưởng cảnh,
 Bất giác liễu tri.
 Ư vô liễu tri,
 Bất biện chân thật.

Dịch nghĩa :

Bất cứ lúc nào,
 Chẳng khởi vọng niệm,
 Đối với các vọng tâm.
 Cũng chẳng khởi ý ngưng nghỉ hay tiêu diệt nó
 Ở cảnh vọng tưởng,
 Không cho hiểu biết là cảnh vọng,
 Nơi chẳng hiểu biết.
 Cũng chẳng phân biệt đó là chân thật chẳng
 hiểu biết.

DUY TÂM QUYẾT (ĐẠI TẶNG)

VĨNH MINH Thiền Sư

Nói đến chữ Tâm chẳng phải chơn, vọng, hữu, vô có thể phân biệt được; chẳng phải văn tự, lời nói có thể diễn tả được. Nhưng các bậc Thánh ca ngợi, các Hiền triết giải thích, ngàn lối khác nhau, chỉ là tùy theo đương cơ mà giả lập phương tiện, cuối cùng đều quy về một pháp mà thôi.

Nên Kinh Bát Nhã nói Bất nhị, Pháp Hoa nói Nhất thừa, Tư Ích nói Bình đẳng Như như, Hoa Nghiêm nói Thuần chơn pháp giới, Viên Giác Kiến lập tất cả, Lăng Nghiêm bao gồm Mười phương, Đại Tập Nhiễm tịnh dung thông, Bảo Tích Căn trần hòa hợp, Niết-bàn An nơi bí tạng, Tịnh Danh Đạo tràng khắp nơi... tất cả tổng nghiệp bao gồm, tỏ hết sự và lý chẳng có thiếu sót. Cho nên một pháp ngàn tên, tùy duyên lập hiệu, người học đạo chớ nên mê lầm việc tùy sự lập danh, kẹt vào lời nói phương tiện mà cho chúng sanh là giả, chư Phật là thật! Nếu ngộ được nhất pháp thì vạn pháp viên thông, sự mắc kẹt của nhiều kiếp ngay đó tan rã, vô biên diệu nghĩa nhất thời đều thông, thấu triệt nguồn gốc của tâm pháp, rõ hết phương tiện của chư Phật, chẳng tốn một chút

công lực, chẳng dời một bước mà du lịch hằng sa thế giới, không một Phật sát đạo tràng nào mà chẳng đến, không một pháp hội nào mà chẳng dự, không một tướng nào mà chẳng phải thật tướng, không một nhân nào mà chẳng phải viên nhân (*cái nhân tròn đầy bao gồm tất cả tâm pháp*), hằng sa Như Lai rõ ràng ngay trước mắt, mười phương Phật pháp sáng tỏ trong bàn tay, núi sông cao thấp cùng chuyển căn bản Pháp luân, hàm linh lớn nhỏ phổ hiện sắc thân Tam muội. Ở một chỗ mà mười phương cùng hiện, giảng một âm mà pháp giới đồng nghe, nói huyền nói diệu mà chẳng hoại pháp thế gian, muôn ngàn biến hóa mà chưa dời chỗ thật tế. Cùng tam thế chư Phật nhất thời hành đạo, với mười loại chúng sanh đồng chứng Niết-bàn, đánh trống Phật pháp noi cung ma, sấm sét Phật pháp noi xứ tà, đi ngược mà tự thuận, noi cương mà tự nhu, lên cao mà chẳng nguy, nước đầy mà chẳng tràn, ở yên trên đất tuyệt học, sâu vào nguồn gốc vô vi, nhập cửa huyền của chúng diệu, dạo cảnh giới của thật tướng.

Chẳng một pháp vốn có, chẳng một pháp mới thành, diệt trung biên, tuyệt tiền hậu, ấn đồng dị (đồng và dị cùng trong một pháp ấn), nhất khứ lai. Muôn cảnh cùng quán, nhất tâm bình đẳng, tiếng Phật thường nghe, huệ quang thường chiếu, đây là Đại tịch Tam muội Kim cang định môn Thánh phàm bằng nhau, cổ kim đều vậy. Như tánh ướt của giọt

nước với biển cả vốn đồng, sự dung nạp của cái lỗ nhỏ bằng hạt cải so với hư không chẳng khác, kẻ tin được thì công siêu nhiều kiếp, kẻ ngộ được thì rõ trong sát na.

Cái pháp môn của nhất tâm này thật là đại đạo chẳng có phương sở, tụ tập bụi trần mà chẳng phải hợp, tan rã quốc độ mà chẳng phải phân (*phân tán*), hòa quang mà bất quần (*chẳng phải nhiều chúng họp lại*), đồng trần mà chẳng nhiễm, siêu xuất mà chẳng lìa, dung hợp mà chẳng tụ, nuôi dưỡng Thánh phàm mà chẳng có hình tướng thật chất để thấy, kiến tạo pháp giới mà chẳng có tên họ để gọi, che khắp cỏ cây, phủ khắp kim cổ, cùng khắp hư không pháp giới, bầu trời chẳng thể che lấp bản thể, thường chiểu thường hiện, địa ngục chẳng thể ẩn giấu ánh sáng, vô trụ vô y, trần lao chẳng thể đổi cái tánh, phi thuần phi tạp, muôn pháp chẳng thể giấu cái chơn, vắng lặng mà âm thanh khắp nơi, vô tướng mà hình tướng đầy trời, dung hợp lẫn nhau mà cảnh vật muôn ngàn sai biệt, hình tướng sum la chỉ là một, chẳng tụ chẳng chia, chẳng vì việc hỏng mà mất bản thể, cũng đồng cũng khác, tùy duyên mà chẳng cần giữ tánh, tức tướng là tánh nên chẳng ngại kiến lập; tức lý là sự nên chẳng hoại chơn thường. Dùng cái không của hữu đâu ngại đủ thứ sanh khởi; dùng cái động của tịnh, đâu ngại muôn cảnh tịch lặng, nói một thì lớn nhỏ khác nhau, nói khác thì cao thấp đều bằng, nói có thì chơn lý tịch diệt, nói không thì sự dụng chẳng bỏ, dù sanh mà

thường tịch, tướng thế gian trống rỗng, dù động mà thường trụ, muôn pháp chẳng dời; dù ẩn mà thường khởi, thích ứng tùy cơ. Chẳng giả mà ảo tưởng hòa hợp, chẳng thật mà chơn tánh trạm nhiên, chẳng thành mà đủ loại cùng sáng, chẳng hoại mà các duyên tự tuyệt. Cảnh dù hiện mà chẳng có tánh hiện, trí dù chiếu mà chẳng có công chiếu, tịch và dụng chẳng khác, năng và sở chỉ một. Đồng như gương sáng mà vạn tượng chẳng thể giấu hình, tánh như hư không mà các tướng chẳng rời bản thể, làm tạng thường trụ, làm cửa biến thông, trạm nhiên kiên cố mà thường tùy vật biến hóa, lăng xăng tạo tác mà chẳng động được chọn như, thân nam ẩn, thân nữ hiện, phương Đông nhập, phương Tây xuất, đang còn mà thường diệt, đang nấm mà thường buông, phổ biến mà ánh sáng chẳng động, khắp nơi mà một vật chẳng có, một hạt bụi gồm vô biên quốc độ, một niệm tưởng lập vô tận cổ kim. Tức tịnh thường nhiễm ở thật tướng mà chẳng phải thăng (*cấp bậc cao*), tức đục thường trong, vào lục đạo mà chẳng phải đọa.

Nhin bên ngoài chẳng dư, nhin bên trong chẳng thiếu, đầy mắt mà chẳng thấy đầy tai mà chẳng nghe, đầy lòng mà chẳng biết, đủ lượng mà chẳng hay, đã thành mà chẳng phải cũ, nay hiện mà chẳng phải mới, chẳng mài mà tự sáng tỏ, chẳng chùi mà tự trong sạch, chơn tánh độc lập, diệu thể thường trụ, linh quang xán lạn, công đức đầy tràn.

Diệu dụng của hàm linh phổ hội, làm vua của muôn pháp, Tam thừa và Ngũ tánh (*nǎm thú chủng tánh* : *tam thừa, ngoại đạo và bất định chủng tánh*) quy tụ, làm mẹ của ngàn Thánh, độc tôn độc quý, chẳng gì sánh bằng, là chơn pháp yếu, là thật đại đạo, tông tích nhiệm mầu chẳng định, tùy theo tánh vật mà vuông tròn, diệu dụng thích ứng tự nhiên, tùy theo căn cơ mà ẩn hiện, cho nên gốc sanh ngọn mà ngọn tùy gốc, thể dụng lẫn nhau; chơn thành tục mà tục lập chơn, Thánh phàm cùng tỏ; chính ta giúp người mà người lại giúp ta chủ bạn cùng tham.

Chúng sanh thành Phật mà Phật độ chúng sanh, nhân quả rõ ràng. Cảnh chẳng tự tánh mà người khác thành tự kỷ tâm chẳng tự tánh mà tự kỷ thành người khác, lý chẳng thành tựu mà một tức nhiều sự chẳng thành tựu làm nhiều tức một, tướng dù giả mà âm thầm một thể, tánh dù thật mà thường nơi vạn duyên. Dù hiển lộ mà tìm cầu rất khó, dù siêu tuyệt mà đại dụng chẳng ngại, hiện ra ảo tượng nơi một tánh mà dung chơn (*dung hợp Chơn đế*), Tịch diệt linh thiêng, nhờ sum la mà hiển tướng. Đế và Trí (*Đế : Chơn đế, Tục đế, Trí : Quyền trí, Thật trí*) phát minh lẩn nhau, nhiễm và tịnh huân tập lẩn nhau, tùy sức yếu mạnh mà chìm nổi vô thường, tùy duyên tụ tán mà nấm buông chẳng định, nghiệp nhau thì vi trần chẳng hiện, giúp nhau thì muôn cảnh đều sanh, đến như bóng

trăng bỗng hiện trong nước, đi như đám mây bỗng tan trên trời, động tịnh vô ngại, trống rỗng thấu nhập, tương sanh tương khắc, linh thông khó lường, chẳng trong chẳng ngoài, diệu tánh khắp nơi.

Biển trí mênh mông, dung nạp tất cả chẳng kể thiếu sót, linh châu (*tự tánh*) sáng tỏ, chiếu khắp mười phương chẳng từng mảy may ẩn giấu. Như vàng thiêng tùy theo đồ dùng làm ra đủ thứ khuôn hình, muôn ngàn sai biệt mà chẳng ngại, như nước trong lặng nổi nhiều làn sóng, hiển tường mà bản thể chẳng chút mất mát. Đều đúng đều sai, cũng tà cũng chánh, chẳng có mà thị hiện có, mơ hồ như trong mộng, chẳng thành mà tựa như thành, thấm thoát như huyễn hóa. Tùy nguồn không mà sanh diệt, pháp pháp vô tri, theo biến ảo mà thịnh suy, duyên duyên tuyệt đối (*dối đai*). Cho nên, đỉnh núi chót vót mà chẳng vực thẳm, biển rộng không đáy mà chẳng thâm sâu, tam độc, tứ đảo (điên đảo) mà chẳng phải phàm, bát giải lục thông mà chẳng phải Thánh, đồng ở đất chon như tịch diệt, cùng vào cửa bất nhị vô sanh. Tạo tác trong đại giải thoát, trùng trùng vô tận hiển hiện trong bất tư nghì, mỗi mỗi khó tìm, đâu thể kiến lập thủy chung, chỉ định xứ sở ! Đâu cần sùng chon chê vọng, chán dị ham đồng !

Lại muốn hoại thân thể huyễn hóa, muốn dứt ý thức chiêm bao; mà chẳng biết mỗi niệm đều là Thích Ca ra đời, mỗi bước đều là Di Lặc hạ sanh, phân biệt

là hiện cái tâm của Văn Thù, động tịnh là hành cái hạnh của Phổ Hiền, mọi cửa đều là cam lồ, mọi vị đều là đê hồ, thật chẳng ra ngoài vườn Bồ-đề, thường ở nơi thế giới Liên Hoa Tạng. Chói rọi không vật nào chẳng soi thấu, rõ ràng sáng tỏ đầy mắt, khỏi nhờ biện tài diễn tả, chẳng cần thần thông hiển thị, động tịnh thường gặp, sáng tối chẳng lìa, chẳng phải xưa thanh nay suy, đâu phải ngu chìm mà trí hiện !

Nói nín thường khế hợp, đầu đuôi thầm dung thông, Đạt Ma đâu cần đến Đông độ, bảy Phật đâu cần thị hiện trên đời ! Hễ tâm không thì rời đất hư tịch, tâm hữu thì quốc độ sum sê, niệm khởi thì sơn nhạc lay động, niệm lặng thì sông ngòi yên tĩnh, ứng cơ cao tột thì lời lời liễu nghĩa, trí tuệ sáng tỏ thì niệm niệm hư huyền, căn khí lớn thì pháp pháp đầy đủ, độ lượng rộng thì trần trần vô tận, ý địa trong thì thế giới sạch, tâm thủy đục thì cảnh tượng tối, đề ra một mà bao gồm toàn bộ, khang trang bình đẳng, sẵn sàng cụ túc, chỉ ở nơi chánh quán mà thôi.

Muôn pháp vốn do người tạo, chơn như tự đủ nhiều đức, vô niệm mà công đức săn có, vô tác mà diệu hạnh đều viên. Chẳng tạo mà thành, linh trí săn sàng, chẳng tìm tự đắc, diệu tánh thiên chơn, mới biết lý trí viên dung, đại đạo chẳng ở bên ngoài, tuyệt một hạt bụi mà độc lập, có tướng nào để tung hoành ? Vì vậy, ngay nơi âm thanh tức là nghe, ngoài sự thấy chẳng có pháp khác (*bản văn cũng là bản kiến, cùng*

khắp không gian và thời gian) sắc đẹp chẳng thể mê hoặc, âm điệu chẳng thể lôi chìm, như nước biển hội đủ mùi vị của ngàn sông, như núi Tu-di nuốt hết sắc tướng của quần đảo, không một tên chẳng hoằng danh hiệu Như Lai, không một vật chẳng tỏ hình tướng của chư Phật, cây cối nhà cửa tự tỏ diệu tướng vô biên, khỉ kêu chim hót đều nói diệu âm bất nhị, si ái thành nguồn chơn giải thoát, tham sân tò đại dụng Bồ-đề, vọng tưởng khởi mà Niết-bàn hiện, trần lao sanh mà Phật đạo thành. Từ bản thể làm nên mà Hóa thân, Báo thân tịch lặng, tùy nhân duyên hiển hiện mà Pháp thân đầy đủ khắp nơi, thật là chõ quy về của giáo pháp, linh ngộ của Thánh hiền, thực tế của chúng sanh, căn bản của vạn vật, đại cương của Chánh pháp, bản ý của xuất thế, đường lối của Tam thừa, bến đò của Phật đạo, linh nguyên của Bát-nhã, quê nhà của Niết-bàn.

Bởi vì diệu lý mầu nhiệm sâu xa, huyền chỉ hy hữu khó lường, kẻ cuồng huệ uổng nhọc tinh thần, kẻ si thiền chỉ có thể tự trói. Kỳ thật thì con đường của ngôn ngữ cắt tuyệt, ý thức phân biệt dứt bật, tinh thần trong sạch, trí huệ tự nhiên, không hữu song dung, căn trần trống rỗng như nhìn thấu trời xanh, như ở dưới mặt trời chói chang, không một pháp môn nào chẳng hiện, không một chí lý nào chẳng rõ. Chẳng động tình thức, dưới ao sâu mà lượm nhầm thất bảo, chẳng phí tâm lực; trong nước đục mà tự

được huyền châú, quán đại thiêng thế giới ngay trước mắt, chỉ hằng sa quốc độ nơi bên cạnh, nắm chúng sanh trong bàn tay, ôm vạn vật ở trong lòng, chẳng tốn chút công, thành tựu Lăng Nghiêm đại định; chẳng nhìn một chữ, xem hết tất cả kinh điển, nghĩa của Tứ cú thông, đường của Bách phi tuyệt. Đọc xuyên tam tế, ngang thấu mười phương, duy nhất Tổng trì (*Tổng nhất thiết pháp, Trì nhất thiết nghĩa hiệu Đại Tự Tại*).

Thần quang hiển hách, oai đức lừng lẫy, ngoại đạo kinh hồn, tà ma sợ hãi, phiền não tan rã, sanh tử bay mất, tình ái rửa sạch, ngạo mạn sụp đổ, thong thả vô ngại, đam bạc rộng rãi, vô đắc vô cầu, khoáng đạt tự tại, cao rộng quá hư không, ánh sáng hơn nhật nguyệt, vậy thì quyền trí và thật trí đi đôi, từ bi, trí huệ song hành, cứu thế như huyền, độ sanh đồng không, vào hữu mà chẳng trái vô, hành chơn mà chẳng ngại tục, như trời che đất chở, như nhật nguyệt cùng sáng, thị Thánh hiện phàm, xuất sanh nhập tử, đem thật tướng tâm ấn, dựng đại pháp tràng tạo một ánh sáng mà cứu tế muôn loài, khiến tro lạnh được bừng lên sức ấm, hạt giống cháy sống lại làm thuyền. Từ nơi biển khổ, làm Đạo sư cho kẻ lạc đường. Che và chiếu tự động, nắm buông tùy ý, dù vô tri mà muôn pháp viên thông, dù vô kiến mà tất cả rõ ràng. Chỉ cần khế hớp ý chỉ này thì bản thể vốn tự nhiên, như mùa xuân nảy mầm, như đất sanh vạn vật, Thập thân

bỗng hiện, Tứ trí đồng khởi, là như ý tràng (cây lọng), là thất bảo tụ, pháp tài phong phú, lợi sanh chẵng cùng, nên gọi Vô Tận Tạng, hiệu rùng công đức, đâu thể có ánh nắng mà chẵng chiếu, có đèn đốt mà chẵng sáng !

Chớ nên dùng tâm có giới hạn mà sanh kiến giải có ngần mé, đo lường rộng hẹp của hư không, xác định biên thùy của pháp giới, khiến cho tình thức phân biệt, chẵng siêu việt được cảnh trần, vọng tâm bừng dậy nơi đất chơn như, đánh lên làn sóng ý thức trong biển tịch diệt; hạn chế sự thấy trong ống dòm, trộm cắp ánh sáng nơi kẻ vách, vọng lập cái tri của nắng sở, lầm khởi cái kiến giải của tốt xấu, đuổi theo lời nói văn tự để định đoạt tông chỉ, cũng như con muỗi muốn bay theo đại bàng, đom đóm muốn so với mặt trời vậy !

Tự tánh khởi dụng dung nạp mười phương hư không trong một lỗ chân lông, hiện muôn ức Phật sát trong một sát na, mỗi mỗi thân cùng khấp mỗi mỗi Phật sát, mỗi mỗi Phật sát bao gồm vô biên thân, rút nhiều kiếp trong khoảnh khắc, quăng quả đất ra ngoài vũ trụ, trong một lỗ chân lông phóng ra vô tận quang minh, trong một lời nói tỏ hết tất cả giáo pháp, ấy là bốn phận của chúng sanh, sức bằng với chư Phật, không một pháp nào mà chẵng phải vậy, hễ có tâm là săn sàng, chẵng nhờ sức của thần thông, chẵng do tu chứng mà được, đức lượng như nhu, tất cả đầy đủ, nếu

bỏ biển mà nhận bọt, ý chí thấp kém mà tự khinh mình, cũng như cầm hạt châu như ý mà đi xin, có kho vàng lại nghèo khổ, cô phụ tánh linh của chính mình, chôn vùi gia tài mà không biết xài !

- Người học đạo chẳng tin tự tâm hoặc muốn bỏ vọng mà giữ chơn; hoặc cho mình chẳng có phần mà cam chịu trần lao; hoặc nhận vọng làm chơn mà hành hạnh; hoặc chấp phương tiện mà khổ tu tiệm tích chúa công đức, hy vọng mãn ba A-tăng-kỳ kiếp để thành Phật, chẳng biết toàn thể hiện tiền, lại còn chờ đợi sự thành công. Nếu chẳng nhập viên thường ắt phải chịu luân hồi !

- Chỉ vì mê muội nơi đức tánh, chẳng phân biệt ngọn, theo tông, buông giác theo trần, bỏ gốc tìm di, mổ xé lưới ma của hữu vô, vào rừng tà của đồng theo trần, chơn không, phân chia pháp tánh, sanh diệt duyên bồ tánh, hữu vô tùy cảnh, chấp đoạn mê thường, lấy

- Hoặc hòa thân dưỡng khí mà chấp tự nhiên; hoặc chấp lấy thân hủy hình là hành theo chí đạo; hoặc mắt; hoặc cài cột vô trước để dựng lên thành cảnh trước bình diệt cầu tịnh lự mà đè nén vọng tâm; hoặc gọt bóng của pháp để kết thành không; hoặc theo hình hoặc bỏ mắt nhân duyên pháp trần mà ôm thành tướng; hoặc hán nhân chơn chiếu của linh tâm; hoặc hủy hoại của Phật pháp.

- Hoặc kết tụ tinh thần cắt tuyệt tâm thức; thọ báo thành loài vô tình; hoặc tinh tâm bắt sắc trú quả nơi cõi trời Tứ không; hoặc chấp thật có, lạc vào thành huyền hóa; hoặc chấp KHÔNG lại đồng như sừng thỏ; hoặc tuyệt kiến giải, dọa vào nhà đèn tối; hoặc lập chiếu soi, trở thành chấp sở tri; hoặc nhận HỮU GIÁC là hình của chơn Phật, hoặc nhận VÔ TRI như loài gỗ đá; hoặc chấp vọng bằng với quả cứu cánh, cũng như nhận đất là bình; hoặc bỏ duyên để vào cửa giải thoát, cũng như vạch sóng tìm nước.

- Hoặc đuổi theo ngoại cảnh, vọng tạo việc trong chiêm bao; hoặc trong giữ u nhàn, ở yên nơi ngu si; hoặc chấp đồng, cho vạn vật đều bằng nhau; hoặc chấp dị, mỗi mỗi tự lập pháp giới; hoặc cam chịu ngu si, cho chẳng có phân biệt là đại đạo; hoặc ham Không kiến (*tri kiến chấp không*), bài xích thiện ác cho là chơn tu; hoặc hiểu lầm tánh bất tư nghì lọt vào ngoan không; hoặc cho diệu tánh chơn thiện là thật có; hoặc trầm cơ tuyệt tưởng (*cơ : linh động*) đồng như cõi trời hữu lâu; hoặc giác quán tư duy dọa nơi tình lượng (tình thức suy lường); hoặc chẳng cứu xét vọng tánh, cho ấy là thời hỗn độn sơ khai của trời đất; hoặc mê muội nơi ảo thể, lấy “tuyệt không” làm Tông chỉ.

- Hoặc nhận bóng làm chơn; hoặc lấy vọng để tìm thật; hoặc nhận tánh kiến văn cho là loài hữu tình hoặc chỉ cảnh huyền hóa cho là loài vô tình; hoặc khởi

ý trái với tịch tri; hoặc dứt niệm phế bỏ Phật dụng; hoặc mê tánh công đức, khởi tri kiến của tâm sắc; hoặc căn cứ lời “Tất cảnh không” sanh tâm đoạn diệt; hoặc chấp chí lý liền bỏ trang nghiêm; hoặc mê tiệm thuyết (*đốn tiệm tương đối*), luôn luôn tạo tác; hoặc chiếu theo “Bản thể lìa duyên” kiên cố ngã chấp; hoặc tiêu diệt tất cả, giữ lấy tự kỷ; hoặc quyết định “Người và pháp tự nhiên” thành ngoại đạo vô nhân; hoặc chấp cảnh và trí hòa hợp, đọa vào cộng kiến; hoặc chấp tâm và cảnh lẩn lộn, thành pháp năng sở; hoặc chấp sự phân biệt chơn tục, bị buộc nơi ngu xuẩn của tri chướng.

- Hoặc giữ “Nhất như bất biến”, lọt vào thường kiến; hoặc thấy tứ tướng dời đổi, chìm nơi đoạn kiến; hoặc chấp vô tu, lìa bỏ Thánh vị; hoặc nói có chứng, trái ngược thiên chơn; hoặc đam mê y báo, chánh báo, theo thế tục luân hồi; hoặc chán sành tử, lạc mất chơn giải thoát; hoặc mê chấp chơn không, sùng nhân trước quả; hoặc mê muội thực tế, ham Phật ghét ma; hoặc chấp thuyết phương tiện tùy nghi, cho lời Phật Tổ là chơn.

- Hoặc bỏ mất thật tướng âm thanh, muốn lìa ngôn ngữ cầu nơi nín lặng; hoặc tuân theo giáo thừa, phá hoại định thể của tự tánh; hoặc hoằng thiền quán, bài xích lời giải thích của Kinh liễu nghĩa; hoặc vì tranh đoạt danh lợi, đặt ra lời kỳ lạ, bị chìm vào biển ý thức; hoặc muốn tịnh khiết tìm cầu huyền bí lại đọa

vào thành Ngũ ấm; hoặc khởi tri giải thù thắng, móc thịt đắp ghẻ; hoặc trụ nơi bản tánh trong sạch mà chấp thuốc thành bệnh; hoặc theo văn tìm nghĩa, thích ăn đàm dãi của người khác.

- Hoặc cố giữ thanh nhàn, ngồi nơi pháp trần; hoặc sanh tâm có đắc để bàn luận Đại thừa Vô tướng; hoặc dùng tư tưởng suy lường để tìm huyền chỉ bên ngoài vật; hoặc phế bỏ ngôn thuyết sanh kiến giải tịnh khẩu; hoặc chấp sự giải thích kỹ càng cho ngón tay là mặt trăng; hoặc nhận lầm sự dụng làm nguồn gốc của sanh diệt; hoặc chuyên ghi nhớ, trụ trong thức tưởng; hoặc hay sắp đặt, đánh mất bản tánh của viên giác; hoặc phóng túng đi lầm cửa đạo, hoặc muốn thân tâm tinh tấn kẹt nơi hữu vi.

- Hoặc chấp chơn tánh vô vật, bị trói nơi trí huệ; hoặc siêng tu niệm, mất nơi chánh thọ (*chánh định*); hoặc bắt chước “tự tại vô ngại” bỏ sự tu hành; hoặc ỷ “Bản tánh vốn không”, tùy thuận tập khí; hoặc chấp “Thật có ràng buộc” nên muốn dứt trừ.

- Đối với Phật pháp, kẻ quý trọng thì sanh trưởng pháp ái, kẻ khinh mạn thì hủy hoại nhân Phật; hoặc cầu tiến mà trái với bản tâm; hoặc lui sụt lại trở thành buông lung; hoặc thể và dụng khác nhau, trái với Phật thừa; hoặc trầm không trệ tịch, làm mất bản tánh của đại bi; hoặc bắt duyên chán giả, vi phạm pháp môn săn đú; hoặc mê muội chơn ngã vốn không, mà chấp ngã kiến; hoặc cố chấp Phật pháp, mê lầm

hiện lượng (*pháp ngã vốn không*); hoặc có giải chẳng có tín, móng lén tà kiến; hoặc có tín chẳng có giải, sanh trưởng vô minh.

- Hoặc cho người đúng pháp sai; hoặc cho cảnh sâu trí cạn; hoặc chấp lấy nên mê pháp tánh; hoặc xả bỏ thành trái chơn như; hoặc chấp tánh lìa nên nghịch với nhân; hoặc chấp thường trụ nên trái với quả; hoặc chấp cái sai phỉ báng cái thật; hoặc chấp cái đúng phá hoại sự tùy nghi; hoặc chán vô minh, xa trái bất động trí môn; hoặc ghét vọng cảnh, tổn thương pháp tánh tam muội; hoặc chấp cái lý đồng, hành tăng thượng mạn; hoặc bác cái tướng dị, hoại cửa phương tiện.

- Hoặc chấp Bồ-đề là thật, phỉ báng Chánh pháp luân; hoặc chấp chúng sanh là giả; hủy hoại chơn Phật thể; hoặc chấp thật trí mà bỏ quyền trí; hoặc chấp sự tùy cơ giáo hóa mà mê muội chánh tông; hoặc kẹt trên lý, lọt vào hầm vô vị; hoặc chấp nơi sự, nhảy vào lưới hư huyền; hoặc xóa bỏ dấu tích đối đai, trái ngược với sự song chiếu (*thể và dụng đi đôi*); hoặc chấp nơi Trung đạo, làm mất bản ý phương tiện; hoặc có định mà chẳng huệ, làm mầm đạo bị cháy; hoặc cố chấp hạnh nguyện, thành chôn vùi giống Phật; hoặc tu hạnh Vô tác mà trở thành Bồ-đề hữu vi; hoặc chấp cái tâm vô trước nên thành Bát-nhã tương tự (*chẳng phải Bát-nhã chân thật*); hoặc ham tướng tịnh mà thành cáu bẩn của thật tánh; hoặc trụ nơi chánh vị (*ngôi pháp*) làm mất cái tự tánh vốn Không; hoặc kiến lập thiền quán vô tướng làm chướng ngại chơn như.

- Hoặc sanh khởi tâm liễu tri, thành phản bội pháp tánh; hoặc chấp chơn thuyên (*lời giải thích kỹ càng*) sanh ngữ kiến (*tà kiến chấp ngôn ngữ*), như uống cam lồ mà chết sớm; hoặc ôm chí lý tròn đầy, khởi tâm chấp trước, như uống đê hồ mà trúng độc vậy.

Một trăm hai mươi thứ tà tông kiến giải kể trên, đều là mê trái tông chỉ, lầm mất bản chơn, cũng như dụi mắt nên thấy hoa đóm trên không; leo cây để tìm cá. Mùi đắng chẳng làm được giống ngọt; đất cát đâu thể nấu thành cơm ! Ấy đều vì chẳng biết Pháp tánh dung thông, nên mê lầm lời phương tiện của chư Phật, chư Tổ, chìm nơi kiến chấp, tự chướng bản tâm, chẳng nhập Trung đạo, bò lết trên đường thăng trầm, ràng buộc trong lòng thủ xả, nơi vô tâm mà muôn đoạn trù, nơi vô sự mà muôn lìa bỏ, lấy pháp Không làm thành cảnh si ái, đem chơn trí lập thành tư tưởng chướng ngại, luôn luôn theo đuổi bát phong, khó ra khỏi lưới chấp trước. Thật chẳng biết cái lý sanh tử âm thầm khế hợp với đạo, vọng vốn là Bồ-đề, xưa nay dung thông giác tánh, sáng thường trụ nơi tối, nước chẳng lìa băng, diệu dụng vô tận linh trí thường tồn.

Sao lại dứt niệm tưởng để cầu tịch lặng, diệt phiền não để chứng chơn như ? Vọng tu vọng tập, tự khó tự dễ mà không biết bản tánh viễn giác vốn chẳng bí mật, kho tàng Như Lai thật chẳng che giấu !

Nên biết, lý của viễn thường chẳng thiếu, chỉ vì lòng tín giải không đủ, cũng như thấy Bồ-tát đứng trên mũi kim, thấy chỉ mành treo núi Tu-di, chỉ biết tán thán hy hữu kỳ lạ mà chẳng biết tại sao ! Như trong Kinh Pháp Hoa, con đi xin ăn mà chẳng biết cha (*tự tánh*) là triệu phú, chẳng dám thừa kế gia tài của mình, suốt ngày tìm cầu bên ngoài mà chẳng tự tinh ngộ, bỏ vàng lượm sỏi, cam chịu nghèo khổ.

Cho nên, chư Phật thương tiếc, chư Tổ xót xa, đều nói chúng sanh chẳng chịu đi thẳng đến chỗ thực tế, lạc mất bản tâm, chỉ theo vọng thức thăng trầm đuối theo cảnh trần so đo chấp trước, chẳng biết muôn pháp vô thể, tất cả vô danh, tùy ý hiện hình, theo ngôn lập hiệu, ý tùy tưởng sanh, ngôn theo niệm khởi, kỳ thật, tưởng và niệm đều không, gốc ngọn phi hữu. Cho nên, tam giới vô vật, vạn hữu trống rỗng, tà chánh đồng nhau, thiện ác không khác. Chúng sanh vì ôm chặt tư tưởng chấp thật, bỏ hết đại nghĩa của Phật pháp, chẳng trở về được tự tánh, lại ở nơi vô tâm mà phân chia đồng dị, ở trong nhất thể mà vọng lập ly hợp, vừa lập mình và người thì liền sanh sự thuận nghịch, dấy lên đầu mối đấu tranh, kết thành nghiệp quả mê hoặc, dệt thành lưới thị phi, tạo thành cái lòng của yêu ghét, nhìn bóng tượng trong gương phân biệt xấu đẹp, nghe tiếng dội trong hang móng khởi buồn vui, trách hạnh kiểm của người huyền hóa, mà chẳng biết năng sở song tịch, lý sự đều không. Đã tạo cái nhân mê hoặc thì phải chịu cái quả huyền hóa.

Muốn rõ diệu lý nên truy cứu tự tâm, một niệm chứng ngộ liền tiêu hằng sa ác nghiệp, một đèn đốt lên liền phá ngàn năm đèn tối, muôn cảnh đổi diện mà chẳng lập danh tướng, mê ngộ chẳng còn, trạm nhiên trong sạch, thân tâm thấy nghe tùy duyên dưỡng tánh, phóng khoáng tung hoành, tiêu dao tự tại, sự tiếp xúc hằng ngày đều là giải thoát bất tư ngã, cũng là Đạo tràng đại tịch diệt.

Nay khuyên các vị hậu hiền nên đi theo đường lối này, dẫu cho nghe mà chẳng tin, cũng được gieo trồng giống Phật; dẫu cho học mà chưa thành cũng được phước báu trời người, huống là chứng quả thành Phật, chẳng có gì bằng !

Những lời trên đây đều có ghi đủ trong kinh điển của Phật, chẳng phải khi không mà đặt ra, xin học giả hãy tự xem xét kỹ !



BA LẦN CẢNH BÁO KHI SẮP NHẬP NIẾT BÀN CỦA PHẬT THÍCH CA

(Trích từ TÔNG CẢNH LỤC quyển 48 ĐẠI TẠNG
của Ngài VĨNH MINH).

Phật sắp nhập Niết-bàn, khai thị lần cuối cùng có ba lần cảnh báo. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ Sơ thiền đến Nhị thiền, Tam thiền cho đến nhập Diệt tận định, rồi từ Diệt tận định trở ngược lại, cho đến Sơ thiền. Thuận nghịch như vậy ra vào chín bậc thiền định xong, nói với đại chúng rằng :

“Ta dùng Bát Nhã thâm sâu, quán khắp tất cả lục đạo trong tam giới, căn bản tánh lìa, cuối cùng tịch diệt, đồng với tướng hư không, vô danh vô thức, tình chấp đoạn diệt, vốn là bình đẳng, chẳng cao chẳng thấp, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng tri chẳng giác, chẳng thể trói buộc, chẳng thể giải thoát, vô chúng sanh, vô tho mạng, chẳng sanh chẳng khởi, chẳng tận chẳng diệt, phi thế gian phi phi thế gian, Niết-bàn sanh tử đều bất khả đắc, nhị tế (*trước, sau*) bình đẳng, các pháp bằng nhau việc làm đồng như chẳng làm, cứu cánh yên tĩnh. Từ pháp Vô trụ, hành theo pháp tánh, dứt tất cả tướng, chẳng có một vật, pháp tướng như thế đều bất khả đắc. Những kẻ biết được gọi là người xuất thế gian, việc này chẳng biết gọi là sanh tử bắt đầu, các người cần phải đoạn dứt vô minh, diệt sự bắt đầu của sanh tử”.

Lần thứ nhì,cũng từ Sơ thiền cho đến Diệt tận định, rồi từ Diệt tận định trở ngược lại cho đến Sơ thiền. Thuận nghịch ra vào chín bậc thiền định xong, lại nói với đại chúng rằng :

“Ta dùng Ma-ha Bát-nhã quán khắp hữu tình vô tình trong tam giới, tất cả người và pháp đều là cứu cánh, chẳng có kẻ trói buộc, chẳng có người giải thoát, vô trụ vô y (*chẳng nơi nương tựa*) chẳng thể nghiệp trì, chẳng vào tam giới, chẳng ra tam giới, vốn là thanh tịnh, chẳng cầu bẩn, chẳng phiền não, bằng với hư không, bất bình đẳng, phi bất bình đẳng, tất cả tư tưởng động niệm trong tâm đều ngưng nghỉ, pháp tướng như thế gọi là đại Niết-bàn, chơn thật thấy được pháp này gọi là giải thoát, phàm phu chẳng thấy gọi là vô minh”.

Nói xong nhập Siêu thiền lần thứ ba, từ Sơ thiền cho đến Diệt tận định, rồi từ Diệt tận định trở ngược lại cho đến Sơ thiền, lại nói với đại chúng rằng :

“Ta dùng Phật nhẫn quán khắp tất cả các pháp trong tam giới, thực tế của vô minh tánh vốn giải thoát, tìm khắp mười phương đều chẳng thể được. Vì căn bản của vô minh chẳng có, nên nhánh lá của vô minh đều săn giải thoát, vì vô minh giải thoát nên lão tử đều được giải thoát. Do nhân duyên này nay Ta an trú nơi Thường Tích Diệt Quang (*ánh sáng thường tịch*) gọi là đại Niết-bàn”.

Lời cảnh báo kể trên đều do lòng đại bi bất khả tư nghị của Phật, thuận nghịch nhập siêu thiền rồi nói ra. Kẻ gặp được sự dạy bảo này, nên lấy xương mình làm bút, lột da mình làm giấy, chích máu mình làm mực, viết ra để cạnh mình, chẳng nên giây phút tạm quên, chẳng nên sát na mất sự chiếu soi. Theo ba lần cảnh báo cuối cùng của Phật, quán tất cả các pháp trong tam giới, nói bản tánh của vô minh vốn là giải thoát, cho nên khắp mười phương trong pháp giới, hoặc hữu tình, hoặc vô tình, hoặc hữu tánh, hoặc vô tánh, núi sông, đất đai, cỏ cây, người, vật... Chẳng trong tam giới, Chẳng ngoài tam giới, chẳng theo sanh tử, chẳng trụ Niết-bàn, đều đồng nhất tâm của Chơn như diệu tánh. Nếu tín giải như vậy thì đốn ngộ được Nhất thừa. Chẳng còn lời bí mật nào hơn ý chỉ này !

Hỏi : - “Theo tục đế thì Thánh phàm đều khác nhau, phàm phu vọng chấp thấy nghe, ngoài tâm kiến lập các pháp, bậc Thánh đã liễu ngộ nhất tâm, tại sao lại đồng thấy nghe như phàm phu ?”.

Đáp : - “Bậc Thánh dù có thấy nghe, nhưng chẳng có chấp trước, luôn luôn liễu đạt vạn vật chẳng thật, đồng như huyền hóa”. Như Kinh Đại Niết Bàn, Bồ-tát Ca Diếp bạch Phật rằng : “Thế Tôn, nếu phiền não từ diên đảo tưởng sanh ra, thì tất cả bậc Thánh đều thật có diên đảo tưởng, mà tại sao chẳng có phiền não, vậy nghĩa này là thế nào ?”. Phật hỏi :

“Tại sao nói bậc Thánh có điên đảo tưởng?”. Ngài Ca Diếp nói : “Thế Tôn, tất cả bậc Thánh thấy trâu cũng gọi là trâu, thấy ngựa cũng gọi là ngựa, thấy nam nữ, lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ và khứ lai đều cũng vậy, thế là điên đảo tưởng rồi !”. Phật nói : “Phàm phu có hai thứ tưởng, một là Thế lưu bối tưởng (*thế gian đã phổi biến lưu hành*), hai là Trước tưởng (*tư tưởng chấp thật*). Bậc Thánh chỉ có thế lưu bối tưởng chẳng có trước tưởng. Phàm phu vì sự cảm giác sai lầm, nơi thế lưu bối mà sanh ra trước tưởng, bậc Thánh vì hay chiếu soi thật tưởng; nơi thế lưu bối chẳng sanh trước tưởng, nên phàm phu gọi là điên đảo tưởng bậc Thánh dù biết nhưng chẳng gọi là điên đảo tưởng. Lại cảnh vốn tự không, đâu cần phải phá hoại sắc tưởng rồi mới là không ! Vì chơn tâm của bậc Thánh thường tự chiếu, chẳng nhờ nhân duyên mới sanh khởi, phàm phu thì chấp trước tri kiến, có năng có sở”. Nên Triệu Luận nói : “Hễ có sở tri thì có sở bất tri, chơn tâm của bậc Thánh vô tri nên vô sở bất tri, cái tri của bất tri mới được gọi là Nhất thiết tri”.

Vậy Kinh nói : “Chơn tâm của bậc Thánh vô tri, vô sở bất tri là đáng tin lắm. Cho nên bậc Thánh nơi tâm trống rỗng mà sự chiếu soi chẳng thiêu sót, suốt ngày tri mà chưa từng tri là vậy. Cũng như nước trong thì thấy bóng, đâu có sanh tâm nồng sở, cảnh và tâm đều không, chẳng có cái tư tưởng giác tri”.

Trong Kinh Lăng Già, Phật nói với Bồ-tát Đại Huệ rằng : “Cảnh thế gian như bóng tượng trong gương, và cảnh giới chiêm bao, nhưng chẳng phải trước mắt của bậc Thánh không có cảnh thế gian. Phàm phu vì tư tưởng mê lầm nên đuổi theo cảnh chấp thật, gọi là vô minh điên đảo, chẳng phải minh trí. Bậc Thánh thấy cảnh đồng như phàm phu, mà chẳng có tâm niệm chấp trước, nên chẳng gọi là điên đảo”.

Giải thích rằng : Những thí dụ kể trên tỏ rõ cảnh chỉ có một, mà sự thấy có khác. Bậc Thánh chẳng phải không thấy cảnh thế gian, mà khi thấy đồng như thấy mặt trăng trong nước và bóng tượng trong gương vậy.

Hỏi : - Sự thấy của phàm phu có năng thấy sở thấy, nên tâm và cảnh rõ ràng, vậy thì so với sự thấy của bậc Thánh làm sao phân biệt ?

Đáp : - Sự thấy của bậc Thánh Có và Không đồng thời chiếu soi, trong ngoài chẳng trụ, như tiếng dội trong hang, bóng hiện trong gương mà chẳng khởi tâm tác ý, sáng tỏ nhiệm màu, tịch mà thường chiếu, nên nói là thường ở trong chánh niệm, cũng gọi là chánh tri. Kỳ thật, chẳng phải hữu niệm hữu tri, cũng chẳng phải vô niệm vô tri. Nếu chỉ vô niệm thì tịch mà mất sự chiếu soi, nếu chỉ có chiếu soi thì chiếu mà mất sự thường tịch, cả hai đều chẳng chánh. Chánh là ở chỗ Tịch và Chiếu đi song song với nhau.

Trong HOÀN NGUYÊN TẬP nói : “Tự tánh khởi chiếu, chiếu soi tất cả, liễu liễu tri mà vô sở tri, liễu liễu kiến mà vô năng kiến, trong ngoài sáng tỏ, cùng khắp pháp giới, cũng gọi là vô chướng ngại, nhẫn của Phật TỲ LÔ GIÁ NA, tràn khắp mười phương, chiếu soi tất cả quốc độ Phật” tức là nghĩa này vậy.

Lại nói : - Tâm hay làm Phật, hay làm chúng sanh, hay làm thiên đàng, hay làm địa ngục, hễ tâm có sai biệt thì muôn ngàn cảnh giới sanh khởi, hễ tâm bình đẳng thì pháp giới trong rỗng yên tĩnh. Tâm phàm thì tam độc nổi lên, tâm Thánh thì lục thông tự tại, tâm không thì nhất đạo trong sạch, tâm hữu thì muôn cảnh tung hoành, như tiếng vang trong hang, lời hùng dội tiếng mạnh, như gương soi tướng, hình lõm hiện bóng co. Thế thì biết vạn hạnh do tâm, tất cả tại ta. Bên trong hư thì bên ngoài chẳng thật, bên ngoài tể thì bên trong chẳng thô, thiện nhân tất gặp thiện duyên, ác hạnh khó tránh khỏi ác cảnh, sự vui của thiên đàng, sự khổ của địa ngục đều là tự tâm làm ra, chẳng phải người khác lanh thọ, chẳng do trời sanh, chẳng do đất mọc, chỉ tại nhất niệm ban đầu của mình, nên có sự thăng trầm như thế.

Muốn được bên ngoài an hòa thì bên trong cần phải bình tĩnh, tâm không thì cảnh tịch, niệm khởi thì pháp sanh, nước đục thì làn sóng đen tối, nước trong thì bóng trắng sáng tỏ. Sự cần thiết của người tu hành đều chẳng ra ngoài những việc kể trên, gọi là

của ải của chúng diệu, cũng là quê nhà của vạn linh, căn bản của thăng trầm và nguồn gốc của họa phước. Chỉ cần tự tâm luôn luôn được chánh niệm, đâu thể nghi ngờ cảnh giới bên ngoài ! Cho nên, hễ lìa được tội hạnh, phước hạnh, bất động hạnh của chúng sanh, thì chẳng có quả báo khổ vui của tam giới, hễ lìa được kiến văn giác tri của chúng sanh thì đâu có những cảnh giới của ngũ uẩn, lục căn, lục trần và lục thức ! Nên biết, mê ngộ do thức, nhiễm tịnh do tâm, ấy cũng là mục tiêu của tiền triết hậu học, chỉ thị của muôn ngàn Kinh Luận vậy.

Trong Kinh Lăng Già có bài kệ rằng : “Tâm niệm như nấm đất, làm ra những chén bát (*chén bát dụ cho chúng sanh, nấm đất dụ cho tự tâm*), mỗi thứ dù khác nhau, tất cả do tâm tạo”. Nếu nhất niệm chẳng sanh thì các duyên tự dứt, nên nói : “Nhất niệm tâm chẳng sanh, lục căn đều vô biên”, cũng nói : “Nhất tâm chẳng sanh, vạn pháp không sai”. Hiện nay hoặc tham sanh sợ chết; hoặc lo sống lo già; hoặc bỏ vọng bỏ thân, tùy theo tư tưởng mà tạo tác, nghiệp quả xoay chuyển mãi không dừng. Nếu liễu đạt sanh túc vô sanh, vọng túc vô vọng, một niệm tâm tịch, vạn lự (tất cả tâm và pháp) đều tiêu. Vậy thì biết hễ tâm ngộ là xong, chẳng còn pháp nào hơn nữa.



TIỂU SỬ của NGÀI VĨNH MINH

(Dịch từ CHỈ NGUYỆT LỤC, Quyển 24 TỤC TANG KINH)

Thiền Sư Diêu Thọ ở Vĩnh Minh, họ Vương người Hàng Châu. Thuở nhỏ đã biết kính Phật thừa, lớn lên mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Tụng Kinh Pháp Hoa hai tháng đã thuộc lòng, cảm thông được bầy dê quỳ nghe. Đến tuổi hai mươi tám, làm quan chức Chấn Tướng xứ Huê Đình, gặp ghe lưới đều mua hết cá rồi thả xuống sông. Y chỉ Thúy Nham học pháp xuất thế gian, được vua Văn Mục khen ngợi và cho phép xuất gia, trì hạnh Đâu đà rất tinh tấn; nhập định ở núi Thiên Thai ba tháng, có loài chim làm tổ trên áo. Kế đó tham học với Đức Thiều Quốc Sư (*Tổ thứ nhì của Pháp Nhãn tông*), được ngộ và thọ tâm ấn. Ban đầu trụ trì chùa Tuyết Đậu, sau cùng dời tới chùa Vĩnh Minh, Trụ trì mười lăm năm, học chúng có hai ngàn vị. Người đời cho là Di Lặc Hạ sanh.

*

Tăng hỏi : - Thế nào là diệu chỉ của Vĩnh Minh ?

Đáp : - Đốt thêm nhang đi.

Tăng nói : - Tạ Sư khai thị.

Sư đáp : - Chẳng dính dáng gì cả.

Tăng lễ bái.

Sư nói : - Nghe bài kệ đây :

**Muốn biết diệu chỉ của Vĩnh Minh,
Trước cửa sảnh đây hồ nước trong.
Mặt trời chiếu thì rọi ánh sáng,
Có gió thổi thì nổi làn sóng.**

*

Hai vị Tăng đến tham học,

Sư hỏi một vị Tăng : - Từng đến đây chăng ?

Tăng nói : - Đã có đến.

Hỏi Tăng kia : - Từng đến chăng ?

Đáp : - Chưa từng đến.

Sư nói : Một đắc một thất.

Một hồi thị giả hỏi : - Hai vị Tăng vừa rồi, chăng
biết vị nào đắc, vị nào thất ?

Sư hỏi : - Người biết hai vị này chăng ?

Đáp : - Không biết.

Sư nói : - Trong một hầm ch้าง có đất khác.

*

Về cốt túy của chư Phật chư Tỷ, Sư có nhắc đến
ngài Ca Diếp Ba vừa nghe kệ sau đây liền được chứng
Sơ quả, kệ rằng :

**Các pháp tùy duyên sanh,
Các pháp tùy duyên diệt.
Thây ta đại Sa-môn,
Lời này luôn luôn thuyết.**

Bồ-tát Long Thọ lại có bài kệ rằng :

**Chẳng vật tùy duyên sanh,
 Chẳng vật theo duyên diệt.
 Sanh chỉ các duyên sanh,
 Diệt chỉ các duyên diệt.**

Do hai bài kệ trên được biết, SẮC sanh chỉ là KHÔNG sanh, SẮC diệt chỉ là KHÔNG diệt. Ví như tánh của gió chẳng động, vì duyên khởi nên thấy động, nếu bản tánh của gió vốn động thì đâu có bao giờ tịnh được. Trong phòng kín nếu có gió thì gió ấy sao chẳng động ? Nếu chẳng gió sao gặp duyên liền khởi ? Chẳng những tánh gió như thế, tánh cả pháp đều vậy, nghĩa là SẮC với KHÔNG chẳng khác.

Nên Duy Ma Cật nói với Bồ-tát Văn Thủ rằng: “Tướng chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy”.

Văn Thủ nói : “Đúng thế, nếu đến rồi thì chẳng đến nữa, nếu đi rồi thì chẳng đi nữa. Tại sao ? Kẻ đến chẳng có chỗ xuất phát, kẻ đi chẳng có chỗ đến, cái sở thấy chẳng thể thấy nữa, ấy là ý chỉ của duyên khởi Vô sanh vậy”.

Hỏi : - Bài kệ của ngài Trường Sa rằng :

**Người học đạo sao chẳng biết chơn?
 Chỉ vì xưa nay nhận thức thần,
 Nguồn gốc sanh tử từ vô thi,
 Si mê cho là bốn lai nhân.**

Vậy thì lìa tánh thức riêng có chơn tâm ư !

Đáp : - Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm Phật đã vì A-nan phân tích kỹ càng, người còn chẳng tin. A-nan cho tư tưởng suy tìm là tâm, đã bị Phật quở. Tư tưởng suy tìm là thức, nếu dùng ý thức suy nghĩ, hành theo danh tướng, thì sanh phiền não, ấy gọi là thức, chẳng gọi là tâm. “Ý” tức là ghi nhớ, tưởng nhớ cảnh xưa, sanh khởi nơi vọng, đều là vọng thức, chẳng dính dáng với tâm. Bản tâm phi hữu phi vô, hữu vô đều chẳng nhiễm, bản tâm phi dơ phi sạch, dơ sạch đều chẳng nhiễm, cho đến mê, ngộ, Thánh, phàm, đi, đứng, ngồi, nằm, đều là vọng thức, chẳng phải tâm vậy. Tâm xưa vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt. Nếu biết tự tâm như thế thì chư Phật cũng vậy, nên Duy Ma Cật nói : “Trực tâm là đạo tràng” vì chẳng hư giả.

Sư vì Phật pháp đương thời lưu truyền ở Trung Quốc chẳng được đầy đủ, mà ba tông : Thiên Thai, Hiền Thủ, Duy Thức lại chấp tánh chấp tướng, bài xích lẫn nhau, nên mời Pháp sư thông suốt giáo lý của ba tông hội hợp lại vấn nạn với nhau, hễ khi bị kẹt nơi đại nghĩa cao tột, thì Sư dùng yếu chỉ của Thiền tông để dung thông cùng vào nghĩa Trung đạo. Do đó, Sư thu tập Bí Kinh đại thừa liễu nghĩa sáu chục bộ, và lời dạy của các bậc Thánh hiền ba trăm nhà, gồm người Ấn Độ và Trung Quốc, soạn thành bộ Tông Cảnh Lục một trăm quyển lưu truyền khắp thiên hạ và giúp cho giáo lý của ba tông đầy đủ hơn.

Tăng hỏi : - Bộ Tông Cảnh của Hòa thượng bàn luận, chỉ lập nhất tâm làm Tông chỉ, cho là bao gồm vô lượng pháp môn. Vậy thì tâm gồm tất cả pháp ư ? Sanh tất cả pháp ư ? Nếu nói “Sanh”. Là tự sanh, hoặc tha sanh, hoặc cộng sanh, hoặc vô sanh ư ?

Đáp : - Tâm này chẳng tung chẳng hoành phi tha phi tự, tại sao ? Nếu nói gồm tất cả pháp tức là hoành, nếu nói sanh tất cả pháp tức là tung. Nếu nói tự sanh thì tâm lại sanh tâm sao ? Nếu nói tha sanh thì tự còn chẳng lập, huống là có tha ? Nếu nói cộng sanh thì tự tha còn chẳng có, lấy gì để cộng ? Nếu nói vô nhân sanh thì hữu nhân còn chẳng cho, huống là vô nhân !

Tăng nói : - Nếu bốn thứ sanh đó đều không, tại sao ?

Phật nói : - “Ý căn sanh ý thức, tất cả do tâm tạo!” Thế há chẳng phải tự sanh ư ? Lại nói tâm chẳng độc khởi, phải nhờ duyên mới khởi, có duyên thì tư tưởng sanh, không duyên thì tư tưởng chẳng sanh, há chẳng phải tha sanh ư ? Lại nói nhân duyên lục căn tiếp xúc lục trần, sanh ra lục thức lãnh thọ, thành tất cả pháp, há chẳng phải cộng sanh ư ? Lại nói Thập Nhị Nhân Duyên tánh tự như vậy, chẳng do Phật, trời, người hay A-tu-la làm nên, há chẳng phải vô sanh nhân ư ?

Sư cười nói : - Chư Phật ứng cơ, tùy duyên sai biệt, mong chúng sanh làm thiện phá ác, khiến vào Đệ nhất nghĩa đế. Nói bốn thứ sanh ấy chỉ là lời

phương tiện, như nắm tay không để gạt trẻ con, đâu có pháp thật !

Hỏi : - Thế thì tất cả pháp THỊ (*dúng là*) tâm ư ?

Đáp : - Nói THỊ tức là hai.

Hỏi : - Thế thì tất cả pháp đều lập PHI (*sai*) ư ?

Đáp : - PHI cũng thành hai. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói : “Chơn Văn Thủ chẳng THỊ Văn Thủ, nếu có THỊ là hai Văn Thủ, nhưng ta hôm nay PHI chẳng Văn Thủ, trong đó là thật chẳng có hai tướng THỊ và PHI”.

Hỏi : - Đã chẳng hai tướng thì sùng nhất được chẳng ?

Đáp : - Thị phi đã nghịch đại chỉ, nhất nhì cũng trái viên tông.

Hỏi : - Vậy phải dùng tâm như thế nào mới khế hợp với Tông chỉ này?

Đáp : - Cảnh và trí đều quên, còn nói gì khế hợp nữa !

Hỏi : - Thế thì ngôn ngữ và suy tư chấm dứt, tâm trí cắt tuyệt ?

Đáp : - Ấy cũng là lời nói miễn cưỡng, xoay chuyển theo ý của người khác, dù muốn ẩn hình mà chưa quên dấu tích.

Hỏi : - Thế nào được hình tích đều quên ?

Đáp : - Vốn chẳng triệu chứng dấu tích, có gì để quên ?

Hỏi : - Con biết rồi. Khi được đại ngộ mới được tự rõ, như người uống nước lạnh, nóng tự biết phải chăng ?

Đáp : - Cửa ải chúng ta chăng có lý rõ hay không rõ, cũng chăng mê ngộ.

**Sòe tay trình ông chăng một vật,
Uống công lao nhọc thuyết ngàn lối.**

Chăng phải người thương căn (*tin tự tâm*) thì chăng thể gánh vác việc này. Cổ Đức nói : “Khắp mười phương thế giới, tìm một người bạn chăng ra, chỉ một người thừa kế ngôi Tổ, chăng có người thứ hai”. Nếu chưa đích thân đến chỗ cứu cánh, chỉ làm nhọc tinh thần suy tư, dấu cho nói huyền lại thêm huyền, diệu lại thêm diệu, cũng chỉ là lời phương tiện để giúp cho được vào cửa, đến khi nơi bốn phương được đích thân chiếu soi (*kiến tánh*), xem lại những phương tiện huyền diệu, đều là ma thuyết, vọng tâm trôi nổi, đủ thứ kiến giải khôn khéo, đều chăng thể thành tựu Viên giác, chỉ là dấu tích của hình tướng ngôn ngữ, nếu chấp lời phương tiện thì mê đạo chơn thật. Cần đến nơi đầu sào trăm thước, buông thân xả mạng mới được.

Tăng nói : Xin cho một lời dạy cuối cùng.

Sư nói :

**Kẻ huyền hóa hỏi người huyền hóa,
Nước suối đáp tiếng dội trong hang.**

**Muốn thông đạt Tông chỉ của ta,
Trâu đất bước đi trên nước bẳng.**

Người dạy đệ tử rằng : Chánh tông của Phật Tổ là chơn Duy thức, hễ có chỗ tin (*tin tự tâm*) đều có thể dạy người. Nếu luận về cửa tu chứng, thì bậc Trưởng lão các nên đều nói : “Công dụng chưa so bằng chư Thánh”. Nhưng trong giáo môn cũng cho rằng, sơ tâm Bồ-tát cũng có thể do so sánh mà biết, cũng cho theo ngôn giáo của Phật mà hội, trước dùng văn giải tín nhập, sau dùng vô tư (*chẳng suy tư*) khế đồng, vừa vào cửa tín, bèn lên ngôi Tổ. Hiện nay, theo việc thế gian trong thế giới này, dù chưa chứng ngộ, cũng có ba thứ biết về Chánh pháp : Một là so sánh biết, hai là hiện biết, ba là theo ngôn giáo mà biết.

Thế nào là so sánh biết ? Cũng như cái thân hữu lâu này đều có chiêm bao, trong chiêm bao thấy cảnh giới tốt, xấu, vui, buồn rõ ràng, khi thức tỉnh mới biết nằm yên trên giường, tất cả đều do tư tưởng ý thức làm nên, đâu có thật. Đem việc chiêm bao so sánh với việc thức tỉnh thì khi thức tỉnh cũng như chiêm bao chẳng thật, cảnh giới quá khứ, vị lai, hiện tại vốn là thân tướng phần của Thức thứ tám, cảnh hiện tại là do Minh liêu ý thức suy tư, đều do bản thức biến ra, nên trong chiêm bao với lúc thức tỉnh dù khác, đều chẳng ra ngoài ý thức, thế thì ý chỉ của duy tâm do so sánh được bày tỏ rõ ràng.

Thế nào là hiện biết ? Tức là đối cảnh phân minh, chẳng cần so sánh, cũng như hiện nay thấy các vật

xanh, trắng, bản tánh của các vật vốn tự trống rỗng, chẳng nói ta xanh ta trắng, đều do nhãn thức với đồng thời ý thức so đo phân biệt, cho là xanh là trắng, cho ý thức phân biệt là màu sắc, dùng ngôn thuyết làm xanh làm trắng, đều thuộc về dấu tích của ý ngôn (*ngôn ngữ của ý thức*) vọng tự đặt ra, vì lục trần vốn lay động, thể chẳng tự lập, tên chẳng tự gọi, một sắc đã vậy, thì muôn pháp cũng như thế, chẳng có tự tánh, đều là ý ngôn, nên nói vạn pháp vốn thanh nhàn, do người tự náo động. Cho nên khi hữu tâm sanh khởi thì vạn cảnh đều có, vô tâm sanh khởi thì vạn cảnh đều không. Nhưng không chẳng tự không, do tâm nên không, hữu chẳng tự hữu do tâm nên hữu, đã là phi không phi hữu, tức là duy thức, duy tâm. Nếu vô nơi tâm thì vạn pháp đặt ở chỗ nào ? Cũng như cảnh quá khứ đâu phải có, tùy chỗ niệm khởi bỗng hiện, nếu tưởng niệm chẳng sanh thì cảnh cũng chẳng hiện, ấy đều là cuộc sống hằng ngày có thể hiện biết, chẳng nhờ tu tập, chẳng đợi công thành. Phàm loài hữu tâm đều có thể chứng biết. Nên Cổ Đức nói : “Như người thương căn biết pháp Duy thức, thường quán tự tâm, biết ý ngôn làm cảnh, kẻ sơ quán dù chưa thành bậc Thánh, đã thấu nghĩa của ý ngôn, tức là sơ tâm Bồ-tát”.

Thế nào là theo ngôn giáo mà biết ? Kinh nói : “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, bản lý của vạn pháp hiện ra, hay giải thích kỹ càng về chánh tông vậy”.

Sư thừa đại nguyện lực, làm Pháp thí chủ nơi Trung Quốc, Trụ trì chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ đệ tử một ngàn năm trăm người, vào núi Thiên Thai truyền giới hơn mười ngàn người, thường thọ giới Bồ-tát cho Thất chúng, ban đêm thí thực, ban ngày phóng sanh, lục thời tán hoa, ngày đêm tu trì, đông, hạ chẳng ngừng, tiếng tăm truyền khắp nước ngoài. Vua Cao Ly sai Tăng vượt biển hỏi đạo, trong đó có ba mươi sáu vị được Sư thọ tâm ấn. Vua Cao Ly gởi thư xin làm đệ tử đúng lễ.

Buổi sáng ngày 26 tháng Chạp năm thứ 8, niên hiệu Khai Bảo, Sư thị hiện có bệnh, đốt nhang báo cáo đại chúng, ngồi kiết già viên tịch, thọ 72 tuổi, hạ 42. Toàn thân nhập tháp núi Đại Từ.



KINH LĂNG NGHIÊM

Dịch giả : THÍCH DUY LỰC

Quyển 1 trang 12

Dẫu cho dẹp hết tất cả kiến, văn, giác, tri, trong tâm giữ được u nhàn, cũng còn là bóng phân biệt của pháp trần.

Quyển 2 trang 32.

PHẬT nói với A-nan rằng : Như ngươi hôm nay, dùng con mắt thấy núi, sông, đất đai và chúng sanh, đều là cái kiến bệnh đã thành từ vô thi. Tại sao vậy ? Vì có năng thấy và sở thấy, mới tựa như hiện ra cảnh tượng trước mắt, vốn cái “Giác Minh” của ta duyên cái sở thấy thành bệnh con mắt.

Cái bốn giác có thấy tức là bệnh mắt, “Bốn giác minh tâm” là tự tánh, cái giác ấy vốn chẳng phải bệnh, có năng giác, sở giác mới thành bệnh. Nếu bốn giác không ở trong bệnh, đó mới thật là kiến kiến (*tức là kiến tánh*). Đã được kiến tánh thì đâu còn tên gọi kiến, văn, giác, tri nữa. Cho nên ngươi hôm nay thấy ta, thấy ngươi và thấy tất cả chúng sanh đều do kiến bệnh. Nếu chẳng phải kẻ có kiến bệnh thì cái kiến ấy chân thật, thể tánh không bệnh nên chẳng gọi là kiến.

Quyển 3 trang 49.

Người vốn chẳng biết trong Như Lai Tạng (Tự tánh) tánh sắc chân không (*thể tánh của sắc chẳng phải thật, tức là chân không*), tánh không chân sắc (*thể tánh của không chẳng phải thật, tức là chân sắc*), tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian lấy tâm thức phân biệt, suy lường so sánh, cho đó là thật, mà chẳng biết những hiện tượng đó chỉ là mở mắt chiêm bao thôi, lại mê lầm cho rằng do nhân duyên và tự nhiên mà có, kỳ thật ấy chỉ là ngôn ngữ thế tục mà không có nghĩa thật.

Quyển 3 trang 53 - 54.

Phật nói với A-nan rằng : BỐN KIẾN, BỐN GIÁC vốn không có sở tri (*không năng sở*), vì sắc và không mới có (*lập năng sở*), như người hôm nay ở vườn Kỳ Đà, ngày sáng đêm tối, nếu nửa đêm có trăng thì sáng, không trăng thì tối, vì kiến phân biệt nên có sáng và tối, thì cái kiến ấy cho là cùng với sáng, tối và hư không là đồng một thể hay chẳng đồng một thể? Đồng hoặc chẳng đồng ? Khác hoặc chẳng khác ? A-nan, nếu cái kiến ấy cùng với sáng, tối, hư không vốn đồng một thể thì sáng và tối, hai tướng nghịch nhau, khi tối chẳng sáng, khi sáng chẳng tối : nếu cùng với tối đồng một thể thì khi sáng cái kiến biến

mất, hễ cùng với sáng đồng một thể thì khi tối cái kiến ấy phải diệt, đã diệt rồi thì lấy gì để thấy sáng thấy tối ? Nếu sáng, tối khác nhau, kiến chẳng sanh diệt thì đâu có thể nói thành một thể được ? Nếu cái kiến tinh (*năng kiến*) này cùng với sáng tối chẳng phải một thể, thì ngươi lia sáng, tối và hư không, phân tách cái kiến tinh là hình tướng gì ? Lia sáng, tối và hư không thì cái kiến tinh vốn đồng với lông rùa sừng thỏ. Sáng, tối, hư không ba thứ đều khác biệt, vậy từ đâu mà đặt kiến tinh ? Sáng, tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được ? Lia ba thứ vốn không có, làm sao nói khác được ?

Muốn phân biệt hư không và kiến tinh, vốn chẳng có ranh giới, làm sao nói chẳng đồng ?

Thấy sáng, thấy tối, sở kiến thay đổi, làm sao nói chẳng khác ?

Ngươi cần phải xem xét vi tế kỹ càng, xem xét cứu cánh triệt để : sáng do mặt trời, tối do ban đêm, thông thuộc về hư không, nghẽn thuộc về đại địa, kiến là giác, không là vô tri, chẳng hòa chẳng hợp. Vậy cái kiến tinh do đâu mà sinh ra ? Chẳng lẽ khi không tự có ? Nên biết KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI thể tánh viên mãn cùng khắp mọi nơi, vốn chẳng lay động, với hư không vô biên chẳng động và địa, thủy, hỏa, phong lay động, cùng gọi là “lục đại”, thể tánh chân thật dung thông, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt. A-nan, ngươi đánh mất tự tánh, chẳng ngộ KIẾN, VĂN, GIÁC,

TRI của ngươi vốn là Như Lai Tạng. Ngươi phải quán cái KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI này là sanh hay là diệt ? Là đồng hay là khác ? Là chẳng sanh diệt hay chẳng đồng khác.

Ngươi chẳng biết trong Như Lai Tạng, “tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến” (*cái kiến là Tự tánh vốn giác, vốn minh, cái tinh thể của bốn giác vốn minh vốn kiến*), vốn tự nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của chúng sanh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Như một “kiến căn” thấy cùng pháp giới, cho đến tai nghe, mũi ngũ, miệng nếm, thân xúc, ý biết, sự diệu dụng rõ ràng viên mãn, cùng khắp mười phương pháp giới, đâu có phương sở, chỉ tùy theo nghiệp thức của chúng sanh biến hiện mà thôi. Nhưng người thế gian chẳng biết, lại bị mê hoặc, cho đó là do nhân duyên hay là tự nhiên, đều do tâm thức phân biệt suy lường, hễ có lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

Quyển 3 trang 56.

Ngươi vốn chẳng biết : trong Như Lai Tạng “tánh thức minh tri, giác minh chân thức” tánh của thức rõ ràng chân tri, không phải như sự hiểu biết của thế gian có đối đai và phân biệt, diệu giác trạm nhiên, như như bất động, chẳng thể nghĩ lường được, đầy khắp pháp giới, hiển bày khắp mười phương hư không, đâu có xứ sở, tùy theo nghiệp của chúng sanh

mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Nhưng người thế gian chẳng biết những hiện tượng ấy chỉ là mờ mắt chiêm bao, lại mê lầm cho đó là nhân duyên hay là tự nhiên, đều là do tâm thức phân biệt suy lường; hễ có lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

Quyển 4 trang 75 - 76.

A-nan ! Lục căn như thế, do giác minh kia có năng minh để minh cái giác, thì đánh mất cái tinh minh liễu triệt ấy (*Tự tánh*), thành ra dính mắc với hư vọng, rồi phát ra ánh sáng (*cái ánh sáng do hư vọng phát ra, thì sáng chẳng phải thật*). Cho nên người hôm nay lìa tối, lìa sáng thì chẳng có kiến thể (*thể tánh của sự thấy*), lìa động lìa tĩnh thì vốn chẳng thính chất (*bản chất của sự nghe*) không thông không nghẽn thì cái tánh ngửi chẳng sanh; không vị không lạt thì sự nếm chẳng ra; bất ly bất hợp thì sự tiếp xúc vốn không có; không sanh không diệt thì sự liễu tri đặt ở chỗ nào.

Người chỉ cần chẳng duyên theo sự động tĩnh, hợp ly, vị lạt, thông nghẹt, sanh diệt, sáng tối, mười hai tướng hữu vi này, tùy tiện nhổ ra một căn, thoát khỏi sự dính mắc, trở về bốn tánh chân thật, hiện ra sự chiếu soi của bản thể. Tánh chiếu soi phát ra ánh sáng thì ngũ căn bị dính mắc kia liền cùng được giải thoát, và sự tri kiến (*Phật tri kiến*) khởi lên, chẳng do cảnh trần trước mắt. Chiếu soi chẳng duyên theo lục căn, mà nhờ lục căn phát ra ánh sáng, do đó sự dụng của lục căn hỗ dụng lẫn nhau.

Quyển 6 trang 99.

Lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lě dưới chân Phật mà bạch rằng :

“Bạch Thế Tôn, nhớ lại khi xưa từ vô số hằng hà sa kiếp trước, hồi ấy có Phật ra đời, gọi là Quán Thế Âm. Con phát Bồ-dề tâm nơi Phật ấy, Phật ấy dạy con : từ Văn, Tư, Tu nhập Tam-ma-địa (*chánh định*) (*Văn, Tư, Tu : là văn noi tai, tư noi tâm, tu noi hạnh*) bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu (*không chạy theo lục trần*) mà quên cái sở nghe (*vong sở*).

Sở nhập (*nhập lưu*) đã tịch thì hai tướng động và tĩnh chẳng sanh, như thế lần lần tiến thêm thì năng nghe và sở nghe đều hết. Sự hết năng sở của nghe cũng chẳng trụ. Còn biết chẳng trụ thì còn năng giác và sở giác, nên phải KHÔNG cái năng giác và sở giác, thì sự KHÔNG giác ấy cực viên tròn. Cái năng giác, sở giác được KHÔNG đến cùng tột, là nhập vào chỗ KHÔNG. Nhập vào chỗ KHÔNG thì còn trụ nơi KHÔNG, nên “Năng không” “Sở không” cũng phải diệt. Năng sở của KHÔNG diệt rồi thì tất cả sự sanh và diệt đều hết. Sự sanh diệt đã diệt thì tịch diệt được hiện tiền, thình linh siêu việt thế gian và xuất thế gian. Đến đây khắp mười phương pháp giới đều sáng tỏ, được hai cái thù thắng tròn đầy sáng tỏ.

1) Trên hợp với cái giác tâm vốn huyền diệu của mười phương chư Phật, với Phật Như Lai đồng một từ lực (*Phật độ chúng sanh nhưng không có năng độ, gọi là “Vô duyên từ”*).

2) Dưới hợp với tất cả mười phương chúng sanh trong lục đạo, với tất cả chúng sanh đồng một bi ngưỡng (*chúng sanh cầu Phật độ (lìa khổ) nhưng không có sở độ, gọi là “Đồng thể bi”*).

Quyển 6 trang 110.

“Sự nghe chẳng phải tự nhiên sanh khởi, bởi do âm thanh mới đặt cái tên “nghe”.

Bây giờ “phản văn” tức là xoay cái nghe trở về bản thể, như vậy thì được thoát khỏi âm thanh. Vậy, khi đã thoát ra khỏi cái âm thanh rồi thì sự nghe đã không cần, vậy mà còn muốn đặt cái tên nghe để cho ai ?”.

Nên Triệu Luận nói : “Phản văn chẳng tự nghe vì lìa thanh”.

Theo ba chữ Quán Thế Âm, âm thanh không nói là nghe mà lại nói là quán, tức là dùng quán trí để chiếu soi, chớ chẳng phải dùng Nhĩ thức để nghe, vậy sự phản văn chẳng phải nghe là đã rõ ràng rồi. Cho nên ngài Hư Vân nói : “Tham thoại đầu túc là “PHẢN VĂN TỰ TÁNH” vậy”.



CÔNG ÁN CỦA PHẬT THÍCH CA VÀ TỔ ĐẠT MA

Soạn dịch : HT. THÍCH DUY LỰC

LỜI DỊCH GIẢ

Rõng rã bốn mươi chín năm Đức Phật thuyết pháp, đều là tùy theo căn cơ, hay nói cho rõ hơn, tùy theo bệnh “chấp thật” sâu, hoặc cạn, của chúng sanh mà cho thuốc khác nhau. Vì thế, kinh Phật đã phân chia ra “Liễu nghĩa” và “Bát liễu nghĩa”. Đồng thời chư Tăng cũng luôn luôn nhắc Phật tử phải tuân theo quy luật “Tứ y” trong đó có “Y kinh liễu nghĩa, bát y kinh bất liễu nghĩa”. Kinh Bát Liễu Nghĩa chỉ là để tạm thời đối trị với những người mà bệnh chấp thật còn quá nặng mà thôi. Còn đối với đương cơ nào mà Ngài thấy có thể trực nhận được bản tâm thì Ngài dùng công án, thí dụ công án Niêm Hoa Thị Chứng mà nhiều Phật tử đã biết.

Trên đường hoằng pháp, Đức Phật đã sử dụng rất nhiều công án, và đã có nhiều thính chúng ngộ được bản tâm. Nhưng vì các công án ấy được ghi lại rải rác trong các Kinh nên ít ai để ý. Sau này, có người gom góp lại cho có hệ thống và in trong sách Chỉ Nguyệt Lục (Lịch sử Thiền tông Trung Hoa).

Lần đầu tiên phiên dịch công án của Phật Thích Ca, chúng tôi muốn trình bày có chứng liệu với quý độc giả rằng cơ xảo của chư Tổ Thiền tông vốn cội nguồn là truyền thừa từ chính Đức Phật. Và Ngài cũng đã rất nhiều lần sử dụng đến các công án. Do đó, công án của Đức Phật còn truyền lại rất nhiều.

Cuốn sách này, chúng tôi chỉ dịch từ trang 17 đến trang 24 trong Chỉ Nguyệt Lục và một công án Phật trả lời cho vị Tu sĩ thế luận Bà-la-môn⁽¹⁾ trong Kinh Lăng Già.

Mục đích của Phật và chư Tổ khi sử dụng công án là cốt để đương cơ ngay đó hoát nhiên trực ngộ. Nếu ngay đó chưa ngộ được, thì tất nhiên sẽ phát ra nghi tình⁽²⁾, rồi do nghi tình đó, sau này sẽ được ngộ. Chứ không phải muốn người nghe hiểu theo lời nói văn tự. Nếu hiểu theo lời nói văn tự là trái ngược với ý chỉ của Thiền tông, lại đóng bít cửa ngộ của người hành giả, vĩnh viễn không thể chứng ngộ.

Nay xin người hành giả tham thiền khi đọc đến chỗ không hiểu chớ nên dùng ý thức để nghiên cứu tìm hiểu. Cần phải ngay chỗ không hiểu, phát khởi nghi tình và luôn luôn giữ mãi cái nghi tình đó thì sẽ được “Từ Nghi đến Ngộ” đúng như lời Phật dạy vậy.

Thích Duy Lực

⁽¹⁾ *Thế luận Bà-la-môn* : Thế luận là pháp thế gian, xuất phát từ nhất niệm vô minh, đều ở trong phạm vi tương đối. Vì vô minh là hư huyền chẳng thật nên phàm có tương đối cũng đều hư huyền chẳng thật, nên Phật nói là thế luận.

⁽²⁾ *Nghi tình* : Tình trạng không hiểu, không biết của bộ óc mà không cho bộ óc suy nghĩ hay tìm hiểu.

CÔNG ÁN CỦA PHẬT THÍCH CA

(Trích trong Chỉ Nguyệt Lục)

Lược sử PHẬT THÍCH CA

Thích Ca Mâu Ni là Phật thứ tư trong hiền kiếp, họ Sát-ly, cha là Tịnh Phạn vương, mẹ là Ma-gia. Dòng Sát-ly làm vua từ khi Châu Diêm-phù-đề bắt đầu. Phật trải qua nhiều kiếp tu hành được Phật Nhiên Đăng thọ ký kế vị Phật Ca Diếp, thành Phật trong kiếp này.

Phật xưa kia đắc đạo Bồ-tát, sanh cõi trời Đâu Suất, tên Hộ Minh Đại sĩ. Khi nhân duyên đến, cách đây khoảng 3021 năm (*1030 năm trước Tây Lịch*), Ngài Đản sanh tại Népal. Theo lịch Trung Quốc là mồng Tám tháng Tư năm Giáp Dần, năm thứ 24, triều đại Châu Chiêu vương. Lúc ra đời, Ngài phóng đại trí quang minh soi khắp mười phương thế giới, có hoa sen vàng từ dưới đất nổi lên hứng hai chân Ngài. Khi ấy Ngài một tay chỉ trời một tay chỉ đất, đi vòng bảy bước, mắt nhìn bốn phương nói : “Thiên thượng thiêng hạ duy ngã độc tôn”. Sau khi Đản sanh, hiện ra đủ thứ thần dị như đã được ghi trong các Kinh. Năm 19 tuổi, mồng Tám tháng Hai, Ngài có ý muốn xuất gia, trong tâm nghĩ rằng sẽ được gặp nhân duyên, nên

đi dạo khắp bốn cửa thành, đích thân gặp thấy bốn việc, sanh, lão, bệnh, tử liền quyết chí tìm cách để lìa hẳn.

Ngay giữa đêm đó, có người ở cõi trời Tịnh Cư hiện trước cửa sổ bạch rằng : “Thời xuất gia đã đến, Ngài hãy ra đi”. Rồi có chư thiên ôm chân ngựa Ngài đang cõi bay ra khỏi thành, khi ấy Ngài phát thệ nguyện rằng : “Nếu chẳng dứt tám khổ, chẳng thành Vô thượng Bồ-đề, chẳng chuyển pháp luân thì không bao giờ trở về”.

Phụ vương Tịnh Phạn thương nhớ Ngài, sai nhiều đại thần đi khuyên Ngài trở về cung, Ngài nhất định không về. Ngài vào núi Đàm Đặc tu đạo, lúc đầu theo ngoại đạo A La Ca Lam ba năm, học Định Bất Dụng Xứ, sau biết quấy liền bỏ. Rồi đến nơi Uất Đầu Lam Phật ba năm, học Định Phi Phi Tưởng, sau biết quấy cũng bỏ. Kế đến núi Đầu Dơi, cùng các ngoại đạo hằng ngày chỉ ăn mạch, mè, trải qua sáu năm. Rồi Ngài tự nghĩ rằng : “Tu khổ hạnh này chẳng thể giải thoát chân chính. Ta sẽ thọ thực lại”. Rồi xuống sông Ni Liên Thiền tắm rửa, nhận sữa cúng đường của cô gái chăn dê. Kế đến gốc cây Bồ-đề, Thiên đế đem cỏ Tường Thoại trải tòa ngồi cho Ngài. Khi ấy gió dịu mây đẹp dấy lên từ bốn phương, thiên ma sợ Ngài thành đạo nên thống lãnh ma chúng đến làm mọi cách ngăn trở như hiện hình khủng bố, hoặc hiện

người nữ nhan sắc. Ngài đều an nhiên chẳng động, lại dùng ngón tay chỉ đất khiến đất chấn động mạnh, bọn ma đều ngã té liền bị hàng phục. Nên Kinh nói : “Dùng vô tâm ý, vô thọ hạnh mà hàng phục hết thảy các ngoại đạo tà ma”.

Đến đêm mồng Bảy tháng Hai năm Quý Mùi là năm thứ ba Châu Mục vương, Ngài nhập Chân Tam Muội. Rạng sáng mồng 8, vào lúc sao Mai mọc, Ngài hoát nhiên đại ngộ thành Đẳng Chánh giác, than rằng : “Lạ thay ! Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ đức tướng của Như Lai chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”. Khi ấy, Ngài 30 tuổi.

Sau khi thành đạo sáu năm, Ngài về cung vì vua Tịnh Phạn thuyết pháp. Vua rất vui mừng, cho giòng quý tộc năm trăm người theo Phật xuất gia.

LƯỢC GIẢI

“Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”

Có Tăng hỏi Tổ Vân Môn :

- Tại sao Phật Thích Ca nói : “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn ?”.

Tổ Vân Môn đáp :

- Khi ấy, nếu tôi gặp thấy sẽ đánh chết cho con chó ăn để mong thiên hạ được thái bình.

Lời nói của Phật là muốn hiển bày nghĩa bất nhị của tự tánh. Lời của Tổ Vân Môn cũng là muốn hiển bày nghĩa bất nhị của tự tánh.

Tại sao Tổ Vân Môn nói đánh chết rồi cho con chó ăn ? Tại nếu không cho con chó ăn thì vẫn còn xương thịt, nghĩa là còn dấu tích của độc tôn, vậy là hai cái độc tôn, (Tổ Vân Môn và Phật) chưa phải là nghĩa bất nhị của tự tánh.

CÔNG ÁN

Một hôm Thế Tôn thăng tòa, đại chúng tụ tập xong, Văn Thù đánh dùi bạch chung rằng :

- Xem kỹ pháp của Pháp vương. Pháp của Pháp vương là như thế !

Thế Tôn liền xuống tòa.



Một hôm Thế Tôn thăng tòa, ngồi im lặng. A-nan bạch dùi (*dùng dùi đánh chuông*) rằng :

- Xin Thế Tôn thuyết pháp.

Thế Tôn nói :

Trong hội có hai Tỳ-kheo phạm luật nên Ta chẳng thuyết pháp.

A-nan dùng tha tâm thông quán biết hai Tỳ-kheo đó rồi đuổi ra. Thế Tôn vẫn còn im lặng, A-nan bạch nữa :

- Hai Tỳ-kheo phạm giới đã bị đuổi ra rồi, sao Thế Tôn vẫn không thuyết pháp ?

Thế Tôn nói :

- Ta chẳng vì Thanh-văn Nhị thừa thuyết pháp.

Rồi xuống tòa.



Một hôm, Thế Tôn thăng tòa. Ca Diếp bạch dùi rằng :

- Thế Tôn đã thuyết pháp xong.

Thế Tôn liền xuống tòa.

Thế Tôn lên cõi trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp. Ưu Diền vương nhớ Phật, sai thợ điêu khắc, khắc tượng Phật bằng gỗ Chiên Đàm. Khi Thế Tôn từ cõi trời Đao lợi xuống, tượng cũng ra nghênh tiếp. Thế Tôn gọi ba lần, tượng cũng đáp lại ba lần. Thế Tôn nói :

- Vô vi chân Phật thật ở thân ta.

Vậy ở thân nào ?



Thế Tôn ở cõi trời Đao Lợi chín mươi ngày, rồi từ giã cõi trời đi xuống. Từ chúng bát bộ đều đi nghênh tiếp. Có Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc nghĩ rằng : “Tôi là Ni ắt phải xếp hàng sau lưng các đại Tăng khi gặp Phật. Chỉ bằng dùng thần lực biến thành Chuyển luân Thánh vương có ngàn con hộ vệ để được gặp Phật trước mọi người”.

Thế Tôn vừa thấy liền quở rằng :

- Liên Hoa Sắc ! Người đâu thể qua mặt các đại Tăng mà gặp Ta. Người dù thấy sắc thân Ta nhưng chẳng thấy Pháp thân Ta. Tu Bồ Đề tuy tinh tọa trong hang lại được thấy Pháp thân Ta.



Thế Tôn đem hạt châu Ma ni tùy sắc hỏi Ngũ Phương Thiên Vương :

- Hạt châu này màu gì ?

Khi ấy Ngũ Phương thiên vương mỗi người đều lần lượt nói ra màu sắc do mình thấy. Thế Tôn giấu hạt châu rồi giơ tay hỏi :

- Hạt châu này màu gì ?

Ngũ Phương thiên vương nói :

- Trong tay Phật không còn hạt châu, vậy đâu có màu gì ?

Thế Tôn nói :

- Các ngươi sao mê muội điên đảo quá. Ta đem hạt châu thế gian cho xem thì nói có xanh, vàng, đỏ, trắng. Ta thị hiện hạt châu chân thật lại chẳng biết gì cả.

Ngay khi ấy Ngũ Phương thiên vương đều tự ngộ đạo.



Thế Tôn thăng tòa, có một Phạm Chí ⁽¹⁾cúng dường hoa ngô đồng.

Phật bảo : - Buông xuống đi !

Phạm Chí buông hoa bên tay trái xuống.

⁽¹⁾ Phạm Chí dịch nghĩa là *Tịnh Duệ*, (*con cháu của dòng thanh tịnh*) tự xưng tổ tiên của họ được sanh ra từ miệng của Phạm Thiên (vua cõi trời) nên lấy họ Phạm, cũng thuộc phái Bà-la-môn. Chỉ ở Ấn Độ mới có nên người đời gọi là Bà-la-môn giáo. Họ có kinh điển riêng, đời đời kế thừa nhau làm nghề nghiệp. Kẻ tại gia hoặc xuất gia đều ỷ vào kinh điển của họ cho là hay nhất, nên thành ra ngạo mạn, phần nhiều hay tranh biện. Họ cho Phạm Thiên là tác giả của vũ trụ, ấy là Thần Ngā.

Phật bảo tiếp : - Buông xuống đi !

Phạm Chí buông hoa còn lại bên tay mặt xuống.

Phật lại bảo : - Buông xuống đi !

Phạm Chí nói :

- Nay hai tay con đã không còn gì, sao Phật còn bảo buông cái gì xuống nữa ?

Phật nói :

- Chẳng phải Ta bảo ngươi buông bỏ hoa. Người phải buông xả ngoài lục trần, trong Lục căn, giữa Lục thức, nhất thời xả hết đến chỗ không còn gì để xả. Ấy chính là chỗ buông thân mạng của ngươi.

Phạm Chí ngay đó ngộ vô sanh nhẫn.



Phổ Nhãn Bồ-tát muốn gặp Phổ Hiền mà không được, cho đến nhập định ba lần, quán khấp Tam thiên Đại thiên thế giới tìm Phổ Hiền cũng chẳng thấy, liền đến bạch Phật, Phật nói :

- Người hãy ở nơi tịnh Tam muội khởi một niệm liền thấy Phổ Hiền.

Phổ Nhãn vâng lời vừa khởi một niệm thì thấy Phổ Hiền cõi voi trắng sáu ngà từ trên trời đến.



Ngũ Thông Tiên nhân hỏi Phật :

- Thế Tôn có Lục thông, con có Ngũ thông. Thế nào là một thông kia ?

Phật gọi : - Ngũ Thông Tiên nhân !

Tiên Nhân : - Dạ !

Phật nói : - Thế nào là “một thông kia” ngươi đã hỏi Ta ?



Một hôm Thế Tôn bảo A-nan :

- Sắp tới giờ ăn, ngươi phải cầm bát vào thành khất thực.

A-nan : - Dạ.

Thế Tôn nói : - Người đi trì bình phải y theo nghi thức của bảy Đức Phật quá khứ.

A-nan hỏi : - Thế nào là nghi thức của bảy Phật ?

Thế Tôn gọi : - A-nan !

A-nan : - Dạ.

Thế Tôn nói : - Cầm bình bát đi đi !



Có Tỳ-kheo hỏi Phật :

- Con đối với Phật pháp chỗ thấy thì có, chỗ chứng thì chưa phải. Thế Tôn làm sao khai thị ?

Thế Tôn nói :

- Tỳ-kheo ! Ông ta làm sao khai thị. Câu hỏi này là ngươi.



Thế Tôn cùng Kỳ-bà thấy một cái mả trong đó có năm bộ xương. Vì Kỳ-bà rất khéo phân biệt âm thanh nên Thế Tôn gõ vào một bộ hỏi Kỳ-bà :

- Cái này dã sanh chỗ nào ?

Đáp : - Sanh cõi người.

Phật gõ bộ khác hỏi : - Sanh chỗ nào ?

Đáp : - Sanh cõi trời.

Phật gõ bộ khác nữa, hỏi :- Sanh chỗ nào ?

Kỳ-bà chẳng biết chỗ sanh.



Bảy hiền nữ đi dạo vườn Thi-đà, một người chỉ thi hài nói :

- Thi hài ở đây, người đi chỗ nào ?

Một hiền nữ khác nói :

- Làm sao ! Làm sao !

Các hiền nữ cùng quán kỹ, mỗi mỗi khẽ ngộ.

Việc này cảm thông được Đế Thích. Đế Thích đến rải hoa rằng :

- Các Thánh tử có cần cái gì, tôi sẽ cung cấp suốt đời.

Một hiền nữ nói :

- Nhà tôi tứ sự (*ăn, mặc, ngoại cụ, y dược*) thát bảo thảy đều đầy đủ. Chỉ cần ba món đồ : Một là cần cái cây chẳng có gốc, hai là cần miếng đất chẳng âm dương, ba là cần một thung lũng có tiếng kêu mà chẳng âm vang.

Đế Thích nói :

- Tất cả đồ cần dùng tôi đều có. Đối với ba món này tôi thật không có.

Hiền nữ nói :

- Nếu ông không có làm sao mà biết giúp người.

Đế Thích chung hứng. Rồi tất cả cùng đi bạch Phật.

Phật bảo :

- Kiều Thi Ca (*tên của Đế Thích*) ! Các đệ tử đại A-la-hán của Ta, chẳng hiểu nghĩa này, chỉ có các đại Bồ-tát mới hiểu nghĩa này.



Xưa kia Thế Tôn tu hành nơi nhân địa rũ tóc ra che lên đất sình, dâng hoa cúng đường Phật Nghiêm Đăng. Phật Nghiêm Đăng chỉ chõ đất trải tóc đó nói :

- Miếng đất này nên lập một ngôi chùa.

Khi ấy trong chúng có một trưởng giả đem cây nêu cắm ngay chõ đó rằng :

- Kiến lập ngôi chùa xong !

Bây giờ chư thiên cùng nhau rải hoa tán thán.



Thế Tôn cùng A-nan đang đi trên đường thấy một cái tháp của Phật xưa. Thế Tôn liền đánh lẽ.

A-nan nói : - Đây là tháp của người nào ?

Thế Tôn nói : - Tháp của chư Phật quá khứ.

A-nan hỏi : - Chư Phật quá khứ là đệ tử của ai ?

Thế Tôn nói : - Là đệ tử của Ta.

A-nan nói : - Phải nên như thế.



Ngày giải hạ tự tú (*tự kiểm thảo*), vì ngài Văn Thủ nhập hạ ở ba chỗ nên ngài Ca Diếp muốn bạch dùi (*đánh chuông*) đuổi ra. Vừa cầm dùi thì thấy trăm ngàn muôn ức Văn Thủ, Ca Diếp dùng hết thần lực của mình mà vẫn không giơ dùi lên được.

Thế Tôn bèn hỏi Ca Diếp :

- Người muốn đuổi Văn Thủ nào ?

Ca Diếp chẳng thể trả lời.



Ở cửa Đông thành La Phiệt, có một bà già cùng sanh một ngày với Phật mà không muốn gặp Phật. Mỗi khi thấy Phật đến liền trốn tránh. Mặc dù như thế nhưng nhìn qua nhìn lại bên Đông bên Tây đều thấy Phật, rồi dùng tay che mặt thì cả mười ngón tay, cho đến bàn tay, thấy đều là Phật.



Văn Thủ đến chỗ hội trường của chư Phật nhằm lúc tất cả chư Phật đều trở về bốn xứ. Chỉ có một người nữ ngồi gần tòa Phật đang nhập định.

Văn Thủ bạch Phật rằng :

- Tại sao người này được gần bên Phật mà con lại không được ?

Phật bảo Văn Thù :

- Người muốn biết phải khiến cho người nữ này xuất định rồi tự hỏi cô ta.

Văn Thù nhiễu quanh người nữ ba vòng, búng ngón tay một cái không thấy xuất định, cho đến đưa tới Phạm thiên dùng hết cả thần lực cũng không thấy xuất định.

Thế Tôn nói.

- Giả sử bá thiêng ức Văn Thù cũng chẳng thể khiến người nữ này xuất định được. Ở phương dưới đi qua bốn mươi hai hằng hà sa quốc độ có Bồ-tát Võng Minh mới khiến người nữ này xuất định được.

Một lúc sau Đại sĩ Võng Minh từ dưới đất vọt lên đánh lẽ Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Võng Minh :

- Hãy khiến người nữ này xuất định.

Võng Minh đi đến trước mặt người nữ búng ngón tay một cái thì người nữ xuất định liền.



Ương-khoát-ma-la đi khát thực đến cửa nhà một trưởng giả, trong nhà có một phụ nữ đang gấp sản nạn.

Trưởng giả nói :

- Ông là bậc Thánh đệ tử của Phật, vậy có pháp nào giúp thoát khỏi sản nạn này chăng ?

Ương-khoát nói với trưởng giả rằng :

- Tôi vừa mới nhập đạo, chưa biết pháp này. Hãy đợi tôi về hỏi Thế Tôn rồi sẽ trả lại báo cho biết.

Liền trả về đem chuyện này bạch Phật, Phật bảo Ương-khoát :

- Người mau đi nói với họ rằng : “Ta từ pháp Hiền thánh đến nay chưa từng sát sanh”.

Ương-khoát vâng lời Phật, chạy nhanh đến báo cho trưởng giả phụ nữ nhà đó nghe xong tức khắc sanh đứa con ra.



Một hôm, Thế Tôn thấy Văn Thù đứng ở ngoài cửa nên kêu :

- Văn Thù ! Văn Thù ! Tại sao không vào cửa đi ?

Văn Thù nói :

- Con chẳng thấy một pháp ở ngoài cửa, sao lại bảo con đi vào cửa.



Bồ-tát Vô Biên Thân đem cây trúc trượng đeo lường đánh của Thế Tôn. Một trượng sáu rồi lại một trượng sáu, Ngài cứ đo mãi như thế đến cõi trời Phạm Thiên cũng không thấy đánh của Thế Tôn, rồi bỏ trúc trượng chắp tay thuyết kệ rằng :

**Hư không chẳng biên giới,
Công đức Phật cung vạy,
Nếu có kẻ do lường,
Suốt kiếp chẳng thể hết.**



Vua Càn-thát-bà vì Thế Tôn cúng dường âm nhạc. Lúc ấy sơn hà đại địa đều phát ra tiếng đàn. Ca Diếp đứng dậy múa vũ.

Vua hỏi Phật :

- Ca Diếp là bật A-la-hán, tập lâu đã sạch, tại sao còn có tập khí sót lại vậy ?

Phật nói :

- Thật chẳng có sót lại chớ nên phỉ báng pháp.

Vua lại đàn thêm ba lần. Ca Diếp cũng múa vũ ba lần.

Vua nói :

- Ca Diếp múa vũ như thế há chẳng phải tập khí sao ?

Phật nói :

- Ca Diếp thật chẳng múa vũ.

Vua nói :

- Sao Thế Tôn lại vọng ngữ ?

Phật nói :

- Không vọng ngữ. Lúc ngươi đàn thì sơn hà đại địa, gỗ đá đều phát ra tiếng đàn phải chẳng ?

Vua nói : - Phải.

Phật nói :

- Thì Ca Diếp cũng như thế. Cho nên nói thật chẳng múa vũ.

Vua mới tin họ.



Thế Tôn ở cõi trời thứ sáu thuyết Đại Tập Kinh. Vua cõi trời ấy kêu khắp cõi người, cõi trời, tất cả ác quỷ, thần đều nêu tập hội thọ sự phó chúc của Phật để ủng hộ Chánh pháp. Nếu có ai không đến thì Tứ Thiên môn vương sẽ đem bánh xe sắt nóng bắt họ tập trung. Sau khi tập hội xong, ai cũng vâng lời Phật dạy, mỗi mỗi tự phát hoằng thệ nguyện ủng hộ Chánh pháp. Chỉ có một Ma vương nói với Phật rằng :

- Cồ Đàm ! Con đợi tất cả chúng sanh thành Phật hết. Cõi chúng sanh đã không, chẳng có tên gọi chúng sanh nữa, con mới phát Bồ-đề tâm.



Đề-bà-đạt-đa phỉ báng Phật, nên ngay cái thân đang sống mà đã bị đọa địa ngục.

Phật bảo A-nan đi hỏi :

- Người ở trong địa ngục có yên không ?

Đáp :

- Tôi dù ở địa ngục nhưng vui như cõi trời Tam thiền.

Phật lại sai A-nan hỏi nữa :

- Người muốn cầu ra không ?

Đáp :

- Tôi đợi Thế Tôn đến mới ra.

A-nan nói :

- Phật là Đạo sư tam giới, há có phần vào địa ngục ư ?

Đề-bà nói :

- Phật đã không có phần vào địa ngục thì tôi há có phần ra địa ngục ư !



Văn Thù bỗng khởi Pháp kiến, Phật kiến, bị sức oai thần của Thế Tôn dày đi núi nhị Thiết-vi.



Trên hội Linh Sơn có năm trăm Tỳ-kheo đắc định Tứ thiền, đủ năm thần thông mà chưa đắc Pháp nhẫn. Mỗi vị dùng thần thông Túc mạng tri thì đều tự thấy giết cha hại mẹ và phạm những tội nặng. Do đó mỗi người trong tâm tự hoài nghi, thành ra đối với pháp thâm sâu chẳng thể chứng nhập. Lúc ấy, Văn Thù thừa oai thần lực của Phật, tay cầm kiếm bén bức bách Như Lai.

Thế Tôn nói với Văn Thù rằng :

- Ngưng ! Ngưng ! Chớ nên hại Ta mà tạo tội ngũ nghịch. Nhưng nhất quyết hại Ta thì phải khéo hại

cái ngã chấp của ta. Văn Thù Sư Lợi ! Ngươi từ xưa nay chẳng có ngã nhân (*ta và người*), chỉ vì nội tâm thấy có ngã nhân. Khi nội tâm chẳng khởi, thì ngã nhân ắt phải diệt, tức gọi là hại cái ngã chấp của ta.

Do đó, năm trăm Tỳ-kheo tự ngộ bản tâm như mộng như huyễn. Ở trong mộng huyễn chẳng có ngã nhân, cho đến nǎng sanh sở sanh, cha mẹ đều như mộng huyễn, chẳng có ngã nhân. Rồi năm trăm Tỳ-kheo cùng nói kệ tán thán rằng :

Văn Thù bậc đại trí,
 Thấu đạt nguồn dáy pháp,
 Tự tay cầm kiếm bén,
 Bức bách thân Như Lai.
 Kiếm vậy, Phật cũng vậy,
 Một tướng chẳng có hai,
 Vô tướng vô sở sanh,
 Đâu thể nói giết hại.
 Ngã nhân đã không có,
 Thị còn ai tạ tội.



Ngoại đạo hỏi Phật :

- Không hỏi có lời, không hỏi chẳng lời ?

Thế Tôn im lặng giây lâu.

Ngoại đạo tán thán rằng :

- Thế Tôn đại từ đại bi khai phá đám mây mê muội cho con khiến con được ngộ nhập.

Rồi đánh lẽ lui ra.

A-nan bạch Phật :

- Ngoại đạo đắc đạo lý gì mà tán thán như vậy ?

Thế Tôn nói :

- Như con tuấn mã ở thế gian, thấy bóng roi liền chạy nhanh.



Vua Ba-tư-nặc hỏi Phật :

- Trong Thắng nghĩa đế có thế tục đế chǎng ? Nếu nói không thì trí chǎng nên hai, nếu nói có thì trí chǎng nên một. Cái nghĩa của một hai ấy là thế nào ?

Phật nói :

- Đại vương ! Ông ở kiếp Long Quang Phật trong quá khứ từng hỏi nghĩa này. Nay Ta vô thuyết, nay ông vô thính, vô thuyết vô thính ấy là nghĩa một hay nghĩa hai ?



Ngoại đạo hỏi Phật : - Hôm qua thuyết pháp gì ?

Phật nói : - Thuyết pháp nhất định.

Ngoại đạo lại hỏi : - Hôm nay thuyết pháp gì ?

Phật nói : - Pháp chǎng định.

Ngoại đạo nói :

- Tại sao hôm qua thuyết pháp nhất định, nay lại thuyết pháp chǎng định.

Phật nói : - Hôm qua “định”, hôm nay “chẳng định”.



Ngoại đạo hỏi Phật : - Các pháp là thường ư ?

Phật không đáp.

Lại hỏi : - Các pháp là vô thường ư ?

Phật cũng không đáp.

Ngoại đạo nói :

- Thế Tôn là bậc đầy đủ trí huệ tại sao không đáp?

Phật nói :

- Vì các câu hỏi của ngươi đều là hý luận.



Lúc Phật đang ngồi dưới gốc cây Ni-câu-luật thì có hai thương gia hỏi Phật :

- Có thấy xe đi qua không ?

Đáp : - Chẳng thấy.

Hỏi : - Có nghe tiếng xe không ?

Đáp : - Chẳng nghe.

Hỏi : - Phải đang thiền định không ?

Đáp : - Chẳng thiền định.

Hỏi : - Phải đang ngủ không ?

Đáp : - Không ngủ.

Người thương gia tán thán rằng :

- Lành thay ! Lành thay ! Thế Tôn Đại giác nên chẳng thấy nghe.

Có một Phạm Chí móng tay dài xin biện luận nghĩa lý với Phật, giao ước trước rằng :

- Nếu tôi thua thì sẽ tự chém đầu để tạ lỗi.

Thế Tôn hỏi :

- Nghĩa lý của ngươi lấy gì làm tôn chỉ ?

Phạm Chí nói :

- Tôi lấy “Tất cả đều chẳng thọ nhận” làm tôn chỉ.

Phật nói :

- Tôn chỉ này ngươi thọ nhận chẳng ?

Phạm Chí quay đầu bỏ đi, giữa đường chợt tinh ngộ, than rằng :

- Nghĩa lý của ta có hai chỗ thua. Tại sao ? Nếu nói thọ nhận thì chỗ thua là thô (*lớn*), nếu nói chẳng thọ nhận thì chỗ thua là tế (*nhỏ*). Tất cả trời, người và Nhị thừa đều chẳng biết cái nghĩa lý chỗ thua của ta, chỉ có Thế Tôn với các Đại Bồ-tát mới biết.

Nghĩ thế ông liền trở về trước Phật nói :

- Nghĩa lý tôi có hai chỗ thua nên xin tự chém đầu để tạ lỗi.

Phật nói :

- Trong pháp Ta chẳng có việc này. Người biết quấy thì nên hồi tâm hướng đạo.

Do đó Phạm Chí cùng năm trăm đệ tử đồng thời theo Phật xuất gia. Sau này đều chứng quả A-la-hán.



Một hôm, Thế Tôn đang ngồi thấy hai người khiêng con heo đi ngang.

Phật hỏi : - Cái đó là gì ?

Họ nói :

- Phật có đầy đủ trí huệ lại không biết con heo sao?

Phật đáp : - Cũng nên hỏi qua vậy.



Phật ở hội Linh Sơn “Niêm Hoa Thị Chúng”. Lúc ấy chúng đều im lặng, chỉ một mình Tôn giả Ca Diếp mỉm cười.

Thế Tôn nói :

- Ta có Chánh pháp Nhãm tạng (*từ Nghi đến Ngộ*), Niết-bàn diệu tâm, Thực tướng vô tướng pháp môn vi diệu, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, nay phó chúc cho Ma-ha Ca Diếp.

Rồi Thế Tôn đến trước tháp Đa Tử bảo Ma-ha Ca Diếp ngồi kế cạnh, dùng Tăng-già-lê (*áo cà sa*) quàng lên thân Ca Diếp và bảo rằng :

- Ta đem Chánh pháp Nhãm tạng mật phó cho ngươi, ngươi nên hộ trì.

Rồi bảo A-nan làm phó, giúp Ca Diếp hoằng hóa, chờ cho đoạn tuyệt. Xong Phật thuyết kệ rằng :

**Bổn pháp vốn vô pháp
Vô pháp cũng là pháp**

**Nay phó chúc vô pháp
Pháp pháp đâu từng pháp.**

Thế Tôn thuyết kệ xong lại bảo Ca Diếp :

- Ta đem áo Kim Lan Tăng-già-lê truyền phó cho ngươi để chuyển trao cho Phật vị lai.

(Nay ngài Ca Diếp đang nhập định tại núi Kê Túc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc chờ ngày Phật Di Lặc ra đời).

Ca Diếp nghe kệ xong đánh lễ chân Phật, tán thán rằng :

- Lành thay ! Lành thay ! con sē vâng lời Phật.



Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn. Văn Thù thỉnh Phật tái Chuyển pháp luân. Thế Tôn quở rằng :

- Văn thù ! Ta bốn mươi chín năm trụ thế chưa từng thuyết một chữ. Nay ngươi thỉnh Ta tái Chuyển pháp luân, vậy cho là Ta đã từng chuyển pháp luân sao ?



Thế Tôn ở trong hội Niết-bàn tay đặt trên ngực, bảo chúng rằng :

- Đại chúng hãy khéo quán xét cái thân vàng này, chiêm ngưỡng cho đủ chớ nên hối tiếc. Nếu nói ta diệt độ thì chẳng phải đệ tử Ta. Nếu nói Ta chẳng diệt độ thì cũng chẳng phải đệ tử Ta.

Khi ấy, cả triệu ức chúng thảy đều khế ngộ.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đến thành Câu-thi-la bảo đại chúng rằng :

- Nay Ta đau lưng muốn nhập Niết-bàn.

Rồi Ngài đi bộ đến gần bờ sông Ni Liên, giữa hai cây Sa-la, nằm nghiêng phía mặt im lặng thị tịch. Sau đó Ngài lại từ trong quan tài ngồi dậy vì mè thuyết pháp, lại đặc biệt đưa ra hai chân để hóa độ Kỳ-bà và thuyết kệ vô thường rằng :

Chư hạnh vô thường là pháp sanh diệt

Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt làm vui.

Lúc ấy, các đệ tử giành nhau đem trầm hương thiêu đốt quan tài. Sau khi lửa tàn, quan tài vẫn còn nguyên. Đại chúng thấy vậy, ngay trước Phật tán kệ rằng :

**Vật phàm dù cháy bừng,
Đâu thể thiêu thân Thánh,
Xin thỉnh lửa tam muội,
Để thiêu sắc thân vàng.**

Lúc bấy giờ, quan tài tự bay bổng lên cao bằng cây Sa-la, rồi lên xuống bảy lần như vậy trên không, xong hóa ra lửa Tam muội, trong chốc lát biến thành tro. Có cả thảy tám giạ bốn đấu xá lợi. Hôm đó, nhằm ngày 15 tháng Hai năm Nhâm Thân, tức là năm thứ năm mươi hai đời Châu Mục vương. Một ngàn mười bảy năm sau khi Thế Tôn nhập diệt, giáo pháp được

truyền sang Trung Quốc, tức nhầm năm thứ 10 niên
hiệu Vĩnh Bình đời Hậu Hán (*năm 67 sau Tây Lịch*).

Ngày Thế Tôn nhập Niết-bàn, ngài Ca Diếp là
người đến sau cùng, Thế Tôn thò hai chân từ trong
quan tài ra thị hiện cho Ca Diếp xem.



CÔNG ÁN TRÍCH TRONG KINH LĂNG GIÀ

Một hôm, có Thế Luận Bà-la-môn hỏi Phật rằng :

- Cồ Đàm ! Tất cả là sở tác ư ?

Phật nói: - Bà-la-môn! Nói có sở tác là thế luận một.

Hỏi : - Tất cả chẳng phải sở tác ư ?

Đáp : - Tất cả chẳng phải sở tác là thế luận hai.

Hỏi : - Tất cả thường ư ? Tất cả vô thường ư ? Tất cả sanh ư ? Tất cả bất sanh ư ?

Đáp : - Ấy là thế luận ba, bốn, năm, sáu.

Hỏi : - Tất cả một ư ? Tất cả khác ư ? Tất cả đủ ư ?
Tất cả chẳng đủ ư ? Tất cả đều do mỗi mỗi nhân duyên mà thọ sanh ư ?

Đáp : - Ấy là thế luận từ bảy đến mười một.

Hỏi : - Tất cả vô ký (*chẳng thiện chẳng ác*) ư ?
Tất cả ký (*hoặc thiện hoặc ác*) ư ? Hữu ngã ư ? Vô ngã ư ? Có kiếp này ư ? Chẳng kiếp này ư ? Có kiếp khác ư ? Chẳng kiếp khác ư ? Có giải thoát ư ?
Chẳng giải thoát ư ? Tất cả là sát na ư ? Tất cả không sát na ư ? Là hư không ư ? Là chẳng phải hư không ư ? Cồ Đàm! Có năng tác ư ? Chẳng có năng tác ư ? Có trung ấm ư ? Chẳng có trung ấm ư ?

Đáp : - Bà-la-môn ! Những câu hỏi như thế đều là
thế luận. Chẳng phải sở thuyết của Ta.^(*)



(*) *Năng Sở* : Năng là chủ động, sở là bị động. Thí dụ : Năng lẽ, sở lẽ thì năng lẽ là thân, sở lẽ là Phật. Mắt là năng thấy, vật là sở thấy, tai là năng nghe, âm thanh là sở nghe.

CÔNG ÁN CỦA TỔ ĐẠT MA

Sơ Tổ Bồ-đề Đạt-ma là người Nam Thiên Trúc, con thứ ba của vua nước Hương Chí, họ Sát Đế Lợi, trước tên là Bồ-đề Đa-la, về sau, khi đắc pháp noi Tôn giả Bát-nhã Đa-la, Tôn giả nói :

- Người đối với các pháp đã thông đạt. Đạt-ma là thông đạt đại nghĩa, nên ta đổi tên cho người là Đạt-ma.

Tổ hỏi Tôn giả :

- Nên đi nước nào làm Phật sự ?

Tôn giả nói :

- Người dù đắc pháp, chưa thể đi xa. Hãy tạm ở Nam Thiên Trúc, đợi sau khi ta diệt độ sáu mươi bảy năm, thì nên sang Trung Quốc, thí đại pháp được, tiếp người thương cǎn. Chớ nên đi gấp mà có thể trở thành chướng duyên.

Tổ lại hỏi :

- Nước Trung Quốc có bậc Đại sĩ kham làm pháp khí chǎng ? Ngàn năm về sau có chướng nạn chǎng ?

Tôn giả đáp :

- Chỗ người đi hoằng hóa, người được chứng quả Bồ-đề chǎng thể kể xiết. Sau khi ta diệt độ hơn sáu mươi năm, nước ấy có nạn, tà pháp trôi nổi, người hãy

khéo đi hàng phục. Người đến nước ấy chớ nên lưu lại miền Nam vì họ chỉ ham công nghiệp hữu vi, chẳng thấu lý Phật, dù người đến cũng chẳng thể lưu lại đó đâu. Nghe bài kệ ta đây :

**Giữa đường vượt biển gấp con dê,
Một mình vắng lặng lén qua sông,
Đáng tiếc roi ngựa dưới mặt trời,
Hai cây quế tươi lâu mãi mãi.**

Tổ lại hỏi :

- Về sau còn có việc gì không ?

Tôn giả đáp :

- Một trăm năm mươi năm về sau thì có nạn nhỏ.

Nghe kệ sấm đây :

**Trong tâm cát tường, bên ngoài hung,
Tăng phòng thiên hạ gọi không trúng,
Vì gấp độc long sanh võ tử,
Bỗng gấp chuột con tịch vô cùng.**

Tổ lại hỏi :

- Về sau thế nào nữa ?

Tôn giả đáp :

- Hai trăm hai mươi năm về sau, dưới Tòng lâm, sẽ gặp một người đắc đạo quả. Nghe kệ sấm đây :

**Trung Quốc tuy rộng chẳng đường khác
Càng nhờ con cháu đi dưới chân
Gà vàng biết ngậm một hạt lúa
Cúng đường mười phương La-hán Tăng.**

Tổ vâng lời dạy bảo, siêng năng phục vụ bốn mươi năm, đến khi Tôn giả viên tịch mới ra hoằng hóa khắp trong nước. Lúc ấy có hai Sư, một vị là Phật Đại Tiên, một vị là Phật-đại Thắng-đa, trước kia là bạn của Tổ cùng học Thiên quán Tiểu thừa với ngài Phật-dà Bạt-đa. Phật Đại Tiên đã gặp Tôn giả Bát-nhã Đala, bỏ Tiểu thừa hướng Đại thừa, được ngộ và cùng Tổ hoằng hóa. Lúc bấy giờ, người đời xưng là “hai cửa cam lồ”. Còn Phật-đại Thắng-đa lại chia môn đồ thành sáu tông :

1. Hữu tướng tông.
2. Vô tướng tông.
3. Định huệ tông.
4. Giới hạnh tông.
5. Vô đắc tông.
6. Tịnh tịnh tông.

Các tông mỗi mỗi tự ôm chặt kiến giải của tông mình tự cho là cội nguồn, triển khai hoằng hóa khác nhau.

Tổ than rắng :

- Một thầy kia đã lún chân xuống sinh lại còn chi ly chia làm sáu tông, nếu ta chẳng đi phá trừ thì họ sẽ vĩnh viễn bị trói trong tà kiến.

Nói xong hiện chút thần lực đến nơi Hữu tướng Tông hỏi:

- Sao lại gọi tất cả các pháp là Thực tướng ?

Tông trưởng trong chúng là Tát-bà-la đáp :

- Nơi các tướng chẳng biết lẫn nhau gọi là Thực tướng.

Tổ hỏi :

- Tất cả các tướng chẳng biết lẫn nhau, nếu gọi là Thực tướng thì lấy gì để xác định ?

Đáp :

- Nơi các tướng thực bất định. Nếu các tướng bất định thì sao gọi là thực^(*)

Tổ hỏi :

- Các tướng bất định gọi là Thực tướng, nay ông bất định làm sao chúng đắc ?

Đáp :

- Ta nói bất định, chẳng nói chúng các tướng. Khi nói chúng các tướng thì nghĩa ấy cũng bất định vậy.

Tổ hỏi :

- Ông nói bất định tức là Thực tướng. Định nếu bất định tức phi Thực tướng.

Đáp :

- Định đã bất định tức phi Thực tướng. Vì biết ta phi (*ta phi ta là vô ngã*) nên bất định bất biến.

Tổ nói :

^(*) *Kinh Kim Cang* viết : "Nếu thấy các tướng không phải là tướng mới là thấy Thực tướng".

- Nay ông bất biến sao gọi Thực tướng. Nếu biến thì biến mất, cũng không gọi là Thực tướng.

Đáp :

- Bất biến nên tồn tại , vì tồn tại chẳng thực nên gọi biến là Thực tướng, để xác định nghĩa ấy.

Tổ hỏi :

- Thực tướng chẳng biến, biến thì chẳng thực. Nơi pháp hữu vô cái nào gọi là Thực tướng ?

Tát-bà-la trong tâm biết Tổ là Thánh sư, đã thấu suốt nghĩa lý, liền dùng tay chỉ hư không rằng :

- Đây là hữu tướng của thế gian vì có thể không. Nay thân ta được giống không này chẳng ?

Tổ nói :

- Nếu thấu Thực tướng thì thấy phi tướng. Nếu liễu phi tướng , sắc ấy cũng vậy. Khi ở nơi sắc chẳng mất bản thể của sắc , ở trong phi tướng chẳng ngại sự có. Nếu được thấu hiểu như thế , ấy gọi là Thực tướng.

Họ nghe xong tâm ý khai mở , khâm phục lẽ bái tín thọ.



Tổ thình lình biến mất, rồi đến chỗ Vô tướng tông hỏi:

- Ông nói Vô tướng làm sao chứng tỏ ?

Trong chúng họ có ông Ba-la-dề đáp:

- Vì tâm chẳng hiện nên nói Vô tướng.

Tổ hỏi :

- Tâm ông chẳng hiện lấy gì chứng minh ?

Đáp :

- Ta biết Vô tướng , tâm chẳng lấy bỏ. Đang lúc biết cũng chẳng có kẻ biết.

Tổ nói :

- Nơi hữu và vô , tâm chẳng lấy bỏ , cũng chẳng có kẻ biết, thì cái biết thành không.

Họ nói :

- Nhập Tam muội Phật còn vô sở đắc, huống là Vô tướng mà muốn biết nó.

Tổ hỏi :

- Tướng đã chẳng biết, ai nói hữu, vô. Còn vô sở đắc thì lấy gì gọi là Tam muội ?

Đáp :

- Ta nói chẳng chứng nghĩa là chứng vô sở chứng. Vì phi tam muội, ta nói Tam muội.

Tổ hỏi :

- Nếu phi Tam muội, lấy gì đặt tên. Ông đã chẳng chứng, “vô chứng” làm sao mà chứng ?

Ba-la-đề nghe Tổ phân tích liền ngộ bản tâm, đánh lẽ với Tổ tạ lỗi sám hối. Tổ thọ ký rằng :

- Ông không bao lâu sẽ chứng quả. Nước này có ma nhưng sẽ bị hàng phục.

Nói xong thình lình biến mất.

Tổ đến chõ Định Huệ tông hỏi :

- Ông học Định Huệ là một hay là hai ?

Trong chúng họ có ông Bà-lan-dà đáp :

- Định Huệ ta đây chẳng một chẳng hai.

Tổ hỏi :

- Đã chẳng một, chẳng hai sao gọi là Định Huệ ?

Đáp :

- Ở Định chẳng Định, nơi Huệ chẳng Huệ. Một tức chẳng một, hai cũng chẳng hai.

Tổ hỏi :

- Lúc một chẳng một, lúc hai chẳng hai, đã chẳng Định Huệ lấy gì gọi là Định Huệ ?

Đáp :

- Chẳng một chẳng hai, Định Huệ nǎng biết, chẳng Định chẳng Huệ thì cũng như vậy.

Tổ nói :

- Huệ chẳng phải Huệ, lấy gì để biết ? Chẳng một chẳng hai, ai Định ai Huệ ?

Bà-lan-dà nghe xong, tâm nghi liền tan rã.



Tổ đến chõ Giới Hạnh tông hỏi :

- Thế nào là Giới ? Thế nào là Hạnh ? Cái Giới Hạnh này là một hay là hai ?

Trong chúng họ có một Hiền giả đáp :

- Một hai, hai một do nó tự sanh. Tuân theo giáo điều chẳng nhiễm gọi là Giới hạnh.

Tổ hỏi :

Ông nói tuân theo giáo điều tức là có nhiễm. Vậy một hai cùng phá, đâu thể nói là tuân theo giáo điều. Cả hai đều chống trái^(*) chẳng theo nơi hạnh thì trong ngoài chẳng rõ, sao gọi là Giới ?

Đáp :

- Ta nói trong ngoài, ấy đã biết xong, đã được thông đạt, tức là Giới hạnh. Nếu nói chống trái, cũng đúng cũng sai. Nói đến thanh tịnh, tức Giới tức Hạnh.

Tổ hỏi :

- Cũng đúng cũng sai sao nói thanh tịnh ? Đã được thông đạt còn gì trong ngoài ?

Hiền giả nghe xong liền tự hổ thẹn, tò lòng khâm phục.



Tổ đến chỗ Vô Đắc tông hỏi :

- Ông nói vô đắc, vô đắc làm sao đắc ? Đã vô sở đắc cũng vô đắc để đắc.

Trong chúng họ có ông Bảo Tịnh đáp :

- Ta nói Vô đắc, chẳng phải vô đắc để đắc. Lúc nói đắc cái đắc, vô đắc là đắc.

^(*) Theo giáo điều gọi là có nhiễm. Không theo giáo điều thì là phạm giới. Cả hai trường hợp đều là chống trái.

Tổ hỏi :

- Đắc đã vô đắc thì chẳng phải là đắc. Đã nói đắc cái đắc, vậy đắc cái đắc đó làm sao đắc ?

Đáp :

- Thấy đắc là phi đắc, phi đắc gọi là đắc. Nếu thấy vô đắc gọi là đắc cái đắc.

Tổ nói :

- Đắc đã phi đắc, đắc cái đắc vô đắc. Đã vô sở đắc lấy gì đắc cái đắc ?

Bảo Tịnh nghe xong bỗng phá lưới nghi.



Tổ đến chỗ Tịch tịnh tông hỏi :

- Thế nào gọi là Tịch tịnh ? Ở trong pháp này ai Tịch ai Tịnh.

Trong chúng họ có một Tôn giả đáp :

- Tâm này bất động, ấy gọi là Tịch. Nơi pháp vô nhiễm, ấy gọi là Tịnh.

Tổ nói :

- Bản tâm bất tịch mới phải nhờ tịch tịnh. Nếu vốn là tịnh thì đâu cần Tịch tịnh.

Họ nói :

- Các pháp vốn không vì không đã không. Vì không đã không nên ở nơi cái không ấy gọi là Tịch tịnh.

Tổ nói :

- Không không đã không, các pháp cũng vậy. Tịch tịnh vô tướng thì cái nào Tịch, cái nào Tịnh ?

Tôn giả ấy nghe Tổ chỉ dạy hoát nhiên khai ngộ.



Từ đó sáu tông đều thê nguyện quy y nên sự giáo hóa của Tổ cùng khắp Nam Thiên Trúc. Tiếng tăm vang cả nước Ấn Độ, trải qua sáu mươi năm, độ chúng sanh vô lượng. Sau gấp lúc vua Dị Kiến (*cháu gọi Tổ bằng chú*) muốn hủy diệt Phật pháp, Tổ thương xót muốn cứu vớt cháu. Khi ấy, sáu tông điều thầm nghĩ Tổ sẽ có cách để cứu vãn pháp nạn. Tổ từ xa biết ý của các chúng nên âm thầm búng tay báo tin cho họ.

Sáu tông đều cùng nghe được mà nói :

- Tiếng búng ngón tay này là hiệu báo tin của Thầy chúng ta.

Rồi đều đến chô Tổ ở.

Tổ nói :

- Nay Phật pháp có chướng nạn, ai đi diệt trừ ?

Có ông Tôn thắng trước kia thuộc Vô tướng tông xin đi.

Tổ nói :

- Người dù biện tài thông minh nhưng đạo lực chưa đủ. Lại với vua chẳng có duyên.

Thắng không nghe, tự đến chô vua. Dị Kiến rộng thuyết pháp yếu.

Vui nói :

- Cái pháp của ông hiểu biết đó hiện nay ở đâu ?

Thắng nói :

- Nhưng sự thống trị, giáo hóa của nhà vua là hợp với đạo vua, vậy hiện nay đạo vua ở đâu ?

Vua nói :

- Đạo của ta sẽ trừ tà pháp. Pháp của ông sẽ hàng phục người nào ?

Lúc bấy giờ, Tổ đang ngồi trên tòa đã biết trước lý của Tôn Thắng sẽ thua, bảo Ba-la-dề rằng :

- Tôn Thắng chẳng nghe lời ta, đi biện luận với vua sắp thất bại rồi. Người hãy mau đi cứu.

Ba-la-dề nói :

- Xin nhờ thần lực.

Nói xong, có đám mây đở chân đưa đi gặp vua. Vua đang hỏi Tôn Thắng, chợt thấy, ngạc nhiên quên hỏi tiếp mà nhìn Ba-la-dề nói :

- Kẻ bay trên không đến là chánh hay là tà ?

Dề nói :

- Ta chẳng phải tà chánh mà đến đây để chánh lại cái tà. Tâm vua nếu chánh thì ta chẳng tà chánh.

Vua tuy cảm thấy kinh dị nhưng tánh kiêu mạn đang lúc bùng bùng, liền ra lệnh đày Tôn Thắng đi xa.

Ba-la-dề nói :

- Vua đã có đạo sao lại đày Sa-môn ? Ta dù không hay, xin vua cứ hỏi.

Vua giận mà hỏi : - Thế nào là Phật ?

Đề đáp : - Kiến tánh là Phật.

Vua hỏi : - Sư kiến tánh chăng ?

Đề đáp : - Ta kiến Phật tánh.

Vua hỏi : - Tánh ở chỗ nào ?

Đề đáp : - Tánh ở nơi tác dụng.

Vua hỏi : - Là tác dụng gì, nay ta chẳng thấy.

Đề đáp : - Hiện đang tác dụng, vua tự chẳng thấy.

Vua hỏi : - Nơi ta có chẳng ?

Đề đáp : - Vua nếu tác dụng thì đâu có nơi nào chẳng phải Phật tánh. Vua nếu chẳng dụng thì thể cũng khó thấy.

Vua hỏi : - Nếu khi đang dụng có mấy chỗ xuất hiện?

Đề đáp : - Nếu khi xuất hiện sẽ có tám chỗ.

Vua nói :

- Tám chỗ xuất hiện nào nói cho ta nghe.

Ba-la-đề liền thuyết kệ rằng :

**Nơi thai là thân,
Ra đời là người,
Nơi mắt là thấy,
Nơi tai là nghe,
Ở mũi là người,**

Ở miệng đàm luận,
Ở tay cầm lấy,
Ở chân đi đứng.

Hiện khắp bao gồm hằng sa thế giới,
Thu nhiếp lại ở trong hạt bụi nhỏ,
Kẻ nhận được, biết là Phật tánh,
Kẻ chẳng biết, gọi là tinh hồn.

Vua nghe kệ xong tâm liền khai ngộ, sám hối ta lỗi nhìn nhận trước kia làm sai. Rồi Vua hỏi :

- Sư nói pháp của ai ?

Đề đáp :

- Bồ-đề Đạt-ma, tức là chú của Đại vương.

Vua liền cho cận thần nghênh tiếp Tổ đến cung vua. Tổ bảo vua sám hối lỗi trước. Vua nghe xong rồi lệ cảm tạ, rồi ra lệnh cho Tôn Thắng về nước.

Cận thần nói :

- Tôn Thắng khi bị đày đã gieo mình xuống vực bỏ mạng rồi.

Tổ nói :

- Thắng còn sống. Lệnh vua triệu sẽ đến.

Ban sơ, Tôn Thắng bị đày, tự thấy hổ thẹn liền gieo mình xuống vực. Bỗng có Thần nhân cứu để trên tảng đá.

Thắng nói :

- Ta là bậc Sa-môn lấy Chánh pháp làm chủ, vì chẳng thể sửa cái quấy của vua nên bỏ mình tự trách.

Nay Thần sao lại cứu giúp, xin nói rõ nguyên do ?

Thân nhân bèn nói kệ rằng :

Xưa thọ đến trăm tuổi,
 Tám mươi vẫn làm sai,
 Thân cận bậc chí tôn,
 Huân tu mà nhập đạo,
 Tuy có ít trí tuệ,
 Nhưng còn nhiều nhân ngã,
 Gặp các bậc Hiền Thánh,
 Chưa nổi lòng cung kính,
 Hai mươi năm công phu,
 Cái tâm vẫn chưa tịnh,
 Vì thông minh khinh mạn,
 Mà thọ quả như thế,
 Người gặp vua bị khinh,
 Cảm quả đúng như vậy,
 Từ nay chẳng giải dãi,
 Chẳng lâu thành bậc trí,
 Chư Thánh đều hộ niệm,
 Như Lai cũng như vậy.

Thắng nghe kệ vui mừng, rồi tĩnh tọa trên tảng đá đó. Đến đây, sứ thần của vua vào núi triệu về.

Khi đó, ở trong cung, Tổ nói với vua :

- Biết Thắng chịu đến chẳng ?

Vua nói : - Chưa biết.

Tổ nói : - Phải ra lệnh thứ hai mới được.

Khi sứ thần đến núi thì Thắng từ chối. Quả thực, sau đó được lệnh thứ hai mới chịu về.

Tổ nghĩ đến việc Đông độ Trung Quốc theo như Phật đã thọ ký rằng “Năm trăm năm về sau ngọn đèn trí Bát-nhã sẽ tỏ ánh sáng nơi đó”, nên phó chúc đệ tử là Bát-nhã Mật-đa-la-lưu ở Thiên Trúc hoằng pháp, rồi tự mình thì sang Trung Quốc. Trước khi khởi hành, Ngài tới lễ bái tháp chư Tổ, từ giã bạn học và khuyên vua siêng tu hạnh nghiệp, nói : “Tôi đi mười chín năm sẽ về”.

Tổ đi đường biển trải qua ba năm mới đến Trung Quốc, nhầm năm thứ bảy niên hiệu Phổ Thông đời Lương, là ngày 21 tháng Chín năm Canh Tý. Lúc ấy, Châu trưởng Quảng Châu là Tiêu Ngang nghênh tiếp cúng dường đủ lễ, trình biểu văn báo cho Võ Đế. Võ Đế sai sứ thần nghênh thỉnh, nhầm ngày 11 tháng Mười, Tổ đến thủ đô Kim Lăng.

Võ Đế hỏi :

- Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, cất chùa, in Kinh, độ Tăng chẳng thể kể xiết. Như thế có công đức gì ?

Tổ đáp : - Chẳng phải là công đức.

Võ Đế hỏi : - Tại sao chẳng phải là công đức ?

Tổ đáp :

- Ấy chỉ là cái tiểu quả trời người, là cái nhân hữu lậu, như ảnh tùy hình, dù có mà chẳng thật.

Võ Đế hỏi : - Thế nào là chân công đức ?

Tổ đáp :

- Tịnh trí diệu viễn thể tự không tịch. Công đức như thế chẳng do làm việc thế gian mà cầu được.

Võ Đế lại hỏi :

- Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa ?

Tổ đáp : - Rõ ràng vô Thánh.

Võ Đế hỏi : - Hiện ở trước mặt trẫm là ai ?

Tổ trả lời : - Không biết.

Võ Đế không ngộ được.

Tổ biết cơ chẳng khế hợp, đến ngày 19 tháng 6 âm thầm qua sông đi nước Ngụy. Ngày 23 tháng 11 đến thành phố Lạc Dương, ngủ tại Thiếu Lâm Tự núi Tung Sơn. Suốt ngày im lặng hướng vách tĩnh tọa, người đời chẳng biết lại gọi là “Bà-la-môn quán vách”.

Biệt truyện ghi rằng :

“Sau khi Tổ bỏ đi, Võ Đế đem chuyện này nói với Chí Công.

Công hỏi : - Bệ hạ biết người này chăng ?

Võ Đế trả lời : - Không biết.

Công nói : - Ấy là Quan Âm Đại Sĩ truyền tâm ấn Phật.

Võ Đế ăn năn muốn sai sứ thần đuổi theo thỉnh về.

Công nói :

- Đừng nói sai một sứ thần, dẫu cho người cả nước cùng đi thỉnh, Ngài cũng không về”.

Sau này, Thiên sư Viên Ngộ kể chuyện này với chúng rắng :

- Cái không biết của Võ Đế nói, so với cái không biết của Tổ Đạt-ma nói, là đồng hay là khác ? Giống thì có giống, phải thì không phải. Phần đồng hiểu lầm rằng cái “không biết” của Tổ Đạt-ma là đáp về thiền, cái “không biết” Võ Đế đáp câu hỏi của Chí Công, là cái không biết thuộc về nhận biết. Đoán mò như thế trọn chẳng dính dáng. Nếu lúc bấy giờ, Chí Công hỏi như thế thì cần phải trả lời thế nào ? Theo ta thì chẳng bằng một gậy đánh chết cho xong, tránh cho người ta khỏi suy đoán hồ đồ.



Có Tăng Thần Quang ở xứ Y Lạc, rộng xem đủ thứ kinh sách, khéo luận lý, nhiệm mầu, thường than rắng : “Giáo của Khổng Tử nói về phong tục lễ nhạc, sách của Lão Trang cũng chưa đến diệu lý cùng tột. Gần đây nghe nói có Đại sĩ Đạt-ma là bậc chí nhân, ở Thiếu Lâm Tự chẳng cách xa, phải đến tham vấn”. Bèn đi đến chỗ Tổ tham học. Thấy Tổ suốt ngày im lặng hướng vách không một lời dạy bảo, Quang tự thầm nghĩ : “Người xưa từng chải tóc che sình, cho đến chẳng tiếc máu thịt, xương tủy để cúng dường cầu đạo. Xưa còn như vậy, nay ta lại không làm được sao”. Gặp đêm tuyết lớn, Quang đứng hầu ngoài cửa suốt đêm, gần sáng tuyết ngập quá đầu gối nhưng vẫn

đứng yên chõ đó, một lòng cung kính. Tổ nhìn thấy, thương xót hỏi rằng :

- Người đứng lâu trong tuyết muốn cầu việc gì ?

Quang rời lè nói :

- Xin Hòa thượng từ bi mở cửa cam lồ rộng độ chúng sanh.

Tổ nói :

- Diệu đạo của chư Phật phải nhiều kiếp siêng nỗ lực tiến, hành chõ khó hành, nhẫn chõ khó nhẫn mới được, đâu thể dùng thiểu đức thiểu trí, khinh tâm mạn tâm mà được.

Quang nghe lời Tổ khích lệ, liền lấy dao bén tự chặt cánh tay trái để trước bàn Tổ. Tổ biết là pháp khí nói :

- Chư Phật ban sơ cầu đạo vì pháp quên mình. Nay người chặt cánh tay trước ta cầu pháp, ta cũng hứa khả.

Do đó Tổ đổi tên cho Quang là Huệ Khả.

Huệ Khả nói :

- Pháp ấn của Chư Phật con được nghe chăng ?

Tổ nói :

- Pháp ấn của chư Phật chăng do người khác mà được.

Khả nói : - Tâm con chưa an, xin Thầy an cho.

Tổ nói : - Đem tâm lại để ta an cho.

Giây lâu, Khả nói : - Tìm tâm trọn chẳng thể đắc.

Tổ nói : - Ta đã an tâm cho ngươi rồi.



Chín năm sau, Tổ muốn về Thiên Trúc, một hôm nói với môn đồ rằng :

- Thời tiết đã đến, các ngươi hãy tự kể sự sở đắc của mình.

Có đệ tử Đạo Phó nói :

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, ấy là dụng của đạo.

Tổ nói :

- Người được da của ta.

Ni Tống Trì nói :

- Hiểu biết của con như Tôn giả Khánh Hỷ thấy cõi Phật Bất Động, một cái thấy vốn đầy đủ, chẳng cần thêm cái thấy nữa.

Tổ nói :

- Người được thịt của ta.

Đạo Dục nói :

- Tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có, chỗ thấy của con không có một pháp để đắc.

Tổ nói :

- Người được xương của ta.

Sau cùng, Huệ Khả ra lẽ bái rồi trở về đứng lại chỗ cũ.

Tổ nói :

- Người được túy của ta.

Rồi Tổ nhìn Huệ Khả mà bảo rằng :

- Thuở xưa Như Lai đem Chánh pháp Nhān tạng phó chúc cho Đại sĩ Ca Diếp rồi truyền thừa từng đời cho đến thân ta. Nay ta phó chúc cho người, người hãy hộ trì. Đồng thời truyền cà-sa cho người để làm tin cho pháp.

Khả xin Tổ chỉ dạy cho rõ, Tổ nói :

- Trong truyền pháp ấn để khế chứng bản tâm, ngoài phó cà-sa để xác định tông chỉ. Vì sợ người đời sau lòng tin chưa vững sanh ra nghi ngờ, nói “Ta là người Ấn Độ, người là người Trung Quốc, nhờ gì mà đắc pháp, lấy gì để chứng tỏ”? Nay người thọ nhận y, pháp này. Về sau có chướng nạn xảy ra hãy lấy y, và kệ truyền pháp của ta để chứng minh thì sự giáo hóa sẽ vô ngại.

Hai trăm năm sau khi ta nhập diệt phải ngừng sự truyền y. Về sau Chánh pháp cùng khắp pháp giới, kẻ biết đạo thì nhiều, kẻ hành đạo thì ít, kẻ thuyết lý thì nhiều, kẻ thấu lý thì ít. Nay người xiển dương pháp này chớ khinh người chưa ngộ. Hễ được một niệm trở về cội nguồn thì đồng như bản đắc, sự âm thầm mặc chứng sẽ muôn muôn ngàn ngàn.

Hãy nghe ta nói kệ đây :

Ta đi đến đất này,
 Truyền pháp cứu người mê,
 Một bông nở năm cánh,
 Kết quả tự nhiên thành.

Tổ lại nói :

- Ta có Kinh Lăng Già bốn quyển nay cũng giao phó cho ngươi dùng để ấn chứng hậu học. Ấy là tâm địa yếu môn của Như Lai khiến các chúng sanh khai thị ngộ nhập.

Từ khi ta đến đất này đã bị đầu độc năm lâm. Ta đem độc để trên tảng đá thì tảng đá đó nổ bung. Ta lìa Ấn Độ đến Trung Quốc là vì thấy đất này có khí tượng Đại thừa, nên vượt biển vì pháp cầu người. Vì nhân duyên chưa đến nên thị hiện nguẠI hướng vách chờ đợi, nay được ngươi để phó pháp thì ý ta đã thỏa mãn.

Nói xong cùng môn đồ đến chùa Thiên Thánh ở Vũ Môn, lưu tại đó ba ngày. Có Thái thú Kỳ Thành tên Dung Huyền Chi hâm mộ Phật thừa, hỏi Tổ rằng :

- Ở Tây Thiên Ấn Độ, sự truyền thừa làm Tổ là thế nào ?

Tổ nói :

- Thấu tâm tông (*Thiền tông*) của Phật, hạnh giải tương ứng, ấy gọi là Tổ.

Lại hỏi :

- Ngoài ra còn có gì nữa ?

Tổ nói :

- Cần tin tự tâm bất nhị chẳng có tương đối. Nên đối với các pháp chẳng chấp hữu vô, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng trí chẳng ngu, chẳng mê chẳng ngộ. Đã được thấu đạt nên xưng làm Tổ.

Huyền Chi nói :

- Đệ tử quy y Tam Bảo đã nhiều năm mà trí huệ ám muội, còn mê chân lý. Vừa nghe Sư nói vẫn chưa biết rõ. Xin Sư từ bi khai thị tông chỉ.

Tổ biết Huyền Chi khẩn thiết, liền thuyết kệ rằng:

Cũng chẳng thấy ác mà khinh chê,
 Cũng chẳng thấy thiện mà khen ngợi,
 Cũng chẳng xa ngu mà gần trí,
 Cũng chẳng bỏ mê mà lấy ngộ,
 Đại đạo thì siêu việt số lượng,
 Thông tâm Phật thì tự động độ sanh,
 Chẳng trói buộc nơi phàm Thánh,
 Siêu nhiên gọi đó là Tổ.

Huyền Chi nghe kệ bi, hỷ xen nhau mà rằng :

- Xin Sư thường trú thế gian để hóa đạo quần sanh.

Tổ nói :

- Ta sẽ đi về, chẳng thể ở lâu. Chúng sanh căn

tánh muôn ngàn sai biệt nên ta phải gặp nhiều ngu mê làm chướng nạn cho ta (*biết trước sẽ bị người đâu độc*).

Huyền Chi nói :

- Có thể cho biết người nào để đệ tử vì Sư trừ được chướng ?

Tổ nói :

- Ta truyền Phật bí tạng để lợi ích kẻ mê, đâu thể hại người để tự yên. Ất chẳng có lý này.

Huyền Chi nói :

- Sư nếu không nói ra làm sao thị hiện sức biến thông quang chiếu.

Tổ bất đắc dĩ mới cho bài sấm rằng :

**Thuyền sông vạch sóng ngọc,
Ống đuốc mở khóa vàng,
Ngũ khẩu cùng đi chung,
Cửu thập vô nhân ngã.**

Huyền Chi chẳng thể đoán hiểu được, đành lẽ bái cáo từ.

Lúc bấy giờ, vua nước Ngụy rất kính Phật thừa. Trong đạo có nhiều Cao Tăng như Quang Thống Luật sư Lưu Chi Tam tặng v.v... đều là loan phụng trong hàng Cao Tăng mà tư tưởng chủ trương lại trái ngược nhiều với Tổ. Đạo phong của Tổ truyền đi khắp nơi, kẻ trí thức đều quy tụ lại cầu pháp làm cho họ sanh tâm ganh tị, đầu độc năm lần cũng không gây hại được.

Đến lần thứ sáu Tổ đã truyền pháp cho Nhị Tổ, việc hóa duyên đã xong, nên thị hiện trúng độc mà tịch. Môn đồ mai táng Tổ trên núi Hùng Nhĩ, xây tháp nơi Định Lâm tự.

Năm ấy sứ thần nước Ngụy là Tống Vân từ Sung Đỉnh (*biên giới Ấn Độ*) về, giữa đường thấy Tổ tay xách chiếc giày đi nhẹ nhàng như bay.

Vân hỏi : - Đại Sư đi đâu vậy ?

Tổ nói : - Đi về Thiên Trúc.

Vân về kinh tâu chuyện với vua. Khi vua nghe xong ra lệnh cho môn đồ của Tổ đào mả thì thấy trong quan tài trống rỗng chỉ còn một chiếc giày. Vua ban chiếu đem giày ấy thờ phụng nơi Thiếu Lâm Tự.

Đến năm thứ mười lăm niên hiệu Khai Nguyên đời Đường, nhằm năm Đinh Mão, bị tín đồ trong đạo ăn trộm đem về Ngũ Đài Sơn. Hiện nay đã mất tích chẳng biết ở đâu.



HOÀI HẢI THIỀN SƯ

**BÁ TRƯỢNG QUẢNG LỤC
VÀ NGŨ LỤC**

Dịch giả : THÍCH DUY LỰC

TIỂU DẪN

Lời thu thập NGŨ LỤC và QUẢNG LỤC của BÁ TRƯỢNG THIỀN SƯ đã có đăng trong TRUYỀN ĐĂNG LỤC và NGŨ ĐĂNG HỘI NGUYÊN, đến năm Vạn lịch thứ 45 đời Minh được khắc in chung vào bộ “CỔ TÔN TÚC NGŨ LỤC” quyển 48. Tăng Ân Phong ở Trường Kỳ, Nhật Bản chiểu theo bản đời Minh trích lục ra MÃ TỔ, BÁ TRƯỢNG, HOÀNG BÁ, LÂM TẾ gọi là Tứ Gia Ngũ Lục, án hành ra đời, được Tòng lâm tôn trọng là yếu điểm của Thiền môn. Sách này là ghi chép về trọn đời của Thiền Sư BÁ TRƯỢNG về những sự ứng cơ tiếp vật, ân cần dạy chúng, hành sự phi phàm, pháp ngữ bao gồm không sót, mọi chữ, mọi câu đều là lời khai thị quý báu cho người học, thật đáng làm phép tắc cho kẻ tu thiền và tư lương muôn đời cho người học đạo.

Theo sự phân biệt nội dung của NGŨ LỤC và QUẢNG LỤC, thì NGŨ LỤC ghi chép nhiều về hành sự, còn QUẢNG LỤC ghi chép nhiều về pháp ngữ, cùng là di lục của Thiền sư mà có sự sai khác này, đó là do người biên tập và thời đại biên tập bất đồng nay khó mà cứu xét kỹ lưỡng được.

Tác giả húy HOÀI HẢI, họ VƯƠNG, người Trường Lạc, Phước Châu, sinh năm Khai Nguyên thứ 12 đời Đường Huyền Tông (CN 724). Sư xuất gia từ thuở bé, lớn lên ham thích thiền Đốn ngộ, nghe Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất khai hóa ở Nam Khang (nay là núi Mã Tổ ở Giang Tây). Sư bèn hết lòng y chỉ, sau khi nối pháp Mã Tổ, Sư được đàm tín thỉnh trụ trì Đại Trí Thọ Thánh Thiền Tự ở núi Đại Hùng thuộc Hồng Châu, núi cao chót vót, nước suối Ngô Nguyên bay xuống ngàn thước, nên có tên là núi Bá Trượng. Sư trụ trì chưa đầy một tháng người bốn phương đến tham học vân tập hơn một nghìn, trong đó QUI SƠN và HOÀNG BÁ làm Thượng thủ, từ đó pháp môn càng ngày càng hưng thịnh, tông phong lừng lẫy. Sư bèn quyết ý lập ra Thiền viện đầu tiên. Trước kia các tự viện Thiền tông đều nhờ vào chùa của Luật tông, từ nay mới được lập riêng. Sư là người khởi sáng cho Thiền Tự được độc lập, soạn định chế độ Tòng lâm, gọi là Bá Trượng thanh quy, nên cũng được tôn xưng là Tổ Trung Hưng của Thiền tông.

Sư là người siêng năng làm việc, mỗi khi có việc nhà chùa đều tự mình làm trước cả đại chúng người chủ sự lén giấu dụng cụ canh tác của Sư, mời Sư nghỉ ngơi, Sư nói : “Đức ta không đủ, đâu dám trút sự lao động của mình cho người khác !”. Kiếm dụng cụ không được thì ngày đó không ăn cho nên mới có câu : “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực” (Một ngày

*không làm, một ngày không ăn). Vì thế mới biết được
gia phong của Sư chân thật như thế nào, thật đáng
làm mô phạm cho muôn đời.*

*Ngày 17 tháng Giêng năm Nguyên Hòa thứ chín
đời nhà Đường (CN 814), Sư thị tịch, thọ 95 tuổi, đê
tử được phó pháp là QUI SƠN LINH HƯU Thiền sư,
HOÀNG BÁ HY VẬN Thiền sư v.v... Tất cả có hai
mươi tám người, hết thảy đều là môn đồ xuất sắc,
kỳ lân, phụng hoàng trong Phật pháp. Ngoài tác
phẩm này ra còn có : Bá Trượng thanh quy hai
quyển. Năm Trưởng Khánh thứ nhất đời Đường
Mục Tông, được sắc ban là Đại Trí Thiền Sư, tháp
hiệu là Đại Bảo Thắng Luân.^(*)*

*

^(*) Tiểu dẫn này được dịch từ Giải đề của Thiền Học Đại Thành chung
cho hai bộ Ngũ Lục và Quảng Lục của Bá Trượng Đại Trí Thiền Sư.

BÁ TRƯỢNG QUẢNG LỤC

Ngôn ngữ cần phải phân biệt trắng đen, cần phải biết là lời nói chung hay lời nói riêng, lời nói liễu nghĩa hay bất liễu nghĩa.

Giáo liễu nghĩa phân biệt về thanh (*trong*), còn bất liễu nghĩa phân biệt về trước (*đực*). Nói cấu bên pháp uế là phân biệt về phàm, nói cấu bên pháp tịnh là phân biệt về Thánh. Từ chín bộ giáo nói thẳng ra chúng sanh không có mắt, cần phải nhờ người gọt giũa. Nếu nói với người tục tai điếc, cần phải dạy họ xuất gia trì giới, tu thiền học huệ, nếu là người tục siêu xuất thì không nên dạy họ như thế, như trường hợp các ngài Duy Ma Cật, Phó Đại Sĩ... đối với bậc xuất gia đã thọ giới Cụ túc, sức giới, định, huệ đã có mà nói như thế thì gọi là phi thời ngữ (*chẳng ứng cơ*) cũng gọi là ý ngữ (*nói thêu dệt*), nếu là bậc xuất gia phải nói cấu bên pháp tịnh, phải nói lìa các pháp có, không, lìa tất cả tu chứng, cũng lìa cả cái lìa nữa. Nếu trong hàng xuất gia tẩy trừ tập nhiễm tham, sân, không được cũng gọi là kẻ tục tai điếc, phải dạy cho họ tu thiền học huệ. Nếu là Tăng sĩ Nhị thừa đã dứt được bệnh tham sân mà còn trụ nơi vô tham, cho đó là đúng là thuộc về Vô sắc giới, là ngăn trở ánh sáng

Phật, là làm thân Phật chảy máu cũng phải dạy họ tu thiền học huệ.

Cần phải biện biện rõ ràng lời nói thanh, trước. Pháp trước là các danh từ tham, sân, ái, thủ v.v... Pháp thanh là các danh từ Bồ-đề, Niết-bàn, giải thoát v.v... Cái giác chiểu soi hiện tại chỉ cần đối với hai dòng thanh trước, các pháp Thánh, phàm, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng nên có mảy may ái thủ. Đã chẳng ái thủ mà y trụ vào chẳng ái thủ cho đó là phải, ấy là Sơ thiện, là trụ nơi điều phục tâm, là hàng Thanh-văn, là người đã đến bờ rồi mà còn lưu luyến chiếc bè không chịu bỏ, là đạo Nhị thừa, là quả Thiền na. Đã chẳng ái thủ cũng chẳng y trụ nơi chẳng ái thủ, là Trung thiện, là bán tự giáo vẫn còn là Vô sắc giới khởi sa vào đạo Nhị thừa, khởi lạc vào lối Ma vương, vẫn còn là bệnh Thiền na, là còn bị trói buộc vào Bồ-tát thừa. Đã không y trụ nơi chẳng ái thủ và cũng không khởi cái tri giải về không y trụ, ấy là Hậu thiện, là mãn tự giáo, khởi rời vào Vô sắc giới, tránh khởi bệnh Thiền na khởi sa vào Bồ-tát thừa, khởi bị đọa vào địa vị Ma vương, là trí chướng, địa chướng, hạnh chướng nên thấy Phật tánh của mình như ban đêm thấy hình sắc. Như nói : Ở địa vị Phật dứt hai thứ ngu : Một là vi tế sở tri ngu, hai là cực vi tế sở tri ngu. Cho nên nói : Có bậc đại trí đập vỡ hạt bụi lấy ra quyển Kinh. Nếu thấu suốt nghĩa ba câu thì chẳng bị ba đoạn sơ, trung,

hậu thiện khống chế. Giáo môn thí dụ con hươu ba lần nhảy ra khỏi lưới, gọi là làm Phật ngoại triền, không có vật gì ràng buộc được người này. Đây thuộc về Phật sau Đức Nhiên Đăng, là Tối thượng thừa, là Thượng thượng trí là đúng trên Phật đạo ; người này là Phật, có Phật tánh, là Đạo sư, là điều khiển được vô sở ngại phong, là vô ngại huệ, về sau được tự do sai khiến nhân quả phước trí, là làm xe chuyên chở nhân quả, ở nơi sanh không bị sanh nhốt, ở nơi tử không bị tử ngại, ở nơi ngũ ấm như cửa đã mở, không bị ngũ ấm ngăn trở, đi ở tự do, ra vào không khó. Nếu được như thế, không luận thức bậc hơn kém cho đến thân con kiến, chỉ cần được như thế thì đều là cõi nước thanh tịnh vi diệu không thể nghĩ bàn. Đó còn là lời nói mở trói, họ vốn không thương tích thì đừng làm cho bị thương. Những cái thương tích Phật, thương tích Bồ-tát đều là thương tích (*Có nghĩa là chấp Phật là thương tích Phật, chấp Bồ-tát là thương tích Bồ-tát*). Phàm nói các pháp “Có, không” đều là thương tích. “Có, không” bao gồm tất cả pháp.

Hàng Thập địa là chúng ở trong dòng nước đục, tự cho là dòng nước thanh, dựng tướng thanh để nói lỗi của tướng trước. Trước kia mười vị đại đệ tử như Xá Lợi Phất, Phú Lâu Na, chánh tín như A Nan, tà tín như Thiện Tinh v.v... Mỗi người có một cốt cách riêng, mỗi người có một phép tắc riêng đều bị Đạo sư (*Phật*) nói toạc ra là chẳng đúng. Tứ thiền, Bát định, A-la-

hán v.v... Trụ trong định tám muôn kiếp, họ là người tu hành theo kiến chấp vì bị rượu tịnh pháp làm say nên hàng Thanh-văn nghe Phật pháp không phát được đạo tâm vô thượng, do đó bị gọi là người đoạn thiện căn không có Phật tánh. Kinh nói : “Chỗ gọi là hầm sâu giải thoát đáng sợ, nếu có một niệm tâm lui sụt thì rơi vào địa ngục mau như tên bắn”. Chẳng được nhất định nói lui sụt, cũng chẳng được nhất định nói không lui sụt, như các ngài Văn Thù, Quan Âm, Thế Chí v.v... đến thị hiện đồng loại với Tư Đà Hườn để dẫn dụ, chẳng được nói họ lui sụt, lúc bấy giờ chỉ được gọi là người Tu-dà-hoàn thôi. Hiện tại cái giác chiếu soi chỉ cần chẳng bị các pháp “Có, không” khống chế; thấu suốt nghĩa ba câu và tất cả nghịch thuận thì dầu có nghe trăm nghìn muôn ức Đức Phật xuất hiện ở thế gian cũng như không nghe, cũng không y trú vào chỗ không nghe, cũng không khởi tri giải về sự không y trú, nói họ là người lui sụt chẳng được, vì số lượng không khống chế họ được, ấy là Phật thường trụ thế gian mà chẳng nhiễm thế pháp.

Nói Phật chuyển pháp luân, lui sụt cũng là phi báng Phật, Pháp, Tăng. Nói Phật chẳng chuyển pháp luân, chẳng lui sụt cũng là phi báng Phật, Pháp, Tăng. Ngài Tăng Triệu nói : “Đạo Bồ-đề không thể suy lường, cao vô thượng, rộng vô cùng, sâu thẳm thẳm”. Rơi vào lời nói là bệnh, nói giác chiếu soi cũng còn là không đúng, chỉ là từ trước biến thanh (*trong*

cái đục mà biện biệt cái trong) mà thôi. Nếu cho nói giác chiếu soi hiện nay là đúng, tức là ngoài cái giác chiếu soi còn có cái khác thì đều là ma thuyết. Nếu chấp lấy cái giác chiếu soi hiện tại thì cũng đồng ma thuyết, cũng gọi là tự nhiên ngoại đạo. Nói cái giác chiếu soi hiện tại là Phật của chính mình, đó là lời nói thước tắc, là lời tính toán, giống như con chồn (*dã can*) kêu, vẫn thuộc về cửa keo sơn (*chấp trước*). Từ trước đến nay chẳng nhận cái tự tri, tự giác là Phật của chính mình mà lại hướng ra ngoài tìm Phật, nhờ Thiện tri thức nói ra cái tự tri tự giác để làm thuốc trị cái bệnh hướng ngoại tìm cầu, bệnh hướng ngoại tìm cầu đã lành thì thuốc cũng phải bỏ. Nếu chấp lấy cái tự tri tự giác thì đó là bệnh Thiên na, là định tánh Thanh-văn, như nước đóng băng, toàn băng là nước khó mong cứu được nạn khát ; cũng nói : “Bệnh chắc chắn chết, lương y bó tay”.

Vô thi chẳng phải là Phật, chớ cho là Phật, Phật là thuốc của chúng sanh, không có bệnh chẳng cần uống thuốc, thuốc và bệnh đều tiêu, thí dụ : như nước trong, Phật là cam thảo hoà với nước, cũng như mật hỏa với nước ấy rất là ngon ngọt, nếu xem đó là cùng loại nước trong thì chẳng đúng, chẳng phải không, vốn là săn có, nên cũng nói : Lý này mọi người đều vốn săn có. Chư Phật, Bồ-tát được mệnh danh là người chỉ cho biết hạt châu. Từ xưa đến nay nó chẳng phải là vật, chẳng cần biết nó, hiểu nó, không cần cho

nó là phải hay chẳng phải, chỉ cần cắt đứt câu hai đầu, cắt đứt câu có, câu chẳng có, cắt đứt câu không, câu chẳng không, dấu vết hai đầu chẳng hiện. Hai đầu kéo ông chẳng được, số lượng chi phối ông chẳng được, chẳng phải thiếu thốn, chẳng phải đầy đủ, chẳng phải phàm, chẳng phải Thánh, chẳng phải sáng, chẳng phải tối, chẳng phải hữu tri, chẳng phải vô tri, chẳng phải ràng buộc, chẳng phải giải thoát, chẳng phải tất cả danh mục. Tại sao không phải là lời nói thật ? Nếu cho rằng đục đẽo hư không làm được tướng mạo Phật, hoặc cho rằng hư không là do xanh, vàng, đỏ, trắng làm thành, như nói : Pháp không có so sánh, không thể ví dụ, nên Pháp thân vô vi bất đọa chư số ; nên nói : Thánh thể vô danh chẳng thể nói được, lý như thật của không môn khó ghé, thí dụ như con thái mạt trùng (*tên một loại côn trùng đặc biệt rất nhỏ*), có thể đậu ở khắp mọi nơi, nhưng không thể đậu được trên ngọn lửa. Ý thức của chúng sanh cũng vậy, có thể duyên ở mọi nơi, nhưng không thể duyên trên Bát-nhã.

Tham học nơi Thiện tri thức để tìm cầu một tri, một giải đó là Thiện tri thức ma, vì sanh ngữ kiến. Nếu phát từ hoằng thệ nguyện, nguyện độ hết tất cả chúng sanh rồi sau ta mới thành Phật, đó là Bồ-tát pháp trí ma vì thệ nguyện không buông bỏ ; nếu trì trai giữ giới, tu thiền học huệ đều là thiện căn hưu lậu, dấu cho ngôi đạo tràng thị hiện thành Đẳng

Chánh giác độ chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng chảy đều chứng quả Bích-chi-Phật, đó là thiện căn ma, vì khởi tâm tham đắm, nếu đối với các pháp không tham nhiễm, thân lý độc tồn trú trong Thiền định sâu không còn tiến lên nữa, đó là Tam muội ma, vì đam mê cái vui Thiền định. Niết-bàn chí thượng, ly dục tịch tịnh, là nghiệp ma. Nếu trí huệ thoát lưới ma chưa triệt để thì dấu cho hiểu được trăm bốn kinh Phật thấy đều là cặn bã địa ngục, tìm sự tương tự như Phật không bao giờ có.

Như nay nghe nói chẳng chấp trước vào tất cả pháp thiện, ác, có, không v.v... Liền cho đó là rơi vào không, mà chẳng biết rằng bỏ gốc theo ngọn mới chính là rơi vào không. Cầu Phật, cầu Bồ-đề và tất cả pháp có, không v.v... Là bỏ gốc theo ngọn, hiện tại chỉ cần ăn đạm bạc tạm sống, mặc áo vá đỡ lạnh, khát thì bum lấy nước uống, ngoài ra đối với tất cả pháp có, không đều không có mảy may hệ niệm (*nghĩ tưởng*), người này dần dần sẽ có chút phần nhẹ nhàng sáng suốt.

Thiện tri thức chẳng chấp có, chẳng chấp không, thoát được mười câu ma ngũ, nói ra không trói buộc người, có nói lời nào ra chẳng tự xưng là Thầy nói, cũng như tiếng dội trong hang, tiếng nói trùm khắp thiên hạ mà không có khẩu quá (*lỗi do từ miệng mình nói ra*), đủ sức làm y chỉ cho người. Nếu nói ta biết thuyết, biết giải, nói ta là Hòa thượng, người là đệ tử,

cái đó đồng như ma thuyết. Vô cớ nói rằng : Mục kích đạo tồn (*mắt thấy đạo còn*). Phật hay chẳng phải Phật, Bồ-đề, Niết-bàn, giải thoát v.v... Vô cớ nói ra một tri, một giải, giơ một cánh tay, dựng một ngón tay bảo là thiền, là đạo, lời nói này trói buộc người không biết đến khi nào mới thôi, chỉ là chồng thêm dây trói buộc Tỳ-kheo. Dẫu cho không nói cũng có cái khẩu quá. Thà làm thầy cho tâm, chẳng cho tâm làm thầy.

Giáo bất liễu nghĩa có Thiên nhân sư, có Đạo sư. Trong giáo liễu nghĩa chẳng làm Thiên nhân sư, chẳng cho phép làm thầy ; chưa y được huyền giám (*tự tánh*), tạm y được giáo liễu nghĩa còn có phần thân cận, nếu là giáo bất liễu nghĩa thì chỉ thích hợp để nói trước bọn người tục tai điếc. Nay chỉ cần chẳng y trụ tất cả pháp có, không, cũng không làm cái chẳng y trụ, cũng không khởi cái tri giải về chẳng y trụ, đây gọi là đại Thiện tri thức, cũng nói : Chỉ có một người đại Thiện tri thức là Phật, không có người thứ hai, ngoài ra đều gọi là ngoại đạo, cũng gọi là ma thuyết. Nay chỉ cần nói phá câu hai đầu, không tham nhiễm tất cả cảnh pháp có, không và việc mở trói, ngoài ra không có ngữ cú nào khác để dạy người. Nếu nói có ngữ cú khác để dạy người, có pháp khác để cho người, đó gọi là ngoại đạo cũng gọi là ma thuyết.

Cần phải biết lời giáo liễu nghĩa hay giáo bất liễu nghĩa, cần phải biết lời nghịch tục hay lời tùy tục, cần

phải biết lời nói sống hay lời nói chết, cần phải biết lời thuốc hay lời bệnh, cần phải biết lời ví dụ thuận hay nghịch, cần phải biết lời nói chung hay lời nói riêng. Nói do tu hành được thành Phật, có tu có chứng, thị tâm thị Phật, tức tâm tức Phật, đây là lời Phật : Là lời nói giáo bất liễu nghĩa, là lời tùy tục, là lời nói chung, là lời nhẹ như mang một lon một lít, là lời nói về bên pháp uế, là lời ví dụ thuận, là lời nói chết, là lời nói trước kẻ phàm phu. Chẳng cho do tu hành mà được thành Phật, không tu không chứng, phi tâm phi Phật cũng là lời của Phật : là lời giáo liễu nghĩa, là lời nghịch tục, là lời nói riêng, là lời nặng như mang trăm tạ, là lời nói ngoài giáo Tam thừa, là lời ví dụ nghịch, là lời nói về bên pháp tịnh, là lời nói sống, là lời nói trước ngoài có quả vị.

Từ Tu-dà-hoàn trở lên thảng đến bậc Thập địa hễ có lời nói đều thuộc về pháp trần cấu, hễ có lời nói đều thuộc về bên phiền não, hễ có lời nói đều thuộc về giáo bất liễu nghĩa. Giáo liễu nghĩa là trì, giáo bất liễu nghĩa là phạm. Phật địa không có trì, phạm, nên giáo liễu nghĩa và bất liễu nghĩa đều chẳng cho.

Do mạ mà biết đất, từ trước biện thanh. Cái giác chiếu soi hiện tại nếu theo bên thanh mà đến thì có giác chiếu soi, cũng chẳng phải thanh, cũng chẳng phải không thanh, không có giác chiếu soi, cũng chẳng phải không thanh cũng chẳng phải không thanh, chẳng phải Thánh, chẳng phải không Thánh; không phải thấy

nước đục rồi nói lỗi của nước đục, nếu nước trong thì không có lỗi để nói, nói ra là làm đục nước rồi.

Nếu có cái hỏi mà không hỏi thì cũng có cái nói mà không nói, bởi Phật chẳng vì Phật mà nói pháp. Bình đẳng chân như pháp giới không có Phật nào mà không độ chúng sanh. Phật không trụ Phật gọi là chân phước diền.

Cần phải biện biệt lời chủ khách, tham nhiễm tất cả cảnh pháp có, không, bị tất cả cảnh có, không làm hoặc loạn thì tự tâm là ma vương, chiếu dụng thuộc ma dân. Cái giác chiếu soi hiện tại chỉ cần chẳng y trụ vào tất cả pháp có, không, pháp thế gian, xuất thế gian; cũng không có tri giải về chẳng y trụ; cũng chẳng y trụ nơi không tri giải thì tự tâm là Phật, chiếu dụng thuộc Bồ-tát. Tâm tâm là chủ tể, chiếu dụng thuộc khách trắn, như thấy sóng nói nước, nước ấy chiếu vạn tượng mà không cho là công dụng. Nếu được tịch chiếu, chẳng tự cho huyền diệu, thì tự nhiên thấu suốt cổ kim, như nói : “Thần vô chiếu công, chí công thường tồn”^(*). Người như thế được ở khắp mọi nơi làm Đạo sư.

Tánh thức chúng sanh là tánh keo sơn (*chấp trước*) vì chưa từng bước lên thềm bậc Phật nên

^(*) Thần dụ cho tự tánh ; chiếu công = công dụng – chí công = công dụng tối cao. (Công dụng của tự tánh không qua sự tác ý nhưng công dụng ấy đạt đến cực điểm và luôn luôn được như thế).

thường dính khắn vào các pháp có, không, nay thình lình cho uống thuốc huyền chỉ không được, thình lình nghe lời xuất cách họ tin chẳng nổi, cho nên Đức Phật ngồi dưới cội Bồ-đề bốn mươi chín ngày lặng lẽ tư duy. Trí tuệ mênh mông khó nói, không tễ dụ được, nói chúng sanh có Phật tánh cũng là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng, nói chúng sanh không Phật tánh cũng là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói có Phật tánh là chấp trước báng. Nếu nói không Phật tánh là hư vọng báng. Như bảo : Nói Phật tánh có là tăng ích báng (*nói thêm*), nói Phật tánh không là tổn giảm báng (*nói bớt*), nói Phật tánh cũng có cũng không là tương vi báng (*trái ngược nhau*), nói Phật tánh chẳng có chẳng không là hý luận báng (*nói bông đùa*) ; nếu không nói thì chúng sanh không có hy vọng giải thoát ; còn nếu nói thì chúng sanh lại theo lời nói mà sanh tri giải, lợi ít mà hại nhiều. Do đó Ngài nói : “Ta thà không nói pháp, mau nhập Niết-bàn”.

Nhưng sau đó tìm về chư Phật quá khứ, thấy các Ngài đều nói pháp Tam thừa. Về sau, Phật mới giả lập kệ thuyết, giải lập danh tự, vốn chẳng phải Phật nói với họ là Phật, vốn chẳng phải Bồ-đề, nói với họ là Bồ-đề, Niết-bàn, giải thoát v.v... Biết họ gánh trăm tạ chẳng nổi tạm cho họ gánh một lon, một lít, biết họ khó tin giáo liễu nghĩa tạm nói với họ giáo bất liễu nghĩa, tạm được pháp lành lưu hành còn hơn là pháp ác. Thiện quả mãn rồi thì ác quả đến, được Phật thì có

chúng sanh đến, được Niết-bàn thì có sanh tử đến, được sáng thì có tối đến, chỉ là nhân quả hữu lậu đối đãi nhau ; nếu muốn khởi thấy sự đối đãi chỉ cần cắt đứt câu hai đầu thì số lượng khống chế không được ; không Phật, không chúng sanh, không thân, không sơ, không cao, không thấp, không bình, không dẳng, không đi, không đến, chỉ cần chẳng chấp trước văn tự, cách xa hai đầu thì nó nấm bắt ông chẳng được, tránh khỏi các sự khổ vui, sáng tối đối đãi nhau. Thật lý chân thật cũng chẳng chân thật, hư vọng cũng chẳng hư vọng, không phải là vật có số lượng, thí dụ như hư không chẳng thể tu sửa được, nếu tâm có một chút tri giải liền bị số lượng khống chế cũng như keo sơn, nấm chõ (*ngũ uẩn*) đều bị dính mắc thì bị ma vương nấm bắt được, chẳng được tự do về nhà.

Luận về giáo ngữ đều có ba câu liên nhau là sơ thiện, trung thiện và hậu thiện. Sơ là dạy họ phát thiện tâm, trung là phá thiện tâm, hậu mới là thiện tốt. Bồ-tát tức phi Bồ-tát thị danh Bồ-tát. Pháp, phi pháp, phi phi pháp, tất cả đều phải như thế. Nếu chỉ nói một câu hoặc hai câu làm cho chúng sanh vào địa ngục là tội của Pháp sư, nếu đồng thời nói cả ba câu mà họ tự vào địa ngục thì việc ấy không liên can gì đến Pháp sư. Nói cái giác chiếu soi hiện tại là Phật của mình, là sơ thiện, không chấp lấy cái giác chiếu soi này là trung thiện, cũng không có cái tri giải về sự không chấp lấy là hậu thiện. Những lời trên còn thuộc

về Phật sau Đức Nghiên Đăng, chỉ là không phàm cũng không Thánh chớ nói lầm Phật chẳng phải phàm chẳng phải Thánh. Sơ Tổ Trung Hoa nói : “Vô năng, vô thánh là Phật thánh”. Nếu nói có thần thông biến hóa là Phật thánh thì chín phẩm tinh linh rồng, súc sanh v.v... cho đến các cõi Trời Thích, Phạm trở lên cũng có tinh linh thượng phẩm cũng biết được việc xưa nay trăm kiếp đâu được gọi là Phật ư ? Như A-tu-la vương thân gấp đôi núi Tu-di vô cùng to lớn, lúc cùng với trời Đế Thích giao chiến, tự biết sức không bằng bèn dắt trăm muôn binh sĩ chui vào cọng sen ẩn núp, thần thông biện tài cũng không ít nhưng chẳng phải là Phật.

Giáo ngữ có cấp bậc mau chậm, lên xuống bất đồng. Lúc chưa ngộ, chưa giải thoát gọi là tham, sân, ngộ rồi gọi là trí huệ Phật, nên nói : “Không khác người thuở trước, mà chỉ khác cái hành vi thuở trước”.

*

Hỏi : - Chặt cây cuốc cỏ, khai mương, đào đất có tướng tội báo không ?

Sư đáp : - Không thể nhất định nói là có tội hay không tội. Việc có tội hay không tội là do nơi người đó. Nếu tham nhiễm tất cả pháp có, không, có tâm lấy bỏ, không thấu suốt nghĩa ba câu thì nói người này nhất định có tội. Nếu thấu suốt nghĩa ba câu tâm như hư không cũng chẳng có cái nghĩ tưởng hư không thì

người này nhất định là không tội, lại nữa, nếu tội đã tạo rồi lại nói là không thấy có tội thật là vô lý. Nếu không tạo tội mà nói là có tội thì cũng là vô lý. Như trong luật nói : “Người hôn mê giết người và chuyển tướng giết người còn không bị tội giết huống là sự truyền thừa của Thiền tông, chẳng trụ một pháp nào, tâm như hư không, cũng không có tướng hư không thì đem tội để ở chỗ nào ?”. Cũng nói : “Đạo Thiền chẳng cần tu, chỉ cần đừng ô nhiễm”. Cũng nói : “Chỉ cần tiêu dung hết tâm trong ngoài là được”. Cũng nói : “Về sự chiểu cảnh, đối với tất cả pháp có không đều không tham đắm cũng đừng chấp trước”. Cũng nói : “Phải học như vậy, cái học đó giống như giặt áo dơ, áo là cái sắn có, dơ bẩn là từ bên ngoài đến”. Nghe nói tất cả pháp có không, thanh, sắc, như cáu bẩn đừng đem tâm bám lấy. Dưới cội Bồ-đề, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thuộc về sắc, mươi hai phần giáo thuộc về thanh. Nay chỉ cần cắt đứt tất cả dòng nước có, không, thanh, sắc, tâm như hư không, phải học như thế, như cứu lửa cháy đầu mới được, vậy mà đến lúc lâm chung tìm đường quen thuộc cũ để đi còn không được triệt để, huống là đến lúc đó mới điều tâm, mới tập học thì có hy vọng gì !

Lúc lâm chung các cảnh tốt đẹp hiện ra trước mắt, tùy theo tâm ưa thích, chỗ nặng chịu trước. Như nay không làm việc ác thì đến lúc đó không có cảnh ác, dầu cho có cảnh ác cũng biến thành tốt đẹp. Nếu e lúc

lâm chung kinh sợ điên cuồng, không được tự do, thì cần hiện tại được tự do mới được. Hiện tại đối với mỗi cảnh pháp đều không ái nhiễm, cũng chẳng y trụ vào tri giải, mới là người tự do. Hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả. Nghiệp quả đã hiện thì làm sao lo cho kịp ! Lo là phải lo từ trước cho đến ngày nay. Xưa nếu có nay thì nay cũng có xưa, nghĩa là ngày trước có Phật thì ngày nay cũng có Phật. Hiện tại nếu được một niệm chẳng bị tất cả pháp có không quản nghiệp, thì chẳng đến tận vị lai cũng được như vậy. Xưa cũng như nay Phật chỉ là người, người chỉ là Phật, cũng là Tam muội định, chẳng cần đem định nhập định, chẳng cần đem thiền tưởng thiền, chẳng cần đem Phật tìm Phật. Như nói : “Pháp chẳng cầu pháp, pháp chẳng đắc pháp, pháp chẳng hành pháp, pháp chẳng thấy pháp, tự nhiên đắc pháp, chẳng lấy đắc để đắc thêm”. Cho nên Bồ-tát cần phải chánh niệm như vầy : Đối với pháp rỗng không độc tồn, cũng không biết cái pháp độc tồn thì trí tánh tự như như, chẳng phải do nhân làm ra cũng gọi là thể kết, cũng gọi là thể tập, chẳng phải là trí biết, chẳng phải là thức biết, bắt chẽ suy lường, tột cái thể ngưng tịch, sự suy nghĩ dứt hẳn như nước biển cạn sạch, sóng không còn sanh khởi nữa.

Cũng nói : Như lượn sóng lăn tăn không gió trên biển cả, cái chót biết cái lượn sóng lăn tăn ấy là thô trong tế. Quên cái biết ở nơi biết vẫn còn là tế trong

tế, là cảnh giới Phật. Từ đây cái biết đầu tiên được gọi là cái đánh của Tam muội, cũng gọi là vua Tam muội, cũng gọi là nhĩ diệm trí (*trí sở trí*), nó sanh ra hết thảy các Tam muội, tưới trên đánh của tất cả các vị Pháp vương tử. Nơi tất cả cõi nước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cõi nước đều thành Đẳng Chánh giác, trong ngoài thông đạt đều không có trở ngại thì một sắc một trần, một Phật một sắc, tất cả Phật tất cả sắc, tất cả trần tất cả Phật, tất cả sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, mỗi mỗi cùng khắp tất cả cõi nước cũng đều như vậy. Đây là thô trong tế, là cảnh giới thiện, là tất cả thương lưu, kiến văn giác tri cũng là tất cả thương lưu, kiến văn giác tri cũng là tất cả thương lưu, xuất sanh nhập tử độ tất cả có, không v.v... là thương lưu, có nói ra điều gì cũng là thương lưu. Niết-bàn là đạo Vô thương, là Vô đẳng đẳng chú, là Thuyết đệ nhất, ở trong các thuyết rất là sâu xa, không người nào có thể đến được, là chư Phật hộ niệm. Như thấy sóng trong treo thì được nói tất cả nước là trong treo, từ đó chảy ra cái dụng rộng lớn mênh mông cũng là chư Phật hộ niệm. Kinh nói : “Đi, đứng, nằm, ngồi nếu được như vậy, lúc ấy Ta liền hiện thân thanh tịnh quang minh”. Lại nói : “Như ông thân bắng, ngữ bắng, ta cũng như vậy, một Phật sát^(*) thanh, một Phật sát hương, một Phật sát vị, một Phật sát xúc, một Phật

^(*) Một Phật sát : Một tam thiền đại thiền thế giới.

sát sự, thấy đều như vậy. Từ đây lên đến thế giới Liên Hoa Tạng cao rộng thấy đều như vậy”.

Nếu giữ lấy cái biết đầu tiên làm tri giải, gọi là đánh kết, cũng gọi là đọa đánh kết, là căn bản của tất cả trân lao. Tự sanh tri kiến, không dây mà tự trói ; vì có sở tri nên bị ràng buộc vào thế giới thứ hai mươi lăm cõi. Lại nữa cái làm tan tất cả cửa phiền não trói buộc người cũng là cái biết đầu tiên này mà hàng Nhị thừa cho là Nhĩ diệm thức (*thức sở tri*), cũng gọi là vi tế phiền não thì liền bèn dứt trừ. Đã dứt trừ xong, gọi là đem thần tánh trở về cái hang không, cũng gọi là bị rượu Tam muội làm say, cũng gọi là bị ma giải thoát buộc. Định lực Nhị thừa làm ra sự thành hoại trong thế giới còn bị lọt vào quốc độ khác mà không biết, cũng gọi là chỗ hầm sâu giải thoát sơ. Còn hàng Bồ-tát thì xa lìa hết thấy.

Người đọc Kinh xem giáo, ngữ ngôn đều phải uyển chuyển quay về tự kỷ, bởi vì tất cả ngôn giáo chỉ đều nói về cái tánh giác chiếu soi, nếu không bị tất cả cảnh có không chuyển ấy là Đạo sư của ông. Cái hay chiếu soi tất cả cảnh có không kia là Kim Cang huệ, tức có phần tự do độc lập. Nếu không hiểu được cái đó thì dẫu cho có tụng được mươi hai bộ kinh Phật cũng chỉ thành kẻ tăng thượng mạn, là kẻ khinh Phật, chẳng phải là kẻ tu hành. Chỉ cần lìa tất cả thanh sắc, cũng không trụ ở lìa, cũng không trụ vào tri giải, đó là người tu hành.

Đọc Kinh xem giáo nói theo thế gian thì đó là việc tốt, nhưng nếu đem so với người thấu lý mà nói thì đó là người ngu si, bậc Thập địa thoát ra không khỏi, còn bị trôi lăn vào dòng sanh tử. Song Tam thừa giáo đều dùng để trị bệnh tham, sân,v.v... Như nay niệm niệm đều có cái bệnh tham, sân,v.v...thì trước tiên cần phải điều trị. Chẳng cần tìm tri giải về nghĩa cú, tri giải thuộc về tham, tham lại biến thành bệnh. Nay chỉ cần lìa tất cả pháp có, không, cũng lìa cả cái lìa, thấu suốt nghĩa ba câu, tự nhiên cùng Phật không khác. Đã tự là Phật còn lo chi Phật không biết nói pháp. Chỉ sợ chẳng phải Phật, nên bị các pháp có không trói buộc, chẳng được tự do. Thế nên, lý chưa vững mà trước tiên đã có phước trí thì sẽ bị phước trí lôi đi như kẻ hèn sai khiến người sang, chẳng bằng đầu tiên ngộ lý rồi sau hấy có phước trí. Nếu cần phước trí tức khắc làm ra được. Phước trí xài ra, nắm vàng thành đất, nắm đất thành vàng, biến nước biển thành tô lạc, đập núi Tu-di làm bụi nhỏ, đem bốn biển để vào lỗ chân lông, ở nơi một nghĩa làm vô lượng nghĩa, ở nơi vô lượng nghĩa làm một nghĩa. Cũng nói : “Sẩy chân làm Chuyển Luân vương, khiến cho nhân dân trong bốn châu thiên hạ một ngày tu hành Thập thiện, phước trí này cũng không bằng phước trí trên”. Cái giác chiếu soi của chính mình (*Tự tánh*) gọi là Vương (*vua*). Niệm chấp trước các pháp có không, gọi là Chuyển Luân vương. Hiện tại chỉ cần trong tặng phủ không

dung nạp tất cả pháp có không, lìa ngoài tứ cú gọi là “KHÔNG”, “KHÔNG” gọi là thuốc bất tử, vì đối với vương trước (*Tự tánh*) mới gọi là thuốc bất tử. Tuy nói là thuốc bất tử với Vương cùng uổng, nhưng cũng chẳng phải là hai vật, cũng chẳng phải là một vật. Nếu cho là một, là hai, cũng gọi là Chuyển Luân vương. Như nay có người dùng phước trí tứ sự cúng dường tứ sanh lục đạo khắp bốn trăm muôn ức A-tăng-kỳ thế giới, tùy theo sự ưa thích của chúng sanh đến mãn tám mươi tuổi rồi, mới nghĩ rằng các chúng sanh này đã già yếu ta nên đem Phật pháp dạy dỗ họ khiến cho đều đắc quả Tu-dà-hoàn cho đến A-la-hán. Người bố thí này trước kia bố thí cho chúng sanh tất cả đồ ưa thích, công đức còn là vô lượng, huống chi sau này làm cho đắc quả Tu-dà-hoàn cho đến A-la-hán, công đức càng thêm vô lượng vô biên mà cũng còn không bằng công đức nghe Kinh tùy hỷ của người thứ năm mươi.

Kinh Báo Ân nói : “Ma-gia phu nhân sanh năm trăm Thái tử đắc quả Bích-chi-Phật. Mỗi vị đều được xây tháp cúng dường lê bái mà bà than rằng : “Không bằng sanh một đứa con đắc Vô thượng Bồ-đề, ít phí tâm lực của ta”. Nay tìm ở trong chúng trăm nghìn muôn đời, có một người đắc đạo thì giá trị bằng tam thiên đại thiên thế giới. Do đó ta thường khuyên mọi người phải nêu huyền giải tự lý (*ngộ*), tự lý nếu huyền thì sai khiến được phước trí như người sang sai khiến

kẻ hèn, cũng như xe vô trụ (*Phật thừa*). Nếu chấp trước cái này làm tri giải thì gọi là hạt châu thường trong búi tóc, cũng gọi là hạt châu có giá, cũng gọi là chở phẩn vào. Nếu chẳng chấp cái này làm tri giải thì như hạt minh châu trong búi tóc nhà vua cũng gọi là vô giá đại bảo, cũng gọi là chở phẩn ra.

Phật chính là người ở ngoài sự trói buộc, lại vào trong vòng trói buộc mà làm Phật. Ngài chính là người bên kia bờ sanh tử, là người bên kia bờ huyền tuyệt lại trở qua bờ bên này làm Phật. Người cùng khỉ, vượn đều không thể làm được, người dụ cho hàng Thập địa, khỉ vượn dụ cho phàm phu.

Đọc Kinh xem giáo, cầu tất cả tri giải chẳng phải là không cho. Dù hiểu được Tam thừa giáo là khéo được đồ anh lạc trang nghiêm, được ba mươi hai tướng, nhưng tìm Phật thì chẳng phải. Kinh nói : “Người học giả tham chấp Tam tạng Tiểu thừa còn không cho thân cận, huống chi tự cho mình là đúng”. Trong Kinh Niết Bàn, Tỳ-kheo phá giới và danh tự A-la-hán bị liệt vào trong mươi sáu ác luật nghi, đồng với người săn bắn, lưới cá vì lợi dưỡng mà giết hại sinh vật. Kinh Đại Thừa Phương Đẳng cũng như cam lồ mà lại cũng như thuốc độc, tiêu được thì như cam lồ, tiêu không được thì như thuốc độc. Người học Kinh xem giáo nếu không hiểu được đó là lời nói sống hay lời nói chết (*tử ngữ*) thì chắc chắn không thấu nghĩa cú, thà đừng học tốt hơn.

Cũng nói : Cần xem giáo mà cũng cần phải tham học với bậc Thiện tri thức, nhất là cần phải tự có mắt để biện biệt lời nói sống hay lời nói chết mới được. Nếu biện tài chẳng được thì chắc chắn thấu qua không nổi, chỉ là chồng thêm dây trói buộc Tỳ-kheo. Vì thế, dạy người học huyền chỉ, không cho học văn tự. Như bảo : Nói thể chẳng nói tướng, nói nghĩa chẳng nói văn, người nói như vậy gọi là chân thuyết. Nếu nói văn tự thì đều là phỉ báng đây gọi là tà thuyết. Bồ-tát nếu nói thì phải nói đúng như pháp cũng gọi là chân thuyết, phải làm cho chúng sanh trì tâm chẳng trì sự, trì hạnh chẳng trì pháp, nói người chẳng nói chữ, nói nghĩa chẳng nói văn.

Nói Dục giới không có thiền đó là lời nói của người chột mắt. Đã nói Dục giới không có thiền thì dựa vào đâu để lên Sắc giới ? Đầu tiên ở Nhân địa tu tập hai thứ định, về sau mới lên đến Sơ thiền. Hai thứ định ấy là Hữu tướng định và Vô tướng định. Hữu tướng định sanh vào các cõi trời Tứ thiền ở Sắc giới. Vô tướng định sanh vào các cõi trời Tứ không ở Vô sắc giới. Dục giới hiển nhiên là có thiền, thiền chẳng phải chỉ ở Sắc giới mới có.

*

Hỏi : - Hiện tại nói cõi này có thiền, là như thế nào?

Sư đáp : - Chẳng động chẳng thiền là Như Lai thiền, lìa cái khởi ý tưởng thiền.

Hỏi : - Thế nào là hữu tình không Phật tánh và vô tình có Phật tánh ?

Sư đáp : - Từ người đến Phật là tình chấp Thánh, từ người đến địa ngục là tình chấp phàm. Như nay đối với hai cảnh phàm, Thánh có tâm ái nhiễm thì gọi là hữu tình không Phật tánh. Còn như nay đối với hai cảnh phàm, Thánh và tất cả pháp có không đều không có tâm lấy bở, cũng không có luôn cả cái tri giải về không lấy bở thì gọi là vô tình có Phật tánh. Do vì không bị tình chấp ràng buộc nên gọi là vô tình chứ không đồng với các loài vô tình như gỗ, đá, hư không, hoa vàng, trúc biếc mà cho là có Phật tánh. Nếu nói các loài vô tình ấy có Phật tánh, tại sao trong Kinh không thấy thọ ký cho nó thành Phật ? Chỉ như cái giác chiếu soi hiện tại chẳng bị hữu tình cải biến, dù như trúc biếc, không lúc nào chẳng ứng cơ ; chẳng bất tri thời, dù như hoa vàng. Lại nói “Nếu bước lên nấc thang Phật là vô tình có Phật tánh, còn chưa bước lên nấc thang Phật là hữu tình không Phật tánh”.

*

Hỏi : - Đại Thông Trí Thắng Phật (*Bích-chi-Phật*) mười kiếp ngồi đạo tràng, Phật pháp chẳng hiện tiền, chẳng được thành Phật đạo là như thế nào ?

Sư đáp : - Kiếp nghĩa là mắc kẹt, cũng có nghĩa là trụ. Trụ nơi một điều thiện, mắc kẹt nơi Thập thiện. Ấn Độ nói Phật, Trung Hoa dịch là Giác, là cái giác

chiếu soi của chính mình. Người mắc kẹt nơi thiện là người có thiện căn mà không có Phật tánh nên nói Phật pháp chẳng hiện tiền, chẳng được thành Phật đạo.

Gặp ác trụ nơi ác, gọi là chúng sanh giác, gặp thiện trụ nơi thiện gọi là Thanh-văn giác. Chẳng trụ hai bên thiện ác và cho sự chẳng y trụ là đúng, đây gọi là Nhị thừa giác, cũng gọi là Bích-chi-Phật giác. Đã chẳng y trụ hai bên thiệc ác và cũng chẳng khởi tri giải về chẳng y trụ gọi đó là Bồ-tát giác. Đã chẳng y trụ cũng không cái biết chẳng khởi cái tri giải về không y trụ mới được gọi là Phật giác. Như nói Phật ở chẳng trụ nơi Phật, gọi là chân phước điền, nếu ở trong nghìn muôn người chợt có một người được như thế thì gọi là của báu vô giá, được ở khắp mọi nơi làm Đạo sư. Chỗ không có Phật nói là Phật, chỗ không có pháp nói là pháp, chỗ không có Tăng nói là Tăng, đấy là chuyển đại pháp luân.

*

Hỏi : - Từ trước Tổ tông đều có mật ngữ lần lượt truyền cho nhau là như thế nào ?

Sư đáp : - Không có mật ngữ. Như Lai không có tạng bí mật. Chỉ cái giác chiếu soi hiện tại, lời nói rõ ràng mà tìm hình tướng không được, đó là mật ngữ. Từ Tu-dà-hoàn lên đến Thập địa hễ có ngữ cú đều thuộc về pháp trần cấu, hễ có ngữ cú đều thuộc về giáo

bất liêu nghĩa, hễ có ngữ cú đều không đúng. Giáo bất liêu nghĩa đều sai lại còn dòi mật ngữ gì nữa ?

*

Hỏi : - Hư không sanh trong đại giác như một hòn bọt nổi trong biển cả là như thế nào ?

Sư đáp : - Hư không dụ cho bọt, nước biển dụ cho tự tánh. Tự tánh linh giác của chính mình siêu việt hư không, nên nói hư không sanh trong đại giác như một hòn bọt nổi trong biển cả.

*

Hỏi : - Đốn rừng chớ chặt cây là thế nào ?

Sư đáp : - Rừng dụ cho tâm, cây dụ cho thân. Nhân vì nói là “đốn rừng” nên sanh ra sợ hãi, do đó nói đốn rừng chớ chặt cây.

*

Hỏi : Lời nói như cái mõ đất để chịu tên bắn. Lời nói sanh ra không thể nào chẳng bị hại như cái mõ đất kia (*Mõ đất dụ như thân, chịu tên bắn dụ như bệnh, thân đã sanh rồi thì tất nhiên phải có bệnh*). Tai hại đã đồng, đúng sai làm sao biện biệt ?

Sư đáp : Như hai người bắn tên nhau, hai đầu mũi tên đụng nhau giữa đường, nếu như sai chêch một chút ắt sẽ có kẻ bị thương. Trong hang tìm tiếng, nhiều kiếp cũng không có hình, tiếng ở bên miệng, đúng sai là ở nơi người đến hỏi. Cái hỏi trở lại thì bị trúng tên, cũng như cái biết huyễn chẳng phải huyễn.

Tam Tổ nói : “Chẳng biết huyền chỉ, uổng công niệm tịnh”. Cũng nói : Nhận vật làm cái thấy như nắm miếng ngói bể dùng gì được đâu ! Nếu nói chẳng thấy thì có khác gì gỗ đá. Thế nên thấy và chẳng thấy cả hai đều có lỗi. Nay nêu lên một để làm ví dụ cho tất cả.

*

Hỏi : - Vốn không có phiền não thì ba mươi hai tướng là thế nào ?

Sư đáp : - Việc bên Phật vốn không có phiền não, có ba mươi hai tướng chỉ là phàm tình hiện nay thôi.

*

Hỏi : - Bồ-tát Vô Biên Thân chẳng thấy đánh tướng của Như Lai là thế nào ?

Sư đáp : - Do vì cái thấy hữu biên và vô biên nên chẳng thấy được đánh tướng của Như Lai. Chỉ như nay không có tất cả cái thấy có và cũng không có cái thấy không, đó gọi là đánh tướng hiện.

*

Hỏi : - Như hiện nay các thầy Sa-môn đều nói : Tôi y theo lời Phật dạy học một kinh, một luận một thiền, một luật, một tri, một giải, đáng thọ nhận bốn sự cúng dường của Đàn-việt như thế có tiêu được không ?

Sư đáp : - Theo như nay chiếu dụng, một thanh, một sắc, một hương, một vị, đối với tất cả pháp có,

không, ở trên mọi cảnh đều không có mảy may đắm nhiễm, cũng chẳng y trụ vào sự không đắm nhiễm và cũng không khởi tri giải về sự chẳng y trụ, người được như vậy mỗi ngày ăn muôn lượng vàng ròng cũng tiêu. Như nay chiếu soi tất cả pháp có, không ... nơi cửa lục căn dầu có cao gọt mà đối với tham ái có một mảy may trị chẳng hết thì người này dù cho đến xin thí chủ một hạt cơm, một sợi chỉ đều phải mang lông đội sừng, kéo cày chở nặng, mỗi mỗi đều phải trả nợ thí chủ mới được, vì họ chẳng y theo Phật. Phật là người vô trước, vô cầu, vô y, như nay cứ lăng xăng tham đi tìm Phật đều là trái vậy. Cho nên nói :

“**Nhiều kiếp gân bên Phật,
Mà chẳng biết Phật tánh.
Chỉ thấy người cứu thế (Phật tánh),
Luân hồi trong lục đạo.
Lâu mới thấy được Phật,
Lại nói Phật khó gấp”.**

Ngài Văn Thủ là Tổ sư của bảy Đức Phật cũng gọi vị Bồ-tát đứng đầu thế giới Ta-bà này vô cớ tác ý tưởng thấy Phật, tưởng nghe pháp, nên bị sức oai thần của Phật dày xuống hai hòn núi Thiết-vi. Chẳng phải ngài không hiểu, nhưng đặc biệt để làm gương cho người học, để kẻ hậu học đừng có thấy nghe như thế. Chỉ cần không có tất cả pháp, có, không, các kiến chấp có, không, mỗi mỗi đều thấu suốt ngoài ba câu, đây gọi là ngọc báu như ý, cũng gọi là đặt chân lên

Bửu Liên Hoa. Nếu có tri kiến Phật, tri kiến Pháp, tri kiến có không gọi là con mắt bệnh, vì cái năng kiến, sở kiến, cũng gọi là kiến trói buộc, cũng gọi là kiến che lấp, cũng gọi là kiến tác nghiệp. Chỉ như nay niệm niệm cùng tất cả kiến, văn, giác, tri và hết thảy trần cầu khử bỏ được hết thì một trần, một sắc đều là một Phật. Dẫu khởi một niệm cũng là một Phật, niệm niệm của thân ngũ ấm quá khứ, hiện tại, vị lai vô lượng vô biên, đây gọi là Phật lấp bí hư không, cũng gọi là phân thân Phật, cũng gọi là Bảo Tháp hiện. Vì thế thường than rằng : “Sanh mạng ngày nay bị tú đại nấm chặt, thiếu một ngày không sống, thiếu một ngày không chết, phải nhờ một hột gạo, một cọng rau, không được ăn thì bị chết đói, không được uống thì bị chết khát, không được lửa sưởi ấm thì bị chết lạnh, như thế chẳng bằng người đã đạt đạo vào lửa không bị cháy, xuống nước không chìm, muốn cháy liền cháy, muốn chìm liền chìm, muốn sống liền sống, muốn chết liền chết, đi ở tự do, người này có phần tự do vậy”.

Tâm nếu không loạn thì chẳng cần cầu Phật, cầu Bồ-đề, cầu Niết-bàn. Nếu chấp trước cầu Phật là tham, tham biến thành bệnh, nên nói : “Bệnh Phật rất khó trị”. Báng Phật, phỉ Pháp mới được lấy cơm ăn. Người ăn là tánh linh giác của chính mình, cơm vô lậu, thức ăn giải thoát, những lời trên là trị bệnh cho hàng Bồ-tát Thập địa.

Như nay hễ có tất cả tâm mong cầu đều gọi là Tỳ-kheo phá giới, là danh tự A-la-hán, đều gọi là con chồn, hiển nhiên là không tiêu được đồ cúng dường của người.

Chỉ cần hiện tại nghe tiếng như vang, ngửi hương như gió, lìa hết tất cả pháp có, không, cũng chẳng trụ nơi lìa, cũng không có tri giải về chẳng trụ. Người này tất cả tội cấu không thể buộc ràng được.

Vì cầu Vô thượng Bồ-đề, Niết-bàn nên gọi là xuất gia, vẫn còn là nguyện tà, huống là sự tranh luận hơn thua ở thế gian, như nói : “Tôi làm được, tôi hiểu được”. Tham thêm một môn đồ, thương một đệ tử, lưu luyến một chỗ ở, kết duyên với một Đàn-việt, một manh áo, một chén cơm, một danh, một lợi mà lại nói: “Ta được tất cả đều vô ngại”. Đó chỉ là tự dối mình.

Chỉ cần hiện tại đối với ngũ ấm của mình chẳng bị nó làm chủ. Bị người chặt đứt thân thể ra từng khúc vẫn không có tâm oán tiếc, cũng không phiền. Cho đến việc đệ tử của mình bị người đánh đập từ đầu đến chân, những việc kể trên đều không có một niệm sanh tâm bỉ ngã. Song, nếu còn y trụ nơi không có một niệm trên cho đó là đúng đây gọi là sự nhơ bợn của pháp trần. Hàng Thập địa còn thoát chưa được nên còn bị trôi vào dòng sanh tử. Do đó, ta thường khuyên mọi người phải sợ phiền não của pháp trần như sợ tam đồ thì mới có phần độc lập. Giả sử có một pháp nào hơn cả Niết-bàn đi nữa, cũng không sanh ra

ý tưởng quý trọng thì người này mỗi bước đi là Phật chẳng cần chân đạp hoa sen, chẳng cần phân thân trăm ức. Nếu hiện tại đối với các pháp có không, có tâm ái nhiễm bằng mảy lông thì dấu cho chân có đạp hoa sen cũng đồng như ma làm.

Nếu chấp vốn thanh tịnh, vốn giải thoát, tự là Phật, tự là thiền đạo, có kiến giải này, thuộc về phái ngoại đạo tự nhiên.

Nếu chấp nhân duyên tu thành, chứng đắc, tức thuộc về phái ngoại đạo nhân duyên.

Chấp có túc thuộc về phái ngoại đạo thường kiến.

Chấp không túc thuộc về phái ngoại đạo đoạn kiến.

Chấp cũng có cũng không túc thuộc về phái ngoại đạo biên kiến.

Chấp chẳng có chẳng không túc thuộc về phái ngoại đạo không kiến cũng gọi là ngoại đạo ngu si.

Hiện nay chớ khởi các kiến chấp Phật, Niết-bàn v.v... Không có tất cả kiến chấp có không, cũng không có cái không có kiến chấp nữa, mới được gọi là chánh kiến.

Không có kiến chấp nghe và không nghe, cũng không có cái không có kiến chấp nữa mới được gọi là chánh nghe, ấy gọi là dẹp trừ ngoại đạo.

Không có ma phàm phu đến là đại thần chú, không có ma Nhị thừa đến là đại minh chủ, không có

ma Bồ-tát đến là vô thượng chú, không có ma Phật đến là vô đẳng đẳng chú.

Một biến chúng sanh là siểm khúc Tu-la (B), hai biến Nhị thừa là siểm khúc Tu-la, ba biến Bồ-tát là siểm khúc Tu-la. Đó là tam biến Tịnh độ (C). Tất cả pháp có, không, phàm, Thánh v.v... dụ như quặng vàng; tự mình đúng lý dụ như vàng. Vàng với quặng tách rời nhau thì vàng thật lộ ra. Bỗng người muôn tiền thì liền biến vàng thành tiền cho người ấy dùng. Cũng như bột mì thiệt, nếu có người đến xin bánh liền làm thành bánh cho người đó. Cũng như viên quan hầu cận có trí khéo hiểu được ý nhà vua, vua lúc muốn đi kêu “Tiên-đà-bà”, liền đem ngựa đến ; lúc muốn ăn kêu “Tiên-đà-bà” liền đem muối đến. Những việc trên dụ cho người học huyền chỉ khéo thông đạt được thì ứng cơ chẳng sai lầm, nên cũng gọi là lục tuyệt sư tử (*tự tánh*). Ngài Chí Công nói : “Tùy người tạo tác trăm sự biến hóa”. Hàng Bồ-tát Thập địa chẳng dói chẳng no, vào nước không chìm, vào lửa không cháy, ví như muốn cháy cũng chẳng được cháy, vì các vị ấy còn bị số lượng quản định. Phật thì chẳng phải như thế, vào lửa chẳng cháy, còn như muốn cháy liền cháy, vào nước chẳng chìm, muốn chìm liền chìm. Ngài sử dụng từ đại được tự do, tất cả sắc là sắc Phật, tất cả thanh là thanh Phật, cặn bã nhơ uế của tâm siểm khúc sạch hết, thấu vượt nghĩa ba câu được nói lời này : Bồ-tát thanh tịnh, đệ tử sáng suốt, có nói ra điều gì chẳng

chấp có không, tất cả chiếu dụng chẳng lạc vào thanh hay trước.

Người có bệnh mà không uống thuốc là người ngu. Người không bệnh mà uống thuốc là hàng Thanh-văn. Người chấp quyết định vào một pháp gọi là định tánh Thanh-văn. Người luôn luôn đa văn gọi là Tăng thượng mạn Thanh-văn. Người ham biết các pháp ngoài tâm gọi là hữu học Thanh-văn. Người trầm không trệ tịch và tự biết mình gọi là vô học Thanh-văn.

Tham, sân, si là độc, mươi hai phần giáo là thuốc, độc chưa tiêu hết, thuốc không được bỏ, không bệnh mà uống thuốc, thuốc trở thành bệnh. Bệnh hết mà thuốc không bỏ nên nói bất sanh bất diệt là nghĩa vô thường. Kinh Niết Bàn nói : “Có ba điều ác dục : Một là muốn được tứ chúng vây quanh ; hai là muốn mọi người làm môn đồ mình; ba là muốn cho mọi người biết ta là Thánh nhân, là người có trí huệ cao”. Kinh Ca Diếp nói : “Một là muốn cầu thấy Phật vị lai ; hai là muốn cầu làm Chuyển Luân vương ; ba là muốn cầu vào dòng Sát-đế-lợi ; bốn là muốn được vào hàng Bà-la-môn nhẫn đến chán sanh tử cầu Niết-bàn”. Những điều ác dục như vậy trước hết phải dứt trừ. Hiện tại hễ có dấy niệm đắm nhiễm đều gọi là ác dục, đều thuộc về sáu cõi trời dục bị ma Ba tuần cai quản.

Hỏi : - Trong hai mươi năm thường sai đi trừ phẩn là thế nào ?

Đáp : - Chỉ cần dứt hết thảy các tri kiến có không, chỉ cần dứt tất cả các sự tham cầu, mỗi mỗi đều thấu suốt nghĩa ba câu thì gọi đó là trừ phẩn.Còn như nay câu Phật, câu Bồ-đề, câu tất cả pháp có không, v.v... thì đó là chở phẩn vào, không gọi là chở phẩn ra. Nếu hiện tại khởi ra Phật kiến, Phật giải, hễ có sở kiến, sở cầu, sở trước đều gọi là phẩn hý luận,cũng gọi là thô ngôn, cũng gọi là tử ngũ. Như nói : “Biển lớn không chứa tử thi”. Bình thường nói chuyện chẳng gọi là hý luận. Lời nói biện biệt thanh, trực, gọi là hý luận. Văn trong Kinh có nói chung hai mươi mốt thứ “không” là để gạn lọc trần lụy của chúng sanh.

Bậc Sa-môn trì trai, giữ giới, nhẫn nhục, nhu hoà, từ bi, hỷ xả là phép tắc thông thường của Tăng sĩ. Đã biết như thế là rõ ràng làm theo lời Phật dạy, song không nên chấp trước. Nếu hy vọng được Phật, được Bồ-đề và các pháp v.v... thì khác nào để tay chạm vào lửa. Ngài Văn Thủ nói : “Nếu khởi Phật kiến, Pháp kiến thì sẽ tự hại mình”. Vì thế, ngài Văn Thủ cầm gươm bên Phật, ông Ương Quật cầm đao bên Thích thị (*Phật*). Như nói : “Bồ-tát làm ngũ vô gián mà chẳng bị vào địa ngục Vô gián, vì các ngài là người huyền thông Vô Gián nên không đồng như chúng sanh tạo tội ngũ nghịch Vô gián”.

Từ Ba tuần thắng đến Phật đều là cău ghét. Không có mảy may y chấp như thế còn gọi là đạo Nhị thừa, huống chi tranh luận tìm sự hơn thua ; nói “Ta

làm được, ta hiểu được” thì chỉ được gọi là tranh luận Tăng, chẳng được gọi là Vô vi Tăng.

Hiện tại chỉ cần không tham nhiễm tất cả các pháp có không thì gọi là vô sanh, cũng gọi là chánh tín. Tin mà còn chấp trước vào tất cả pháp thì gọi là lòng tin chẳng đủ, cũng gọi là lòng tin không trọn vẹn, cũng gọi là lòng tin lèch lạc. Lòng tin chẳng đủ cho nên gọi là Nhất xiển đê. Như nay muốn được hoát nhiên ngộ giải thì chỉ cần nhân pháp đều bắt, nhân pháp đều dứt, nhân pháp đều không, thấu suốt nghĩa ba câu đây gọi là người bất đọa chư số (*không lọt vào số lượng*), đó là tin pháp, đó là giới thí, văn huệ v.v... Bồ-tát chịu nhịn chẳng thành Phật, chịu nhịn chẳng làm chúng sanh, chịu nhịn chẳng trì giới, chịu nhịn chẳng phá giới, cho nên nói là không trì, không phạm.

Trí trực chiếu thanh, huệ thanh biết trực. Nơi Phật gọi là chiếu huệ, nơi Bồ-tát gọi là trí, nơi Nhị thừa và chúng sanh gọi là thức, cũng gọi là phiền não. Nơi Phật gọi là trong quả nói nhân, nơi chúng sanh gọi là trong nhân nói quả. Nơi Phật gọi là chuyển Pháp luân, nơi chúng sanh gọi là Pháp Luân Chuyển. Nơi Bồ-tát gọi là đồ anh lạc trang nghiêm, nơi chúng sanh gọi là ngũ ám Tòng lâm. Nơi Phật gọi là bốn địa vô minh, do vì hiểu rõ vô minh nên nói vô minh là đạo thể, chẳng đồng với ám muội vô minh của chúng sanh.

Kia là sở, đây là năng,
 Kia là sở văn, đây là năng văn,
 Chẳng một, chẳng khác,
 Chẳng đoạn, chẳng thường,
 Chẳng đến, chẳng đi.

Là lời nói sống, là lời nói vượt ra ngoài khuôn khổ ngữ cú, chẳng sáng, chẳng tối, chẳng Phật, chẳng chúng sanh cũng đều như vậy. Đến, đi, đoạn, thường, Phật, chúng sanh đều là lời nói chết. Khắp hay chẳng khắp, đồng hay dị đoạn hay thường, v.v... đều là cái nghĩa của ngoại đạo. Bát-nhã Ba-la-mật là Phật Tánh của chính mình cũng gọi là Ma-ha-diễn (*Đại thừa*). Nếu chấp giữ cái tri giác của mình thì thần ngoại đạo tự nhiên. Không giữ cái giác chiếu soi hiện tại, không cầu Phật, nếu cầu khác thì thuộc về ngoại đạo nhân duyên. Sơ Tổ nói : “Tâm có chỗ phải, ắt có chỗ quấy”. Nếu quý một vật ắt thì bị một vật làm mê hoặc, nếu trọng một vật thì bị một vật làm mê hoặc. Tin thì bị lòng tin làm mê hoặc, không tin thì lại thành phi báng. Thế nên dùng quý, cũng dùng không quý, dùng tin cũng dùng không tin.

Phật cũng chẳng phải là vô tri, tuy chẳng phải là vô vi lại cũng chẳng phải là cái tối tăm yên lặng như hư không. Phật là chúng sanh thân lớn, giác chiếu soi nhiều nhưng thanh tịnh, quý tham sân bất khống được. Phật là người ở ngoài vòng trói buộc không có mảy may ái thủ, cũng không có tri giải về không ái

thủ, đây gọi là đầy đủ lục độ vạn hạnh, nếu cần đồ trang nghiêm thì thứ nào cũng có, còn như không cần không dùng thì cũng chẳng mất nó. Tự do sai khiến được nhân quả, phước trí là tu hành, chứ chẳng phải nhọc nhằn mang nặng mới gọi là tu hành.

Ba thân một thể, một thể ba thân.

1) PHÁP THÂN THẬT TUỐNG PHẬT

PHÁP thân Phật không sáng, không tối. Sáng tối thuộc về huyền hoá. Thật tướng là do đối với hư tướng mà đặt tên, thật ra nó vốn không có tất cả tên gọi, như nói : Pháp thân vô tri bất đọa chư số, thành Phật cao quý,v.v... đều là lời nhẹ như gánh một lon, một lít. Do tên trước mới được đặt tên thanh nên nói thật tướng Pháp thân Phật – cũng gọi Thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật, cũng gọi hư không Pháp thân Phật, cũng gọi Đại viên cảnh trí, cũng gọi đệ Bát thức, cũng gọi Tánh tông, cũng gọi Không tông, cũng gọi Phật ở cõi không tịnh, không uế, cũng gọi sư tử ở tại hang, cũng gọi Kim cang Hậu đắc trí, cũng gọi Vô cấu đàn, cũng gọi Đệ nhất nghĩa không, cũng gọi Huyền chỉ. Tam Tổ nói : “Chẳng biết huyền chỉ, uổng công niệm định”.

2) BÁO THÂN PHẬT

BÁO thân Phật là Phật dưới cội Bồ-đề, cũng gọi là huyền hoá Phật, cũng gọi là tướng hảo Phật, cũng gọi là Ứng thân Phật, cũng gọi là Viên mãn Báo thân Lô Xá Na Phật, cũng gọi là Bình đẳng tánh trí, cũng gọi

là đệ Thất thức, cũng gọi là Thủ nhân đáp quả Phật, đồng với số năm mươi hai Thiên na, đồng với A-la-hán, Bích-chi-Phật, đồng với tất cả Bồ-tát, đồng chịu các khổ sanh diệt mà không đồng nghiệp khổ ràng buộc của chúng sanh.

3) HÓA THÂN PHẬT

HIỆN tại đối với các pháp có, không đều không tham nhiễm, cũng không cả cái không tham nhiễm, lìa ngoài tứ cú. Tất cả ngôn thuyết biện tài đều gọi là Hoá thân Phật, cũng gọi là Thiên bá ức Hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng gọi là đại thần biến, cũng gọi là Du hý thần thông, cũng gọi là Diệu quan sát trí, cũng gọi là đệ Lục thức.

Cúng dường nghĩa là làm thanh tịnh ba nghiệp. Tiền tế (*quá khứ*) không phiền não để đoạn, trung tế (*hiện tại*) không tự tánh để giữ, hậu tế (*vị lai*) không Phật để thành, đó là Tam tế (*tam thế*) đoạn, là ba nghiệp thanh tịnh, là Tam luân không, là tam đàn^(*) không. Thế nào là Tỳ-kheo hầu hạ Phật ? Đó là người lục căn chẳng lậu, cũng gọi là “Trang nghiêm vô chư lậu”, “Rừng cây trang nghiêm vô chư nhiễm”, “Hoa quả trang nghiêm vô Phật nhãm”. Về Pháp nhãm của người tu hành biện biệt thanh trước, cũng không có tri giải về sự biện biệt thanh trước, đây gọi là Ngũ nhãm (*Nhục nhãm cho đến Phật nhãm*).

(*) *Tam đàn* : Người bố thí, người nhận bố thí, tài vật bố thí.

Kinh Bảo Tích nói : Pháp thân không thể dùng kiến, văn, giác, tri để cầu, Nhục nhãn không thấy được vì nó vô sắc, Thiên nhãn không thấy được vì nó vô vọng, Huệ nhãn không thấy được vì nó lìa tướng, Pháp nhãn không thấy được vì nó lìa hành, Phật nhãn không thấy được vì nó lìa thức. Nếu không có những tri kiến trên thì gọi là Tri kiến Phật. Đồng sắc mà chẳng phải hình sắc nên gọi là chân sắc. Đồng không mà chẳng phải thái hư nên gọi là chân không. Sắc với không cũng là lời nói thuốc với bệnh để trị nhau (*chấp sắc lấy không tri, chấp không lấy sắc tri*).

Pháp giới quán nói : “ Chớ nói tức sắc, chẳng tức sắc, cũng chớ nói tức không chẳng tức không”.

Nhãn, nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý không lãnh nạp tất cả pháp có không, gọi là chuyển vào đệ Thất địa. Bồ-tát Thất địa không lui sụt Thất địa. Từ Bồ-tát Bát địa đến Bồ-tát Thập địa, tâm địa trong sạch để hiện diệu dụng của tự tánh, nói lửa lửa liền cháy.

Từ sắc giới trở lên bối thí là bệnh; bốn sển tham lam là thuốc. Từ Sắc giới trở xuống bốn sển tham lam là bệnh, bối thí là thuốc.

Hữu tác giới là cắt dứt pháp thế gian, chẳng phải thân tay làm thì không có lỗi. Vô tác giới, cũng gọi là Vô biểu giới, cũng gọi Vô lậu giới. Hễ có dấy tâm động niệm đều gọi là phá giới. Nay chỉ cần không bị các cảnh có không làm hoặt loạn, cũng

chẳng y trụ nơi không hoặc loạn, cũng không có tri giải về chẳng y trụ, đây gọi là biến học (*phổ biến*) cũng gọi là cần tán niệm (*cần =siêng, tán = khen*), cũng gọi là Quảng lưu bố.

Lúc chưa ngộ, chưa hiểu gọi là mẹ, ngộ rồi hiểu rồi gọi là con. Cũng không có cái tri giải về ngộ hay không ngộ, hiểu hay không hiểu, đây gọi là mẹ con đều chết. Không có sự ràng buộc của thiện, của ác, của Phật, của chúng sanh ; số lượng cũng vậy, nhẫn đến không có sự ràng buộc của tất cả số lượng. Cho nên nói Phật là bậc siêu việt số lượng, vượt ra ngoài các sự ràng buộc.

Tham lam, ưa thích tri giải, nghĩa cú cũng như mẹ thương con, chỉ biết cho con ăn nhiều sữa ngon mà con có tiêu hóa được hay không đều không biết. Những lời này dụ cho :

- Hàng Thập Địa thọ sự cúng dường của trời, người là tôn quý phiền não.
- Thiền định sanh vào Sắc giới, Vô Sắc giới, là phước lạc phiền não.
- Được thần thông tự tại bay đi ẩn hiện khắp Tịnh độ mười phương chư Phật, là nghe pháp phiền não.
- Học từ bi hỷ xả là nhân duyên phiền não.
- Học lý không, bình đẳng, là Trung đạo phiền não.
- Học Tam minh, Lục thông là Tứ vô ngại phiền não.

- Học tâm Đại thừa là phát Tứ hoằng thệ nguyện phiền não.

Sơ địa, Nhị địa, Tam địa, Tứ địa là minh giải phiền não. Ngũ địa, Lục địa, Thất địa là chư tri kiến phiền não. Bát địa, Cửu địa, Thập địa là song chiếu Nhị đế (*chân đế và tục đế*) phiền não. Cho đến học Phật quả là bá vạn A-tăng-kỳ chư hạnh phiền não. Chỉ biết tham nghĩa cú tri giải chẳng biết đó là trói buộc phiền não, nên nói : “Dòng sông kiến chấp hay cuốn trôi hương tượng (*Loài voi lớn ở Hy-mã-lạp-son dù cho hàng Bồ-tát*). ”

*

Hỏi : - Thấy chẳng ?

Đáp : - Thấy.

Lại hỏi : - Sau khi thấy thì như thế nào ?

Đáp : - Cái thấy không hai.

Đã nói thấy không hai thì không được lấy “kiến” để “kiến” cái “kiến”. Nếu “kiến” lại thêm “kiến” thì thành hai cái đâu. Vậy cái “kiến” trước phải hay cái “kiến” sau phải ? Cũng như Kinh Lăng Nghiêm nói : “Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập”. (*Hai chữ “kiến kiến” này là chỉ cho “kiến tánh”. Khi đã kiến tánh thì kiến (trước) không phải là năng kiến cho nên không có tánh để làm sở kiến (-sau). Gọi là kiến còn phải lìa kiến, nếu có năng kiến thì không thấy được tự tánh, cho nên nói: Kiến bất năng cập*).

Vì thế không hành kiến pháp, không hành văn pháp, không hành giác pháp, không hành tri pháp, thì chư Phật liền thọ ký cho.

Hỏi : - Kiến pháp đã chẳng phải là lời thọ ký thì dùng cái gì để thọ ký ?

Sư đáp : - Người đã ngộ Tông thì chẳng bị tất cả pháp có không trói buộc như giặt áo bẩn vậy, nên nói: Ly tướng gọi là Phật, hư thật đều không còn ; trung chỉ độc huyền, huyền đạt một lối^(*), kẻ đồng đạo hậu tấn (*hậu học*) khế hợp đến bực đó, nên nói thọ ký vậy.

Vô minh là cha, tham ái là mẹ. Tự kỷ là bệnh, tự kỷ cũng là thuốc. Tự kỷ là dao giết cha vô minh, mẹ tham ái của chính mình, nên nói giết cha hại mẹ. Đó là một cách nói để phá hết thảy pháp. Người ăn phi thời thực cũng vậy. Hiện tại đắm nhiễm tất cả pháp có không đều gọi là ăn phi thời thực cũng gọi là ác thực, là thức ăn nhơ đựng trong chén báu, là phá giới, là làm nhơ chén, là tạp thực.

Phật là người không cầu, hiện nay tham cầu tất cả pháp có không, hễ có sở tác đều là quấy cả, tức là phỉ báng Phật. Hễ có tham nhiễm đều gọi là thọ thủ (*trao tay*). Còn như nay không tham nhiễm, cũng chẳng y

(*) Trung chỉ = tự tánh ; độc huyền = bất khả tư nghì. Tự tánh huyền diệu bất khả tư nghì, đạt đến cái huyền ấy chỉ có một đường lối là phải tự ngộ mới được.

tru vào không tham nhiễm, cũng không có tri giải về chẳng y trụ, đây gọi là lửa Bát-nhã, lửa đốt ngón tay là không tiếc thân mạng, là cắt thân ra từng mảnh, là xuất thế gian, là cầm thế gian trong lòng bàn tay ném qua phương khác.

Hiện tại, nếu đối với mười hai phần giáo và tất cả pháp có, không ở trong tang phủ còn có một mảy may lưu giữ là chưa ra khỏi lưới. Hễ có sở cầu, sở đắc, hễ có khởi tâm động niệm đều là con chồn. Như nay chỉ cần trong tang phủ đều vô sở cầu, vô sở đắc thì người này là đại thí chủ, là sư tử rống. Lại cũng chẳng y trụ vào Vô sở đắc, cũng không có tri giải về chẳng y trụ, đây gọi là lục tuyệt sư tử.

Nhân ngã chẳng sanh, điều ác không khởi, đó là để núi Tu-di vào trong hạt cải, chẳng khởi tất cả tham sân và bát phong, v.v... đó là hút được hết cả nước bốn biển lớn vào miệng. Chẳng thọ nhận tất cả ngữ ngôn hư vọng, đó là chẳng lọt vào lỗ tai. Chẳng cho thân tạo các điều ác đối với người, đây là nạp tất cả lửa vào trong bụng. Hiện tại chỉ cần đối với mọi cảnh chẳng mê lầm, chẳng tán loạn, chẳng giận, chẳng mừng, nơi cửa lục căn của mình phải cạo gọt cho sạch sẽ, đó là người vô sự hơn hẳn tất cả những người tri giải, Đầu đà tinh tấn, gọi là Thiên nhã, cũng gọi là Liễu chiếu nhã, cũng gọi là Pháp giới tánh, cũng gọi là xe chở nhân quả.

Hỏi : - Phật xuất thế độ chúng sanh là thế nào ?

Đáp : - Niệm trước không sanh, niệm sau không tiếp nối, nghiệp trong niệm trước đã hết gọi là độ chúng sanh. Niệm trước nếu giận hờn thì liền đem thuốc hoan hỷ để trị tức gọi là có Phật độ chúng sanh. Tất cả ngôn giáo chỉ là thuốc trị bệnh, vì bệnh chẳng đồng nên thuốc có khác, cho nên có lúc nói có Phật, có lúc nói không Phật. Lời chân thật dùng để trị bệnh, nếu trị lành được bệnh thời mỗi lần đều là lời chân thật, còn nếu trị bệnh chẳng lành thì mỗi lời đều là lời hư vọng. Lời chân thật thành lời hư vọng vì sanh kiến chấp ; lời hư vọng thành lời chân thật vì dứt được diên đảo của chúng sanh. Bởi vì bệnh là hư vọng, nên dùng thuốc hư vọng để trị.

Phật xuất thế độ chúng sanh là chín bộ giáo ngữ, là giáo ngữ bất liễu nghĩa. Giận hờn và hoan hỷ, bệnh tật và thuốc men đều là tự kỷ chứ không có ai khác, thì chỗ nào có Phật xuất thế, chỗ nào có chúng sanh để độ ? Như Kinh Kim Cang nói : “Thật không có chúng sanh được diệt độ”. Cũng nói “Không ưa thích Phật, Bồ-đề, không tham nhiễm các pháp có không gọi là độ tha, cũng chẳng chấp lấy tự kỷ gọi là tự độ”. Vì bệnh không đồng, thuốc cũng không đồng, cho toa cũng không đồng, không được cố chấp. Y theo Phật, y theo Bồ-đề và các pháp, v.v... đều là có sở y. Cho nên người trí chẳng được y theo một pháp nào cả. Lời trong Kinh dụ như lá vàng, cũng như nắm tay không

để gạt trẻ nít. Nếu người chẳng biết lý này thì gọi là đồng với vô minh. Như nói : “Bồ-tát thực hành Bát-nhã chẳng nên chấp lấy lời ta và y theo lời dạy”.

Sân như cục đá, ái như nước sông. Hiện nay chỉ cần không sân, không ái là thấu được núi sông, vách đá chỉ là trị bệnh cho kẻ tục tai điếc thôi, còn đa văn biện thuyết là để trị bệnh đau mắt.

Từ người lên đến Phật là đắc, từ người trở xuống địa ngục là thất. Thị phi cũng vậy, Tam Tố nói : “Đắc thất thị phi, nhất thời buông bỏ”.

Không chấp trụ vào tất cả pháp có không thì gọi là bất trụ hữu duyên, chẳng y trụ vào không , y trụ thì gọi là bất trụ không nhẫn.

Người có kiến giải chấp tự kỷ là Phật, tự kỷ là thiền, đạo gọi là nội kiến, chấp nhân duyên tu chứng mà thành gọi là ngoại kiến, ngài Chí Công nói : “Nội kiến, ngoại kiến đều sai”.

Mắt, tai, mũi, lưỡi mỗi cái không tham nhiễm tất cả pháp có, không gọi là thọ trì bốn câu kệ, cũng gọi là Tứ quả Lục nhập không dấu tích, cũng gọi là Lục thông. Hiện tại chỉ cần không bị các pháp có, không làm ngại, cũng chẳng y trụ nơi vô ngại và cũng không có tri giải về chẳng y trụ, đây gọi là Thần thông. Không chấp thần thông này là đúng gọi là không thần thông. Như bảo : Bồ-tát không thần thông, dấu chân không thể tìm là người hướng lên Phật, là người không thể nghĩ bàn là tự kỷ.

Trời là trí chiếu soi. Khen ngợi liền vui mừng, vui mừng thuộc về cảnh. Cảnh là trời, khen ngợi là người. Trời người giao tiếp cả hai được thấy nhau. Cũng nói : Tịnh trí là trời, chánh trí là người, vốn chẳng phải là Phật mà nói với họ là Phật, gọi là thể kết. Như nay chỉ cần chớ có tri giải Phật, cũng chẳng y trụ nơi không tri giải Phật, đây gọi là diệt kết, cũng gọi là chân như, cũng gọi là thể như.

Cầu Phật, cầu Bồ-đề gọi là hiện thân ý. Hiện tại hễ có tất cả tâm cầu thì đều gọi là hiện thân ý. Như nói : Cầu Bồ-đề tuy là sự mong cầu tốt nhưng mà là chồng thêm trần lụy. Cầu Phật là Phật chúng, cầu tất cả pháp có không là chúng sanh chúng. Hiện tại cái giác chiếu soi chỉ cần chẳng y trụ nơi tất cả pháp có không là “Bất nhập chúng số”. Hiện tại đối với các môn sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v... không yêu thích, đối với mọi cảnh không tham đắm, hễ không có mười câu trước tâm là liễu nhân thành Phật. Học văn cú, tìm tri giải gọi là duyên nhân thành Phật.

Thấy Phật, biết Phật thì được, nói Phật có biết, có thấy tức là phi báng Phật. Nếu nói Phật biết, Phật thấy, Phật nghe, Phật nói thì không được, như nói thấy lửa thì được, mà nói lửa thấy thì không được ; như dao cắt vật thì được mà vật cắt dao thì không được. Người biết Phật, người thấy Phật, người nghe Phật, người nói Phật thì trong muôn người không có một, còn người nói Phật biết, Phật thấy, Phật nghe,

Phật nói thì nhiều như số cát sông Hằng, chỉ vì tự mình không có mắt, mượn mắt người khác làm mắt, trong Kinh gọi là Tỷ lượng trí, như nay tham lam tri giải Phật cũng gọi là Tỷ lượng trí.

Thí dụ của thế gian là thí dụ thuận, giáo bất liễu nghĩa là thí dụ thuận, giáo liễu nghĩa là thí dụ nghịch, xả bỏ đầu, mắt, não, tủy là thí dụ nghịch, như nay chẳng thích các pháp Phật, Bồ-đề v.v... là thí dụ nghịch rất khó buông bỏ ; cái thí dụ về đầu, mắt, não, tủy có ý nghĩa như sau : Chấp trước tất cả các cảnh pháp có không gọi là đầu, bị tất cả các cảnh pháp có, không làm nhiễm loạn gọi là tay, lúc chưa chiếu soi tiền cảnh gọi là não tủy.

Bậc Thánh làm nhân phàm là Phật, vào trong chúng sanh thị hiện đồng loại để dẫn dụ hóa đạo, đồng bọn với ngạ quỷ chịu lửa đốt từng lóng xương rồi thuyết pháp Bát-nhã Ba-la-mật cho chúng nghe, khiến chúng phát tâm. Nếu cứ ở nơi địa vị Thánh thì làm sao đến chỗ họ để dạy dỗ. Phật vào trong các loài để làm thuyền bè cho chúng sanh, cả bọn cùng nhau chịu khổ, nhọc nhằn vô hạn; Phật vào chỗ khổ cũng chịu khổ đồng như chúng sanh, nhưng Phật đi ở tự do chẳng đồng chúng sanh, Phật chẳng phải hư không thì lúc chịu khổ đâu thể không khổ. Nếu nói không khổ thì lời này sai trái. Chớ nên nói bậy : Nói Phật được thần thông tự tại hay không tự tại.

Vả lại, người biết hổ thẹn thì không dám nói Phật là hữu vi hay vô vi, chẳng dám nói Phật là tự do hay không tự do, trừ sự khen ngợi phương thuốc ra, chẳng muốn để lộ ra hai đầu xấu xí (*tương đối*). Kinh nói : “Nếu người để Phật Bồ-đề ở bên đúng, người này mắc tội lớn”. Cũng nói : “Như ở trước người không biết Phật pháp nói với họ như vậy thì không lỗi”. Như sữa bò vô lậu hay trị bệnh hữu lậu, loài bò này không ở cao nguyên cũng không ở nơi ẩm thấp, sữa bò này có thể làm thuốc, cao nguyên dụ cho Phật, ẩm thấp dụ cho chúng sanh. Như nói : “Pháp thân Phật trí Như Lai không có bệnh này”. Biện tài vô ngại, bay đi tự tại, bất sanh bất diệt, đây gọi là sanh, già, bệnh, chết đau đớn chập chồng, là lối ăn canh nấm bị bệnh kiết ly cũng là tối. Sáng ẩn thì tối bày. Sáng, tối đều quét chớ chấp lấy một bên cũng không có cái không, chấp lấy vốn chẳng sáng chẳng tối. Phật từ cung vua sanh, cưới Da-du Đà-la cho đến bát tướng thành đạo, những thị hiện này, hàng Thanh-văn và ngoại đạo vọng tưởng cho đó là thật, như nói : “Chẳng phải thân tạp thực”. Ông Thuần-đà nói : “Tôi biết Đức Như Lai chắc chắn không thọ không ăn”. Nhất là cần phải có đủ hai con mắt soi thấu cả hai đầu sự việc không nên chỉ dùng một con mắt hướng bên này đi tức có bên kia đến. Công đức Thiên, Hắc ám Nữ, người chủ có trí thì đối với cả hai đều không nhận. Hiện tại chỉ cần tâm như hư không thì sự học mới thành.

Cao Tổ (*ở Ấn Độ*) nói : “Tuyết Sơn dụ cho đại Niết-bàn”.

Sơ Tổ (*ở Trung Hoa*) nói : “Tâm tâm như gỗ đá”.

Tam Tổ nói : “Ngơ ngơ quên duyên”.

Tổ Tào Khê nói : “Thiện ác đều chớ nghĩ”

Tiên Sư (*Mã Tổ*) nói : “Như người lầm đường chẳng biết phương hướng”.

Ngài Tăng Triệu nói : “Đóng chặt trí, lắp thông minh, tánh giác lùa lùa”.

Ngài Văn Thủ nói : “Tâm đồng hư không nên sự kính lể không có sở quán, kinh điển sâu xa chẳng nghe, chẳng thọ trì”.

Nay chỉ cần đối với tất cả pháp có, không đều chẳng thấy, chẳng nghe, lục căn lắp bít, nếu học được như thế, trì kinh như thế mới có phần tu hành. Lời này nghe qua thật trái tai, đắng miệng nhưng nếu làm được như thế thì đến đời thứ hai, đời thứ ba, có thể hướng đến chỗ không có Phật, ngồi đại đạo tràng thị hiện thành Đẳng Chánh giác, biến ác thành thiện, biến thiện thành ác. Dùng pháp ác để giáo hóa hàng Bồ-tát Thập địa, dùng pháp thiện để giáo hóa địa ngục, ngạ quỷ, được hướng chỗ sáng để cởi mở sự ràng buộc của sáng, được hướng chỗ tối để cởi mở sự ràng buộc của tối, nấm vàng thành đất, nấm đất thành vàng, trăm thứ biến hóa tự do. Ở ngoài hằng sa thế giới có người cầu cứu, Phật liền dùng ba mươi hai

tướng hiện ra trước người ấy, dùng tiếng giống họ để thuyết pháp, ứng cơ tiếp vật, tùy hình cảm hóa, biến hiện vào các loài, lìa ngã, ngã sở là thuộc về việc bên kia còn là tiểu dụng cũng là nằm trong các môn Phật sự. Đại dụng là thân lớn ẩn nơi vô hình, là tiếng to giấu trong hy thanh (*tiếng ngoài tần số nghe*), như lửa trong gỗ, như tiếng ở trong chuông trống ; lúc nhân duyên chưa đến thì không thể nói là có hay không. Báo thân sanh lên cõi trời, bỏ Báo thân này như bỏ đàm dãi. Lục độ, vạn hạnh của Bồ-tát như cõi thây chết để qua sông, như ở lao ngục, trong lổ cầu xí được thoát ra. Phật mang tấm thân ba mươi hai tướng, tướng ấy bị gọi là áo bẩn nhơ, cũng nói : Nếu nói Phật luôn luôn không thọ thân ngũ ấm thì thật vô lý, Phật chẳng phải là hư không thì đâu thể luôn luôn không thọ, Phật chỉ đi ở tự do không đồng với chúng sanh. Từ một cõi trời đến một cõi trời, từ một Phật sát đến một Phật sát là pháp thường của chư Phật.

Lại nói : Nếu căn cứ vào Tam thừa giáo thì thọ người tín thí cúng dường, họ ở trong địa ngục, Bồ-tát phải thực hành tâm từ bi đồng loại hóa độ để báo ân, chứ chẳng nên thường ở Niết-bàn.

Lại nói : Như lửa, thấy lửa đừng mò tay vào thì lửa chẳng đốt người. Hiện tại chỉ cần không có mươi câu trước tâm : Tâm tham, tâm ái, tâm nhiễm, tâm sân, tâm chấp, tâm trụ, tâm y, tâm trước, tâm thủ, tâm luyến. Mỗi câu đều có ba câu, hẽ thấu suốt được

nghĩa ba câu thì tất cả chiểu dụng mặc tình tung hoành, thì tất cả cử động làm việc, nói, nín, khóc, cười đều là Phật huệ. Phiền các vị đã đứng lâu, trân trọng cảm ơn.

*

Hỏi : -Thế nào là pháp yếu nhập đạo Đại thừa đốn ngộ ?

Sư đáp : - Trước hết ông phải bắt hết các duyên, dẹp bỏ muôn việc, các pháp thiện hay bất thiện, thế gian và xuất thế gian thảy đều buông bỏ, đừng ghi đừng nhớ, đừng duyên đừng niệm, buông bỏ thân tâm, đều cho tự tại, tâm như gỗ đá, miệng không biện luận, tâm không móng niệm, tâm địa nếu không thì mặt trời trí huệ tự hiện, như tan lớp mây mù thì mặt trời xuất hiện, chỉ cần dứt tất cả phan duyên thì các tình chấp tham sân, ái, thủ, sạch, nhơ, đều hết ; đối với ngũ dục, bát phong, tâm chẳng động, chẳng bị cái kiến, văn, giác, tri làm chướng ngại, chẳng bị các pháp làm mê lầm thì tự nhiên đầy đủ tất cả công đức, đầy đủ tất cả thần thông diệu dụng, đó là người giải thoát.

Đối với tất cả cảnh pháp, tâm không tranh cãi loạn động, không nhiếp, không tán, thấu qua tất cả thanh sắc, không bị vướng mắc gọi là đạo nhân.

Thiện ác, phải quấy đều không dùng, cũng không mến một pháp nào, cũng không bỏ một pháp nào gọi là người Đại thừa.

Chẳng bị tất cả thiện ác, không hữu, cầu tịnh, hữu vi vô vi, thế gian, xuất thế gian, phước đức, trí huệ, ràng buộc gọi là Phật huệ.

Phải quấy, tốt xấu, đúng lý không đúng lý, các thứ tình chấp tri giải đều sạch hết, chẳng còn ràng buộc được, nơi nơi đều tự tại đây gọi là Bồ-tát mới phát tâm được lên địa vị Phật.

*

Hỏi : - Đối với tất cả cảnh làm sao để được tâm như gỗ đá ?

Sư đáp : - Tất cả pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, cũng chẳng tự nói phải quấy, nhơ sạch, cũng chẳng có tâm trói buộc người, chỉ vì con người tự sanh hư vọng trói buộc, làm ra biết bao thứ tri giải và lanh hội, khởi ra biết bao loại tri kiến, sanh ra biết bao sự yêu thương, sợ hãi, chỉ cần rõ biết các pháp chẳng tự sanh, đều từ một niệm vọng tưởng điên đảo của mình chấp tướng mà có. Biết tâm và cảnh vốn chẳng đến với nhau, ngay nơi đó chính là giải thoát, mỗi mỗi các pháp, ngay nơi đó là tịch diệt, ngay nơi đó là đạo tràng.

Lại nữa tánh sẵn có, không thể đặt tên, vốn chẳng phải phàm chẳng phải Thánh, chẳng phải nhơ sạch, chẳng phải không hữu, cũng chẳng phải thiện ác, nếu nó cùng với các pháp nhiễm tương ứng gọi là cõi người, cõi trời, cõi Nhị thừa ; nếu tâm nhơ sạch đều

dứt, chẳng trụ nơi ràng buộc, chẳng trụ nơi giải thoát, không có tất cả tâm lượng hữu vi, vô vi, ràng buộc, giải thoát, thì ở nơi sanh tử mà tâm vẫn tự tại, cùu cánh chẳng hòa hợp với các pháp hư vọng, huyền hóa trần lao, sanh tử, ngũ uẩn, lục nhập, v.v... xa lìa tất cả, không y trụ một nơi nào. Chẳng bị pháp nào ràng buộc, đi ở vô ngại, qua lại trong sanh tử tương tự như cửa mở.

Người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa ý hay không vừa ý mà tâm vẫn không lui sụt, chẳng nghĩ đến tất cả thứ danh tiếng, lợi dưỡng, ăn mặc, chẳng tham tất cả công đức, lợi ích, chẳng bị các pháp thế gian làm vướng mắc, không thân, không mến, bình tâm trước mọi sự khổ vui, áo thô ngừa lạnh, cơm hẩm đỡ lòng, ngây ngây như ngu, như điếc, như câm, thì mới có chút phần tương ứng. Nếu trong tâm ham học rộng, biết nhiều, cầu phước, cầu trí đều là sanh tử, đối với lý đạo vô ích lại bị gió tri giải thổi trôi, chìm trong biển sanh tử.

Phật là người không cầu, nếu cầu tức là trái lý. Lý là lý không cầu, nếu cầu liền mất, nếu chấp không cầu thì cũng đồng với có cầu; nếu chấp vô vi thì đồng với hữu vi. Do đó Kinh Kim Cang nói : “Chẳng chấp lấy pháp, chẳng chấp lấy phi pháp, chẳng chấp lấy phi phi pháp”. Lại nói : “Pháp mà Đức Như Lai được, pháp này không thực cũng không hư”, chỉ cần suốt đời

tâm như gỗ đá, chẳng bị ấm giới các nhập, ngũ dục, bát phong làm trôi chìm tức là nhân sanh tử đã được cắt đứt, đi ở tự do, chẳng bị tất cả nhân quả hữu vi trói buộc, chẳng bị hữu lậu câu thúc, mai kia sẽ trở lại dùng sự không tự trói buộc làm nhân, đồng sự lợi ích, dùng tâm vô trước ứng tất cả vật, dùng huệ vô ngại mở tất cả sự trói buộc cũng gọi là tùy bệnh cho thuốc.

*

Hỏi : - Như nay xuất gia thọ giới, thân miệng thanh tịnh, đã đủ các pháp có được giải thoát không ?

Sư đáp : - Được chút phần giải thoát mà chưa được tâm giải thoát, cũng chưa được tất cả chỗ giải thoát.

*

Hỏi : - Thế nào là tâm giải thoát và tất cả chỗ giải thoát ?

Sư đáp : - Chẳng cầu Phật, chẳng cầu Pháp chẳng cầu Tăng, nhẫn đến chẳng cầu phước trí, tri giải v.v... Tình chấp nhơ sạch đều dứt hết, cũng chẳng chấp không cầu là phải, cũng chẳng trụ nơi chỗ dứt hết, cũng chẳng mến thiên đường, sợ địa ngục, trói buộc và giải thoát đều vô ngại, tức là thân tâm và tất cả chỗ đều được giải thoát.

Ông chớ cho rằng có được chút phần giới thân miệng ý thanh tịnh là xong, đâu biết rằng : Môn giới, định, huệ như số cát sông Hằng mà vô lậu giải thoát đều chưa dính một mảy lông.

Hãy nỗ lực tiến lên ! Hãy dũng mãnh tham cứu ! Đừng đợi tai điếc, mắt mờ, mặt nhăn, đầu bạc, già khố đến thân, buồn thương vương vít rời lè dầm dề, trong lòng sợ hãi không có gì để nương tựa và cũng không biết phải đi về đâu. Đến lúc ấy, muốn tay chân không run rẩy cũng không được. Dẫu cho có phước trí, tiếng tăm, lợi dưỡng cũng không cứu được, vì tâm huệ chưa mở, chỉ nghĩ đến các cảnh, chẳng biết phản chiếu, chẳng thấy Phật đạo, nghiệp duyên thiện ác của một đời, tất cả nghiệp ác trong lục đạo, ngũ ấm, hoặc vui, hoặc sợ, từ tham ái của tự tâm hiện ra, biến thành những cảnh thù thắng : nhà cửa xe thuyền tốt đẹp chói lọi hiển hách, chỉ theo chỗ nặng của tham ái, tùy nghiệp thọ sanh rồng, súc sanh tốt xấu, chưa định được, chẳng chút tự do.



Hỏi : - Thế nào là được phần tự do ?

Sư đáp : - Như nay được thì được, hoặc đối với ngũ dục, bát phong, tâm không lấy bỏ, bốn sém, đố kỵ, tham ái, ngã sở đều sạch, nhớ sạch đều quên, cũng như mặt trời trên hư không, chẳng duyên mà chiếu, tâm tâm như gỗ đá, niệm niệm (*tham thiền*) như cùu lửa cháy dầu cũng như voi lón qua sông cứ băng ngang dòng nước không chút nghi ngờ. Người này thiền đường, địa ngục không câu thúc được.



BÁ TRƯỢNG NGỮ LỤC

Sư húy HOÀI HẢI, người Trường Lạc, Phúc Châu, họ Vương, xuất gia từ thuở nhỏ, tam học đều thông. Khi Ngài Đại Tịch (Mã Tổ) hoằng hóa ở Giang Tây, Sư đã hết lòng y chỉ vào; đã cùng với các vị Tây Đường Trí Tạng và Nam Tuyền Phổ Nguyên đều được xem là đệ tử nhập thất^(*) là ba vị đại sĩ cũng nổi tiếng thời bấy giờ.

Có lần Sư theo hầu Mã Tổ thấy một bầy vịt trời bay qua, Tổ nói : “Là gì vậy ?”. Sư nói : “Vịt trời”. Tổ nói : “Đi đâu rồi ?”. Sư nói : “Bay qua rồi”.

Tổ bèn quay lại nhéo mũi Sư một cái, Sư đau la thất thanh. Tổ nói : “Sao nói bay qua rồi ?”.

Sư ngộ ngay câu nói ấy.

Sư liền trở về liêu của thị giả khóc than thảm thiết.

Người đồng sự hỏi rằng : - “Ông nhớ cha mẹ à ?”.

Sư nói : - “Không có”.

Lại hỏi : - “Bị người ta mắng chửi à”.

(*) Nhập thất : Là hàng đệ tử giỏi được tự do ra vào phương trượng của Sư phụ để tham vấn ; trong số mấy ngàn Tăng chỉ có vài chục vị được như vậy.

Sư nói : - “Không có”.

Lại hỏi : - “Thế làm sao khóc ?”.

Sư nói : - “Tôi bị Đại sư nhéo mũi đau quá chịu không nổi”.

Người đồng sự nói : - “Có nhân duyên gì không khé hợp chăng ?”.

Sư nói : - “Ông cứ đi hỏi Hòa thượng xem”.

Người đồng sự bèn đến Đại sư (Mã Tổ) mà hỏi rằng: “Thị giả Hoài Hải có nhân duyên gì không khé hợp mà khóc ở trong liêu phòng, xin Hòa thượng nói cho con biết”.

Đại sư nói : - “Ông ta ngộ rồi, ông cứ hỏi thằng ông ta”.

Người đồng sự trở lại liêu phòng nói với Sư :

- “Hòa thượng nói ông ngộ rồi và dạy cứ hỏi thằng ông”.

Sư bèn cười ha hả.

Người đồng sự nói : - “Vừa mới khóc tại sao bây giờ lại cười ?”.

Sư nói : - “Vừa mới khóc bấy giờ cười”. Người đồng sự ngơ ngác.

Hôm sau, khi Mã Tổ thương đường, chúng vừa vân tập thì Sư bước ra cuốn chiếu lại. Tổ bèn hạ tòa. Sư liền theo đến phương trượng.

Tổ nói : - “Hồi nãy ta chưa từng nói năng gì tại sao ông cuốn chiếu lại vậy ?”.

Sư nói : - “Hôm qua bị Hòa thượng nhéo mũi đau”.

Tổ nói : - “Hôm qua ông để tâm vào đâu ?”.

Sư nói : - “Lỗ mũi con hôm nay lại chẳng đau nữa”.

Tổ nói : - “Ông đã biết rõ chuyện ngày hôm qua rồi”.

Sư làm lễ mà lui ra.

(Có bản chép : Mā Tổ nói : “Ông từ chỗ nào đến đây?”. Hôm qua ngẫu nhiên có việc ra vào nên con đã không kịp theo hầu”. Mā Tổ bèn hét một tiếng. Sư lui ra)



Sư ngộ rồi tái tham khi đứng hầu bên cạnh Mā Tổ, Tổ chăm chú nhìn cái phất trần ở góc thiền sàng (chỗ Tổ ngồi).

Sư nói : - “Tức là cái dụng này, lìa cái dụng này”.

Tổ nói : - “Về sau ông làm sao mở miệng dạy bảo người ?”.

Sư lấy cái phất trần đưa lên.

Tổ nói : - “Tức là cái dụng này lìa cái dụng này”.

Sư đặt phất trần về chỗ cũ. Tổ bèn tập trung sức oai thần hét lên một tiếng làm Sư bị điếc tai luôn ba ngày. Từ đấy tiếng tăm cứ nổi lên, Đàm-na tín thí thỉnh Sư đến biên giới Hồng Châu – Tân Ngộ, trụ ở Đại Hùng Sơn, vì nơi cư trú là núi non cao hiểm cho nên mới có hiệu là Bá Trượng. Ở chưa đầy một tháng thì khách tham học từ bốn phương kéo đến, đứng đầu là Quy Sơn và Hoàng Bá.

Hoàng Bá đến chỗ Sư ở, một hôm cáo từ rằng : “Con muốn đi lễ bái Mã Tổ”.

Sư nói : “Mã Tổ đã thiên hóa (tịch) rồi”.

Hoàng Bá nói : - “Chưa rõ Mã Tổ có để lại lời nào chăng ?”.

Sư bèn kể lại nhân duyên tái tham với Mã Tổ mà nói rằng : - “Phật pháp không phải là việc nhỏ đâu, lão Tăng lúc ấy vì cái hét của Mã Đại sư mà bị điếc tai luôn ba ngày”.

Hoàng Bá nghe kể bất giác le lưỡi.

Sư nói : - “Ông về sau có nối pháp Mã Tổ không ?”.

Hoàng Bá nói : - “Không, hôm nay nhờ Hòa thượng kể nên được thấy cái dụng đại cơ của Mã Tổ, nhưng không biết Mã Tổ, mà nếu nối pháp của Mã Tổ thì sau này sẽ mất con cháu ta”.

Sư nói : - “Đúng vậy, đúng vậy. Cái thấy bằng với thầy thì kém phân nửa đức của thầy. Cái thấy hơn thầy thì mới đủ tư cách truyền thụ. Ông thực có cái thấy siêu việt hơn thầy”.



Về sau Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn : - “Cái nhân duyên đưa phất trần lên của Bá Trượng tái tham Mã Tổ, ý chỉ của hai vị tôn túc này là như thế nào ?”.

Ngưỡng Sơn nói : - “Đó là hiển hiện cái dụng của đại cơ”.

Quy Sơn nói : - “Mã Tổ đã khai ngộ được cho tám mươi bốn người là đại Thiện tri thức, mấy người đắc đại cơ mấy người đắc đại dụng ?”.

Ngưỡng Sơn nói : - “Bá Trượng đắc đại cơ, Hoàng Bá đắc đại dụng, còn lại đều là thời giảng đạo (xướng đạo sư)”.

Quy Sơn nói : - “Đúng vậy, đúng vậy”.

Một hôm Mã Tổ hỏi Sư : - “Từ đâu đến ?”.

Sư nói : - “Từ sau núi đến”.

Tổ nói : - “Có gặp một người nào không ?”.

Sư nói : - “Không gặp”.

Tổ nói : - “Tại sao lại không gặp ?”.

Sư nói : - “Nếu gặp thì kể với Hòa thượng”.

Tổ nói : - “Được tin tức này ở chỗ nào vậy ?”.

Sư nói : - “Tôi lỗi của con”.

Tổ nói : - “Ấy là tội lỗi của Lão Tăng”.



Sư thượng đường nói : “Linh quang độc chiếu (*sáng tỏ*), thoát hẳn căn trần, thể lộ chân thường, chẳng mắc văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên, tức như như Phật”.



Tăng hỏi : “Thế nào là việc kỳ đắc ?”.

Sư đáp : “Độc tọa ở Đại Hùng Sơn”.

Vị Tăng lê bái.

Sư bèn đánh.

Thiên sư Tây Đường hỏi Sư : “Về sau ông làm sao khai thị cho người ?”. Sư lấy tay nắm lại buông ra hai lần.

Sư Tây Đường nói : “Còn gì nữa ?”.

Sư lấy tay điểm vào đầu ba cái.



Mã Tổ sai người đem thư và ba hủ tương cho Sư, Sư dạy đem xếp trước pháp đường rồi thượng đường. Chúng vừa vân tập thì Sư lấy gậy chỉ vào hủ tương nói: “Nói được thì không đập bể, nói không được thì đập bể”.

Chúng không nói gì.

Sư bèn đập bể rồi trở về phuơng trượng.



Có một Tăng khóc đi vào pháp đường. Sư nói : “Làm sao vậy”. Tăng ấy nói : “Cha mẹ đều mất, xin thầy chọn ngày cho”.

Sư nói : - “Ngày mai chôn cùng một giờ”.



Hỏi : - “Y Kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, lia kinh một chữ đồng như ma thuyết. Vậy là sao ?”.

Sư nói : - “Cố chấp vào động tĩnh, tam thế Phật oan, ngoài ra cầu cái khác đồng như ma thuyết”.



Có lúc Sư thuyết pháp xong, đại chúng hạ đường

thì Sư gọi lại, đại chúng quay đầu lại, Sư nói : “Là cái gì ?”.

Người đời xưng tụng câu đó là “Bá Trượng hạ đường cũ”.



Nhân lúc Tăng chúng khai khẩn đất ruộng về, Sư hỏi Hoàng Bá rằng : “Vận Xà-lê khai khẩn đất ruộng không dễ ?”.

Hoàng Bá nói : “Chúng Tăng làm việc”.

Sư nói : “Có nhờ đạo dụng ?”.

Hoàng Bá nói : “Đâu dám từ chối việc lao động”.

Sư nói : “Khai khẩn được bao nhiêu”.

Hoàng Bá làm ra thế cuốc ruộng.

Sư bèn hét.

Hoàng Bá bịt tai mà ra.



Sư hỏi Hoàng Bá : “Nơi nào đến ?”.

Hoàng Bá nói : “Hái nấm ở dưới núi đến”.

Sư nói : “Ở dưới núi có một con hổ, ông thấy chăng ?”.

Hoàng Bá giả tiếng hổ gầm.

Sư rút búa ở lưng làm bộ chém. Hoàng Bá ngăn lại rồi bụt tai một cái.

Tối lại Sư thương đường nói : “Này đại chúng, ở dưới núi có một con hổ, các ông ra vào coi chừng. Sáng nay chính Lão Tăng bị cắn một cái”.

Về sau Quy Sơn hỏi Nguõng Sơn : “Chuyện hổ của Hoàng Bá là làm sao ?”.

Nguõng Sơn nói : “Hòa thượng như thế nào ?”.

Quy Sơn nói : “Bây giờ Bá Trượng cần phải búa một cái cho chết, tại sao đến như vậy ?”.

Nguõng Sơn nói : “Không”.

Quy Sơn nói : “Ông làm thế nào ?”.

Nguõng Sơn nói : “Không những cõi đầu hổ, cũng biết nắm đuôi hổ”.

Quy Sơn nói : “Thầy Tịch (*Nguõng Sơn*) quả có lời nói kỳ hiểm”.

*

Mỗi ngày Sư thượng đường thường có một cụ già nghe pháp rồi theo chúng tan. Một hôm chúng tan rồi mà lão không đi. Sư mới hỏi : “Người đứng đó là ai vậy ?”.

Cụ già đáp : “Vào đời Phật Ca Diếp trong quá khứ tôi đã từng ở núi này. Có người tham học hỏi tôi : “Người đại tu hành có còn lọt vào nhân quả không ?”. Tôi trả lời là : “Bất lạc nhân quả” (*không lọt vào nhân quả*) thì bị đọa vào thân ch同胞. Nay xin Hòa thượng cho tôi một lời chuyển ngữ”.

Sư nói : “Cụ hỏi đi ?”.

Cụ già bèn hỏi : “Người đại tu hành có còn lọt vào nhân quả không ?”.

Sư nói : “Bất muội nhân quả” (*nhân quả rõ ràng*).

Cụ già ngay khi nghe câu nói đó thì đại ngộ, cáo từ Sư và nói : “Tôi đã thoát thân ch同胞, hiện sống ở sau núi, xin Sư y theo lệ Tăng mất mà thiêu cho”.

Sư dạy Duy-na và Bạch-chùy báo cho Tăng chúng biết thọ trai xong xin mời tất cả đi đưa vong Tăng chết.

Đại chúng không rõ ra sao. Sư dẫn chúng đến vách đá phía sau núi lấy gậy khều ra một con ch同胞 chết rồi y theo pháp mà hỏa táng.

Lúc vẫn tham^(*), Sư bèn kể lại nhân duyên trên, Hoàng Bá bèn hỏi : “Người xưa đáp sai một câu chuyển ngữ thì lọt vào thân ch同胞, nay chuyển ngữ nào cũng không đáp sai thì như thế nào ?”.

Sư nói : “Lại gần đây ta nói ông nghe”.

Hoàng Bá đến gần bặt tai Sư một cái.

Sư vỗ tay cười nói : “Tưởng rằng hồ tu xích, lại là xích tu hồ”. (Hồ tu : râu; xích : đỗ).



Lúc ấy Quy Sơn làm Diển tòa trong chùa ; Tư Mã Đầu Đà đem chuyện con ch同胞 ra kể, mà hỏi : “Diển tòa thế nào ?”. Diển tòa lấy tay lay cánh cửa ba lần. Tư Mã nói : “Thô lỗ quá !”. Diển tòa nói : “Phật pháp không phải lý lẽ như vậy”.

^(*) Văn tham : ở Tòng lâm các Thiền sư thường thượng đường hai lần mỗi ngày, một lần vào buổi sáng (tảo tham) và một lần vào buổi tối (văn tham) để đại chúng tham vấn.

Sau này Quy Sơn hỏi Nguõng Sơn việc Hoàng Bá hỏi Bá Trương về chuyện con chồn. Nguõng Sơn nói : “Hoàng Bá thường dụng cái cơ này”.



Quy Sơn nói : “Ông nói trời sinh ra được hay từ người mà được như vậy ?”

Nguõng Sơn nói : “Ấy cũng là kế thừa sự truyền thụ của Thầy, cũng là tự tâm thông tông”.

Quy Sơn nói : “Đúng vậy, đúng vậy”.



Hoàng Bá hỏi : “Người xưa lấy pháp gì bối thí cho người?”.

Sư im lặng thật lâu mà chưa có lời nào.

Hoàng Bá nói: “Con cháu đồi sau lấy gì truyền thụ?”.

Sư nói : “Tưởng ông là một con người”. Rồi trở về phương trượng.



Khi Sư cùng Quy Sơn làm việc, Sư hỏi: “Có lửa không?”.

Quy Sơn nói : “Có”. Sư nói : “Ở đâu ?”. - Quy Sơn lấy một cọng chỉ thổi một cái rồi đưa qua cho Sư.

Sư cầm lấy nói : “Như sâu ăn cây”.



Nhân lúc phổ thỉnh Tăng chúng đi cuốc đất, có một vị Tăng nghe trống liền vác cuốc lên vai cưỡi lợn đi về.

Sư nói : “Giỏi lắm ! Đây là pháp môn Quan Âm nhập lý”. Sau đó Sư gọi vị Tăng ấy hỏi : “Hôm nay ông thấy đạo lý gì ?”.

Ông Tăng nói : “Tôi sáng sớm chưa ăn cháo, nghe tiếng trống trở về ăn cơm”.

Sư bèn cười ha hả.



Hỏi : - “Thế nào là Phật ?”.

Sư nói : - “Ông là ai ?”.

Đáp : - “Là A... (tôi)”.

Sư nói : - “Ông biết A chǎng ?”.

Đáp : - “Rõ ràng”.

Sư đưa phất trần lên hỏi : “Ông thấy cây phất trần chǎng ?”.

Đáp : - “Thấy”.

Sư bèn nín thinh.



Sư sai Tăng đến chỗ Thiền sư Chương Kính và dặn : “Hãy thấy ông ta thương đường thuyết pháp thì ông trải tọa cụ ra, lê bái đứng dậy cầm một chiếc dép lấy tay áo phủ bụi bám rồi lật úp dép xuống”.

Ông Tăng ấy đi đến chỗ Thiền sư Chương Kính và làm đúng theo lời chỉ dạy của Sư.

Thiền sư Chuong Kíng nói : “Tôi lỗi của lão Tăng”.

Một hôm Quy Sơn, Ngũ Phong, Vân Nham đứng hầu, Sư hỏi Quy Sơn : “Hãy bỏ cả cổ, họng, môi, mép, nói mau đi !”.

Quy Sơn nói : “Con nói không được mời Hòa thượng nói cho”.

Sư nói : “Ta không tiếc việc nói ra cho ông, chỉ sợ mất con cháu ta về sau”.

Lại hỏi Ngũ Phong, Ngũ Phong nói : “Hòa thượng cũng cần bỏ cả đi”.

Sư nói : “Nơi không có người sẽ ngược mặt nhìn ông”.

Lại hỏi Vân Nham, Vân Nham nói : “Con có chỗ nói, xin Hòa thượng hãy kể cho”.

Sư nói : “Bỏ cả họng, môi, mép, hãy nói mau”.

Vân Nham nói : “Bây giờ Thầy có hay chưa ?”.

Sư nói : “Mất con cháu ta”.

*

Sư thượng đường bảo chúng rằng : “Ta cần một người đi gởi lời cho Tây Đường Hòa thượng, có ai đi được không ?”.

Ngũ Phong nói : “Con đi được”.

Sư nói : “Ông đi nói thế nào ?”.

Ngũ Phong nói : “Đợi gặp Tây Đường thì nói”.

Sư nói : “Gặp rồi nói cái gì ?”.

Ngũ Phong nói : “Thì kể với Hòa thượng”.

Nhân có ông Tăng kể chuyện, một Tăng hỏi Thiền sư Tây Đường : “Có hỏi, có đáp, dẹp qua một bên, lúc không hỏi không đáp thì như thế nào ?”.

Thiền sư Tây Đường nói : “Sợ sinh thúi sao ?”.

Sư nghe Tăng ấy kể lại bèn nói : “Lâu nay ta cứ nghi lão huynh này”.

Ông Tăng ấy nói : “Xin Hòa thượng nói cho”.

Sư nói : “Nhất hợp tướng là bất khả dắc”.

*

Sư dạy chúng rằng : “Có một người lâu không ăn cơm chẳng nói đói, có một người suốt ngày ăn cơm chẳng nói no”.

Tăng chúng không ai trả lời.

*

Vân Nham hỏi Sư rằng : “Hòa thượng mỗi ngày bận rộn vì ai ?”.

Sư nói : “Có một người muốn”.

Vân Nham nói : “Tại sao không bảo y tự làm ?”.

Sư nói : “Y không có việc nhà”.

*

Sư lúc còn nhỏ theo mẹ vào chùa lễ Phật, chỉ vào tượng Đức Thế Tôn hỏi mẹ : “Đây là vật gì ?”. Mẹ nói : “là Phật”.

Sư nói : “Hình dung giống người không khác, con ngày sau cũng phải làm vậy”.

*

Sư phàm làm việc lao động đều làm trước Tăng chúng. Tăng chúng bất nhẫn bèn thu sạch dụng cụ rồi thỉnh Sư nghỉ. Sư nói : “Ta không có đức, đâu dám dùn việc lao động cho người”.

Sư tìm dụng cụ khắp nơi không ra mà cũng quên cả ăn. Cho nên mới có câu rằng : “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”, lưu truyền ở đời vậy.



Ngày 17 tháng Giêng năm Nguyên Hòa thứ chín đời nhà Đường (CN 814) Sư thị tịch, thọ 95 tuổi. Năm đầu niên hiệu Trường Khánh (CN 821) Vua sắc ban cho Sư là Đại Trí Thiền Sư, tháp hiệu là Đại Thắng Bảo Luân.



PHỤ CHÚ

A. KINH DUY MA CẬT, Phẩm Đệ Tử :

Kinh Phật sai ngài Tu Bồ-đề đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật, Ngài không dám đi : “Vì khi trước tôi đi khất thực, vô nhà ông Duy Ma Cật. Ông Duy Ma Cật đựng đầy bát cơm nói rằng : “Thực với pháp bằng, pháp với thực bằng, khất thực như thế mới được lấy ăn, nếu Tu Bồ-đề nhập vào tà kiến, chẳng đến bờ kia với chúng ma và trần lao không khác, đối với tất cả chúng sanh có tâm oán hận, báng Phật phỉ pháp chẳng nhập chúng số (Tăng chúng) cuối cùng không được diệt độ, nếu ông được như thế mới được lấy ăn”.

Ngài Tu Bồ-đề nghe rồi sợ hãi muốn bỏ chạy, ông Duy Ma Cật nói : “Tu Bồ-đề cứ lấy ăn đừng sợ, nếu người huyền hóa của Phật làm ra nói như thế ông có sợ không ?”.

Đáp : Không !

Ông Duy Ma Cật nói : “Tất cả ngôn thuyết đều là tướng huyền hóa, người có trí không chấp trước văn tự, nên chẳng có sợ, tại sao vậy ? - Văn tự tánh lìa, chẳng có văn tự tức là giải thoát”.

B. SIỂM KHÚC TU LA.

A-tu-la có ba nghĩa :

- 1) Vô đoan : Xấu xí (đoan = đoan trang ngay).
- 2) Vô tửu : Quả báo không có rượu.
- 3) Phi thiên : Giống thiên mà hạnh không bằng thiên.

Giống thiên tánh hay sân, mạn, nghi, tâm chấp trước rất mạnh, dầu được giáo hóa tâm cũng không động (*tự không biết quấy*), dầu nghe lời hay cũng không được chứng ngộ, lại rất đố kỵ Phật thuyết pháp.

Phật nói Tứ niệm xứ thì nó nói Ngũ niệm xứ.

Phật nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo thì nó nói ba mươi tám phẩm.

Đó là bị cái tâm co khúc che lấp. Như vậy Siểm khúc Tu-la là xấu xí (*mặt*) cong quẹo (*tâm*).

C) TAM BIẾN TỊNH ĐỘ

Phẩm Bảo Tháp trong Kinh Pháp Hoa, có việc như vầy : Mười phương phân thân Phật của Đức Thích Ca Mâu Ni, mỗi phân thân Phật này đều dắt theo một Bồ-tát đi cúng dường tháp Đa Bảo, khi đến núi Linh Thủu Phật Thích Ca dùng thần lực biến uế độ thành Tịnh độ :

- Ban đầu biến một thế giới Ta-bà.
- Kế đó biến hai triệu ức Na-do-tha cõi nước.
- Sau biến hai triệu ức Na-do-tha thành Tịnh độ.

Theo đó gọi là Tam biến Tịnh độ.



HOÀNG BÁ THIỀN SƯ

TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU

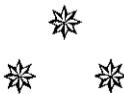
(Trích trong CHỈ NGUYỆT LỤC của TỤC TẠNG KINH)

Dịch giả : HT. THÍCH DUY LỰC

LỜI DỊCH GIẢ

Quý độc giả bắt đầu đọc những trang đầu tiên sẽ cảm thấy những lời vấn đáp rất lạt lẻo, không có chút mùi vị gì cả. Ấy là cốt túy của thiền vốn như thế. Nếu độc giả đọc đến chỗ cảm thấy không hiểu, không biết, thì nên nhìn thẳng chỗ không hiểu, không biết đó, xem cái đó là tại sao ? Cái “Không biết tại sao” đó Thiền tông gọi là nghi tình. Cái nghi tình này nếu giữ được mãi sẽ đưa quý vị đến chỗ giác ngộ thành Phật. Xin chờ nên giải theo lời văn để đóng bít cửa ngộ. Nếu quý vị đọc tiếp thì sẽ phát hiện ra nhiều điều hay bất ngờ.

THÍCH DUY LỰC



VÀI HÀNG GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

*Hoàng Bá Thiền sư pháp danh Hy Vận, người
tỉnh Phúc Kiến. Thuở nhỏ xuất gia tại núi Hoàng Bá,
thuộc Hồng Châu.*

*Ngài là đệ tử nối pháp của Tổ Bá Trượng, và là
thầy truyền pháp của Tổ Lâm Tế.*

*Ngài từng được Tổ Bá Trượng khen ngợi là một đệ
tử xuất sắc, đại cơ đại dụng hơn cả thầy.*

*Ngũ Lục của ngài đã được một vị sư người Anh
dịch ra tiếng Anh và xuất bản năm 1957.*

*Sau khi viên tịch., ngài được vua Đường Tuyên
Tông sắc phong hiệu là Đoan Tế Thiền sư. Chính vị
vua này thuở nhỏ đi tu, làm Sa-di, đã từng bị ngài
bạt tai để phá cái tâm chấp “Không cần lẽ Phật”.
Cũng như đệ tử ngài là Tổ Lâm Tế thì lại phá cái tâm
chấp. “Nhất định phải lẽ Phật” của một vị Viện chủ.
Phật pháp là pháp Bất nhị, không được chấp vào một
bên, vì như thế là còn ở trong vòng tương đối, lọt vào
biên kiến.*

*Lời dạy bảo của ngài rất có giá trị đối với người
tham thiền.*



Hoàng Bá Thiên sư pháp danh Hy Vận, người tinh Phước Kiến, thuở nhỏ xuất gia tại núi Hoàng Bá thuộc Hồng Châu, trên trán có một bướu thịt giống hạt châu, giọng nói nhu nhuần trong sáng, ý chí đậm bạc.

Khi đi núi Thiên Thai, giữa đường gặp một vị Tăng, nói chuyện với nhau như quen biết đã lâu. Nhìn kỹ thấy ánh sáng con mắt Tăng ấy chói ngời. Cùng đi chung đến một con sông, nhầm lúc mực nước sông dâng cao nên phải chống trượng dừng lại. Tăng ấy rủ Sư cùng qua sông. Sư nói :

- Ông qua được thì tự qua.

Tăng ấy liền bước đi trên mặt sông giống như đi trên đất bằng, rồi quay đầu kêu Sư :

- Qua đây ! Qua đây !

Sư hét rằng :

- Ông tự liễu này (*tự liễu : chỉ tự độ mình*) ! Nếu tôi biết trước sẽ chặt chân ông.

Tăng ấy lại tán thán rằng :

- Thực là pháp khí Đại thừa, ta chẳng thể so bằng.

Nói xong liền biến mất.

Sư đến kinh đô Lạc Dương khất thực từng nhà. Có một bà lão ra cổng nói :

- Cho bao nhiêu cũng không thấy đủ !

Sư nói :

- Cụ chưa bối thí sao lại trách tôi như thế !

Bà lão cười rồi đóng cổng lại. Sư ngạc nhiên, xin được nói chuyện với bà lão. Lời bà lão cũng như phát thuốc đúng bệnh của Sư. Lát sau từ giã, bà lão bảo rằng :

- Nên đi xứ Nam Xương tham bái Mã Tổ.

Sư đến Nam Xương thì Mã Tổ đã thị tịch, liền chuyển sang Thạch Mông bái tháp Mã Tổ. Khi ấy, Bá Trượng Thiên sư đang ở nhà lá bên cạnh tháp, Sư bèn tham bái Bá Trượng, Trượng nói :

- Đường đường nguy nga từ phương nào đến ?
- Đường đường nguy nga từ Lãnh Nam đến.
- Đường đường nguy nga muốn làm việc gì ?
- Đường đường nguy nga chẳng vì việc khác.

Rồi lễ bái.

Sư hỏi : - Tông thừa từ xưa chỉ thị như thế nào ?

Trượng im lặng giây lâu.

Sư nói : - Chẳng nên bảo người đời sau dứt tuyệt đi.

Trượng nói : - Tưởng người là một con người.

Rồi bỏ đi về phòng.

Sư theo sau đi vào phòng nói :

- Ông ta đặc biệt đến đây.

Trượng nói :

- Nếu vậy thì sau này không được cô phụ ta.

Một hôm, Bá Trượng nhắc lại cái công án tái tham Mã Tổ bị hét^(*) mà Trượng ngay đó lãnh ngộ. Hoàng Bá vừa nghe kể đến đây liền le lưỡi bất giác đại ngộ.

Một hôm Bá Trượng hỏi Sư :

- Đi đâu mới về đây ?

Sư nói :

- Dưới núi Đại Hùng hái nấm mới về.

- Có gặp con hổ không ?

Sư liền kêu tiếng hổ.

Trượng cầm búa làm cái thế chém. Sư liền bụt tai Bá Trượng. Bá Trượng mỉm cười rồi về phòng liền, sau đó thương đường nói :

- Dưới núi Đại Hùng có một con hổ, các ngươi hãy để ý xem. Lão già Bá Trượng hôm nay đã đích thân bị cắn một cái.

Một hôm, Bá Trượng vì phở thỉnh (*mời tất cả chúng cùng đi làm*) đi khai khẩn ruộng về. Trượng nói:

- Khai khẩn ruộng chẳng phải dễ.

(*) Công án Bá Trượng tái tham Mã Tổ bị hét. Đang đứng bên cạnh Tổ, Tổ nhìn phất trần nơi góc thiền sàng.

Trượng nói : Tức dụng này, lìa dụng này.

Tổ nói : Người về sau sẽ mở miệng dạy người như thế nào ?

Trượng lấy phất trần dụng đứng.

Tổ nói : Tức dụng này, lìa dụng này.

Trượng treo phất trần lại chỗ cũ. Tổ bỗng oai hùng hét một tiếng lớn, khiến cho Bá Trượng diếc lỗ tai ba ngày.

- Sư nói : - Theo chúng làm việc.
 - Làm phiền dụng đạo.
 - Đâu dám từ chối lao nhọc.

Trượng hỏi : - Khai khẩn được bao nhiêu ruộng ?

Sư đem cuốc cuốc đất ba cái. Trượng liền hét, Sư bịt tai bỏ đi.

Sư ở Thiên hội Nam Tuyên, lúc đang phổ thỉnh lựa rau cải.

Tuyên hỏi : - Đi đâu ?

Đáp : - Đi lựa rau cải.

Tuyên nói : - Lấy gì để lựa ?

Sư giơ cây dao.

Tuyên nói : - Chỉ biết làm khách, chẳng biết làm chủ.

Sư lấy dao điểm ba cái.

Tuyên nói : - Đai chúng lựa cải đi.

Một hôm, Sư bụng bát đến chỗ tòa của Nam Tuyên ngồi.

Tuyên nhìn thấy hỏi : - Trưởng lão hành đạo từ năm nào ?

Sư nói : - Trước Oai Âm Vương.

Tuyên nói : - Vẫn còn là con cháu của ta. Đi xuống đi!

Sư bèn qua cái ghế thứ nhì ngồi, Tuyên bèn thôi.

Một hôm Tuyên nói : - Lão Tăng có một bài ca

chăn trâu, xin Trưởng lão xuống họa.

Sư nói : - Ta đã có thầy rồi.

Sư từ giã Nam Tuyên. Tuyên đưa đến cửa, chỉ cái nón của Sư nói :

- Thân của Trưởng lão lớn vô hạn mà cái nón thì nhỏ quá đi !

Sư nói : - Mặc dầu như thế mà đại thiên thế giới trọn ở trong đó.

Tuyên nói : - Còn cụ già này chứ !

Sư đội nón đi liền.

Sư ở thiền hội Diêm Quan, đang lễ Phật trên chánh điện, có Sa-di (sau này là vua Đường Tuyên Tông) hỏi:

- Chẳng chấp cầu Phật, chẳng chấp cầu Pháp, chẳng chấp cầu Tăng, Trưởng lão lễ Phật để cầu cái gì ?

Sư nói : - Chẳng chấp cầu Phật, chẳng chấp cầu Pháp, chẳng chấp cầu Tăng, việc thường lễ bái như thế.

Sa-di nói : - Cần lễ làm chi ?

Sư bèn bặt tai.

Sa-di nói : - Thô lỗ quá thế.

Sư nói : - Đây là chỗ gì mà nói thô nói tế !

Rồi bặt tai nữa.

Sư từng ẩn trong chúng chùa Khai Nguyên ở Hồng Châu. Một hôm có Thừa tướng Bùi Hữu vào chùa

thấy bức tranh trên vách hỏi chủ chùa : - Đây là gì ?

Chủ chùa đáp : - Chân dung của cao Tăng.

Hữu nói : - Chân dung thì thấy rồi, còn cao Tăng ở đâu ?.

Chủ chùa không trả lời được. Hữu hỏi :

- Ở đây có Thiên giả nào không ?.

Đáp : - Gần đây có một Tăng đến chùa công quả giống như Thiên giả.

Hữu liền xin gấp và nói rằng :

- Hữu vừa có một câu hỏi mà chưa được ai trả lời, xin Thượng nhân đáp giùm.

Sư nói : - Xin Thừa tướng cứ hỏi.

Hữu hỏi lại câu hỏi trước. Sư lớn tiếng gọi :

- Bùi Hữu !

Hữu : - Dạ.

Sư nói : - Ở đâu ?.

Hữu ngay đó ngộ ý chỉ như được hạt châu quý, liền mời Sư về dinh rồi đánh lễ xin làm đệ tử.

Một hôm Hữu bưng một tượng Phật quỳ trước mặt Sư, xin Sư đặt tên.

Sư gọi : - Bùi Hữu !

Hữu : - Dạ.

Sư nói : - Đã đặt tên xong.

Hữu lễ bái.

Một hôm khác Hữu mời Sư đến dinh đem một tác

phẩm của mình để trình cho Sư. Sư nhận xong để một bên tòa không mở ra xem, im lặng giây lâu rồi hỏi :

- Hiểu không ?

Hưu nói : - Chưa hiểu.

Sư nói :

- Nếu hiểu liền như thế này còn tốt một chút. Nếu mà trình bày nơi giấy mực thì đâu còn Thiền tông ta.

Hưu do đó tặng một bài thơ rằng :

Từ khi Đại sĩ truyền tâm ấn.

Trán có viền chau, bảy thước thân.

Trụ tích mười năm ở Thực Thủy.

Hôm nay hành cước đến Chương Tân.

Một ngàn long tượng theo cao túc.

Vạn lý hương hoa kết thăng nhân.

Muốn xin lễ Sư làm đệ tử.

Chẳng biết đem pháp phó hà nhân (người nào) ?

Sư cũng không tỏ vẻ mừng.

Một hôm có sáu người mới đến. Năm người đánh lẽ, một người thì đem tọa cụ phác ra một tướng tròn.

Sư nói : - Ta nghe có một con chó săn rất ác.

Tăng ấy nói :

- Tìm tiếng Linh Dương đây (*Linh Dương là loại thú ở núi sâu, giống con hươu và cũng giống con dê, rất khó tìm tông tích !*)

Sư nói : - Linh Dương chẳng tiếng cho người tìm.

Tăng nói : - Tìm dấu Linh Dương đây !

Sư nói : - Linh Dương chẳng dấu cho người tìm.

Tăng nói : - Tìm tích Linh Dương đây !

Sư nói : - Linh Dương chẳng tích cho người tìm.

Tăng nói : - Vậy là Linh Dương chết.

Sư bèn thôi. Sáng hôm sau, Sư thăng tòa nói :

- Tăng tìm Linh Dương hôm qua ra đây !

Tăng ấy ra. Sư nói : - Công án hôm qua chưa xong mà lão Tăng đã thôi. Ý người thế nào ?

Tăng chẳng thể trả lời.

Sư nói : - Tưởng là một Tăng xuất sắc, ai dè chỉ là một sa môn nghĩa học (tức là giải nghĩa theo lời văn).

Rồi đánh đập đuổi ra.

Một hôm Sư bóp nắm tay rồi nói :

- Lão Hòa thượng khắp thiên hạ đều ở trong này.

Nếu ta buông thả một đường chỉ thì tùy ý người tung hoành bốn phương. Nếu ta chẳng buông thả thì luôn cả cái bóp tay cũng không còn.

Tăng hỏi : - Khi buông thả một đường chỉ là thế nào ?

Sư nói : - Tung hoành bốn phương.

Hỏi : - Lúc chẳng buông thả thì luôn cả cái bóp tay cũng không còn là thế nào ?

Đáp : - Phổ (nghĩa là cũng khắp mọi nơi).

Sư thương đường, đại chúng mới vừa tụ tập, Sư lấy gậy đánh đập giải tán, rồi lại kêu : - Đại chúng !

Chúng quay đầu lại thì Sư nói :

- Mặt trăng cong như cung, mưa ít mà gió nhiều.

Hỏi : - Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ đến ?

Sư bèn đánh.

Một hôm thượng đường, đại chúng vân tập.

Sư nói : - Các ngươi muốn cầu cái gì ?

Rồi dùng cây gậy đuổi ra. Đại chúng không chịu giải tán. Sư ngồi lại nói :

- Các ngươi đều là kẻ say rượu. Hành cước như thế này sẽ bị người ta cười, mà hễ thấy nơi có chúng đông tám trăm, một ngàn thì chui vào, chẳng phải ham chỗ náo nhiệt hay sao ? Khi ta hành cước, gặp trong đám cổ có một vị nào liền cho một dùi trên đỉnh đầu xem họ nếu biết đau ngứa thì cung kính đem gạo cúng đường, đâu phải như các người hành cước dễ dàng như thế, làm sao được việc ngày nay (*kiến tánh*) ? Các người đã xứng là người hành cước cũng phải phấn khởi tinh thần một chút. Các ngươi còn biết trong nước Đại Đường không có Thiền sư chẳng ?

Khi ấy có Tăng hỏi :

- Các nơi đều có Tôn túc tụu chúng khai thị giáo hóa. Tại sao lại nói không có Thiền sư ?

Sư nói : - Chẳng phải nói là không có thiền, chỉ nói là không có Sư. Các ông tham thiền không nhìn thẳng chỗ hầm sâu vô minh, chỉ biết học theo ngôn ngữ để ghi nhớ chất đầy trong bụng, rồi đi khắp nơi

tự xưng ta hiểu thiền. Hiểu thiền như thế có giải quyết được việc sanh tử của các ông chǎng ? Cần phải nỗ lực tham cứu chớ nên uổng qua một đời, bị người ta cười. Nếu ngộ thì ngay đó ngộ, nếu không ngộ thì cứ tham đi.



Sư khai thị cho Bùi Công Mỹ rằng :

- Chư Phật với tất cả chúng sanh chỉ là một tâm, chǎng có pháp khác. Tâm này từ vô thí đến nay chưa từng sanh chưa từng diệt, chǎng xanh chǎng vàng, vô hình vô tướng, chǎng thuộc hữu vô, chǎng phải mới cũ, không dài không ngắn, không lớn không nhỏ, siêu việt tất cả hạn lượng, tên gọi, dấu tích, đối đai. Vật nào ngay bản thể đó là phải, động niệm liền sai. Cũng như hư không chǎng có biên giới, chǎng để đo lường, chỉ một tâm này tức là Phật. Phật với chúng sanh chǎng có sai biệt mà chúng sanh thì chấp tướng hướng ngoại tìm cầu. Tìm cầu trở thành lạc lối, đem Phật tìm Phật, dùng tâm bắt tâm, trọn đời suốt kiếp cũng chǎng đắc được, chǎng biết ngưng niệm dứt tướng thì Phật tự hiện tiền. Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sanh, lúc làm chúng sanh tâm này chǎng bớt, lúc làm chư Phật tâm này chǎng thêm, cho đến lục độ, vạn hạnh hằng sa công đức vốn tự đầy đủ, chǎng nhờ tu tập. Gặp duyên thì làm, hết duyên thì thôi. Nếu chǎng quả quyết tin tự tâm Phật này mà muốn chấp tướng tu hành để cầu công dụng đều là

vọng tưởng, đều trái với đạo. Tâm này tức là Phật, chẳng còn Phật khác, cũng chẳng tâm khác. Tâm này sáng tỏ trong sạch như hư không, chẳng có tướng mạo. Nếu cùi tâm động niệm liền trái pháp thể, gọi là chấp tướng. Từ vô thi đến nay chẳng có Phật chấp tướng. Nếu tu lục độ, vạn hạnh muốn cầu thành Phật tức là thứ lớp. Từ vô thi đến nay chẳng có Phật thứ lớp. Hễ ngộ được tâm này thì không có một mảy may pháp để dắc, ấy tức là chân Phật, Phật với chúng sanh tất cả không khác. Cũng như hư không chẳng tạp nhiễm chẳng hủy hoại, như mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ, khi mặt trời lên sáng khắp thiên hạ, hư không chưa từng sáng, khi mặt trời lặn tối khắp thiên hạ, hư không chưa từng tối. Cái cảnh sáng tối tự đoạt lẫn nhau mà tánh của hư không thì rõ ràng chẳng biến đổi. Phật và chúng sanh tâm cũng như thế.

Nếu xem tướng Phật cho là thanh tịnh, quang minh, giải thoát, xem tướng chúng sanh cho là ô trược, ám muội, sanh tử, nếu hiểu theo như thế thì trải qua hằng sa kiếp cũng chẳng dắc Bồ-đề, tại vì chấp tướng. Thực ra chỉ có một tâm này, không có một chút pháp bằng vi trần cho mình dắc được. Tức tâm là Phật, người học đạo đời nay chẳng ngộ tâm thế này, cứ ở nơi tâm sanh tâm, hướng bên ngoài cầu Phật, chấp theo tướng tu hành, đều là pháp tà, chẳng phải đạo Bồ-đề.

Nói cúng dường mười phương chư Phật không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm. Tại sao ? Kẻ vô tâm là vô tất cả tâm, chẳng phải tuyệt không. Cái bản thể như hư, bên trong như gỗ đá chẳng lay chẳng động, bên ngoài như hư không, chẳng nghẽn chẳng ngại, vô năng sở, vô phương sở, vô tướng mạo, vô đắc thất. Kẻ tu chẳng dám vào pháp này, e sợ đọa vào rỗng không chẳng chỗ đứng chân, nên cảm thấy khó, rồi lui sụt. Trái lại đều rộng cầu tri kiến, cho nên kẻ cầu tri kiến thì rất nhiều, kẻ ngộ đạo thì rất ít.

Nói Văn Thủ là xứng với lý, nói Phổ Hiền là xứng với hạnh, nói lý là lý chân không vô ngại, nói hạnh là hạnh lìa tướng vô tận.



Quan Âm xứng với Đại từ, Thế Chí xứng với Đại trí. Duy Ma Cật dịch là Tịnh Danh. Tịnh là tánh, Danh là tướng, tánh tướng chẳng khác nên gọi là Tịnh Danh.

Những biểu hiện của chư đại Bồ-tát, con người đều sẵn có, thật chẳng lìa một tâm này, hễ ngộ thì đủ. Nay người học đạo chẳng hướng ngay tự tâm mà ngộ lại ở bên ngoài lấy cảnh chấp tướng đều trái với đạo.

Phật nói hằng hà sa, sa túc là cát, chư Phật, Bồ-tát, Thích Phạm, chư Thiên đi qua cát cũng không vui; trâu, dê, trùng, kiến bò qua cát cũng không giận. Châu báu, hương thơm cát cũng không tham, phẩn, nước tiểu hôi thối cát cũng không ghét. Dụ như tâm này, tức cái tâm của vô tâm, lìa tất cả tướng, chúng sanh chư Phật

chẳng có khác biệt, hễ được vô tâm thì đến cứu kính. Người học đạo nếu chẳng ngay đó vô tâm, dù nhiều kiếp tu hành cũng chẳng thành đạo, vì bị công hạnh của Tam thừa trói buộc chẳng được giải thoát. Nhưng chứng ngộ tâm này có nhanh chậm, có kẻ nghe pháp trong một niệm liền được vô tâm, có kẻ đến Thập địa mới được vô tâm. Lâu mau cũng phải đến vô tâm mới xong (*chẳng phải tuyệt không*). Lúc ấy mới biết vô tu vô chứng, thật vô sở đắc. Sự chân thật bất hư trong một niệm mà được với Thập địa mới được, công dụng bằng nhau, không có sâu cạn, chỉ là trải qua nhiều kiếp uổng chịu lao nhọc mà thôi. Tạo ác tạo thiện đều là chấp tướng. Chấp tướng tạo ác thì uổng chịu luân hồi, chấp tướng tạo thiện thì uổng chịu lao nhọc, đều không bằng ngay đó tự nhận lấy bản pháp. Pháp này tức tâm, ngoài tâm chẳng pháp, tâm này tức pháp, ngoài pháp chẳng tâm. Tâm tự vô tâm, cũng chẳng có kẻ vô tâm, nếu đem tâm làm cho vô tâm thì tâm lại thành có. Kẻ ngộ dứt tuyệt tư nghì, chỉ mặc khế (*Âm thầm khế ngộ*) mà thôi, nên nói “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt” (*Đường ngôn ngữ dứt, nơi suy nghĩ diệt*). Bốn nguyên của tâm này vốn thanh tịnh, chư Phật, Bồ-tát, Trời, Người cho đến sâu bọ hàm linh, bản thể Phật tánh đều chẳng khác, chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo đủ thứ nghiệp, trên bản thể Phật tánh thật chẳng một vật, miễn cưỡng nói là hư không tịch tịnh, minh diệu an lạc mà thôi.

Nếu tự ngộ nhập thì ngay đó đây đủ chẳng gì thiếu sót, dẫu cho trải qua vô số kiếp tinh tấn tu hành được nhiều quả vị, khi một niệm chứng đắc chỉ chứng bốn lai tự tánh Phật, hướng thượng chẳng thêm được một vật, khi ấy trở lại xem công dụng của nhiều kiếp đều là việc vọng trong chiêm bao, nên Như Lai nói : “Ta ở nơi Vô thượng Bồ-đề thật vô sở đắc. Nếu có sở đắc thì Nhiên Đăng Phật không thọ ký cho ta thành Phật”.

Hỏi : - Thế nào là Phật ?

Sư nói : - Tâm người là Phật, Phật tức là tâm. Tâm với Phật chẳng khác nên nói tức tâm, tức Phật. Nếu lìa nơi tâm thì chẳng có Phật nào khác.

Hỏi : - Nếu tự tâm là Phật, Tổ Sư từ Ấn Độ đến truyền thọ như thế nào ?

Đáp : - Tổ Sư đến chỉ truyền tâm Phật, chỉ thảng tâm của các người vốn là Phật. Tâm tâm chẳng khác nên gọi là Tổ. Nếu ngay đó thấy ý này tức đốn siêu tam thừa. Tất cả quý vị bản tâm là Phật, chẳng nhờ tu mới thành.

Hỏi : - Nếu như thế mười phương chư Phật ra đời thuyết pháp gì ?

Đáp : - Mười phương chư Phật ra đời chỉ cùng thuyết một tâm pháp, cho nên Phật mật phó cho Ma-ha Ca Diếp bản thể một tâm pháp này cùng hư không, khắp pháp giới. Dù gọi là giáo lý Phật pháp, cái pháp này đâu phải cho người ở trên lời nói mà hiểu được nó, cũng không thể ở trên một cơ một cảnh

mà thấy được nó. Kẻ ngộ chỉ là mặc khế ý này. Môn này gọi là pháp môn vô vi, nếu muốn hiểu chỉ cần vô tâm, bỗng ngộ liền được. Nếu dùng tâm muốn học lấy thì lại càng xa cách. Nếu chẳng có tâm đi đường té, chẳng có tất cả tâm thủ xả, tâm như gỗ đá, mới có phần học đạo.

Hỏi : - Hiện có đủ thứ vọng niệm đâu thể nói vô ?

Đáp : - Vọng vốn chẳng bản thể, chỉ do tâm người sở khởi. Người nếu biết tâm là Phật thì tâm vốn chẳng vọng, đâu thể khởi tâm nhận là vọng. Người nếu chẳng sanh tâm động niệm, tự nhiên chẳng vọng. Cho nên nói tâm sanh thì mỗi mỗi pháp sanh, tâm diệt thì mỗi mỗi pháp diệt.

Hỏi : - Ngay khi đang khởi vọng niệm thì Phật ở đâu ?

Đáp : - Ngay khi người giác vọng khởi, giác chính là Phật. Hễ không có vọng niệm thì Phật cũng không. Tại sao như thế ? Vì người sanh khởi kiến chấp có Phật thì nói có Phật để thành, sanh khởi kiến chấp có chúng sanh thì nói có chúng sanh để độ. Khởi tâm động niệm đều là chỗ tri kiến của người. Nếu chẳng có tất cả tri kiến thì Phật đâu có xứ sở. Cũng như Văn Thù mới sanh khởi Phật kiến, Pháp kiến liền bị dày đi hai núi Thiết-vi.

Hỏi : - Nay ngay khi ngộ thì Phật ở đâu ?

Đáp : - Cái hỏi từ đâu đến ? Cái giác từ đâu khởi ? Động tịnh nói nín, tất cả thanh sắc đều là Phật sự,

còn nơi nào tìm Phật ? Đâu thể trên đâu lại thêm đâu, trên miệng lại thêm miệng. Nếu chẳng sanh tri kiến khác biệt thì núi là núi, sông là sông, Tăng là Tăng, tục là tục. Sơn hà đại địa, nhật nguyệt tinh tú, trọn chẳng ở ngoài tâm ngươi. Đại thiên thế giới đều là cái tự kỷ của ngươi, chỗ nào còn vật này vật nọ ? Ngoài tâm chẳng pháp, đầy mắt núi xanh. Cả hư không thế giới rõ ràng chẳng có mảy may để cho ngươi làm kiến giải. Nên nói tất cả thanh sắc đều là Huệ nhãnh của Phật.

Pháp chẳng tự khởi, nhờ cảnh mới sanh. Vì tiếp vật độ sanh mới nói có nhiều trí huệ. Thực ra suốt ngày nói đâu từng nói, suốt ngày nghe đâu từng nghe, cho nên Phật Thích Ca bốn mươi chín năm thuyết pháp chưa từng nói một chữ là vậy.

Hỏi : - Nếu như thế chỗ nào là Bồ-đề ?

Đáp : - Bồ-đề chẳng có chỗ. Phật cũng chẳng đắc Bồ-đề, chúng sanh cũng chẳng có chỗ mất Bồ-đề. Chẳng thể dùng thân đắc, chẳng thể dùng tâm cầu. Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề.

Hỏi : - Làm sao phát Bồ-đề tâm ?

Đáp : - Bồ-đề vô sở đắc, nay ngươi hãy phát tâm vô sở đắc, quyết định chẳng đắc một pháp tức là Bồ-đề tâm. Bồ-đề chẳng có chỗ trụ cho nên chẳng có kẻ đắc, nên Phật Thích Ca nói : “Ta ở nơi Phật Nghiêm Đăng chẳng có chút pháp nào để đắc mới được thọ ký thành Phật”. Đã biết rõ tất cả chúng sanh vốn là Bồ-đề,

không nên lại đắc thêm Bồ-đề. Nay người nghe nói phát Bồ-đề tâm thì muốn dùng tâm đi học để thành Phật, dẫu cho người trải qua ba vô số số kiếp tu cũng chỉ được cái Báo thân, Hóa thân Phật, còn đối với cái bản nguyên tự tánh Phật của người, chẳng dính dáng gì cả. Nên nói cầu Phật hữu tướng bên ngoài đâu bằng Phật của chính người.

Lại nói pháp ấy bình đẳng chẳng có cao thấp gọi là Bồ-đề. Chính cái tâm bốn nguyên thanh tịnh này với chúng sanh, chư Phật, thế giới sơn hà, hữu tướng, vô tướng, khắp mười phương cõi, tất cả bình đẳng, chẳng có tướng ta, tướng người. Cái tâm bốn nguyên thanh tịnh này thường tự tròn đầy sáng tỏ chiếu soi khắp nơi, người đời chẳng ngộ, chỉ nhận kiến, văn, giác, tri là tâm, bị kiến, văn, giác, tri che khuất, cho nên chẳng thấy cái bản thể tinh diệu sáng tỏ. Nếu ngay đó vô tâm thì bản thể tự hiện như mặt trời trên hư không chiếu khắp mười phương chẳng gì chướng ngại. Người học đạo chớ nên chỉ nhận kiến, văn, giác, tri động tác làm việc, cho đó là tâm, cũng chớ nên bỏ hẳn kiến, văn, giác, tri khiến cho đường tâm bị bí tuyệt chẳng có chỗ nhập. Hãy ngay nơi kiến, văn, giác, tri nhận bản tâm, nhưng bản tâm chẳng thuộc kiến, văn, giác, tri cũng chẳng lìa kiến, văn, giác, tri. Chớ nên ở nơi kiến, văn, giác, tri sanh khởi kiến giải, nghĩa là chớ ở nơi kiến, văn, giác, tri động niệm. Cũng chớ lìa kiến, văn, giác, tri tìm tâm, cũng chớ bỏ

kiến, văn, giác, tri lấy pháp. Bất tức bất ly, chẳng trụ chẳng chấp, tung hoành tự tại đều là đạo tràng.

Nếu muốn biết yếu quyết chỉ cần ở nơi tâm chớ dính mắc một vật. Kinh nói chân Pháp thân của Phật cũng như hư không, ấy là dụ Pháp thân tức hư không, hư không tức Pháp thân. Người thường cho Pháp thân khắp nơi hư không, nói trong hư không hàm chứa Pháp thân, chẳng biết Pháp thân tức là hư không, hư không tức là Pháp thân vậy. Nếu nhất định nói có hư không, hư không chẳng phải Pháp thân, nếu nhất định nói có Pháp thân, Pháp thân chẳng phải hư không, ấy là bệnh lớn. Khi thấy hư không chớ cho là hư không, hư không tức Pháp thân, nhưng cũng chớ chấp cho là Pháp thân. Vì Pháp thân tức hư không, hư không với Pháp thân chẳng khác tướng, Phật với chúng sanh chẳng khác tướng, sanh tử với Niết-bàn chẳng khác tướng, phiền não với Bồ-dề chẳng khác tướng. Lìa tất cả tướng tức là Phật.

Phàm phu chấp cảnh, ngoại đạo chấp tâm, tâm cảnh đều quên, mới là chân pháp. Quên cảnh còn dễ, quên tâm rất khó. Người thường chẳng dám quên tâm, e sợ đọa vào rỗng không, chẳng chỗ đứng chân. Chẳng biết không vốn chẳng không, chỉ là nhất chân pháp giới mà thôi.

Hỏi : - Thấy tánh là như thế ?

Đáp : - Tánh tức là thấy, thấy tức là tánh, chẳng thể lấy tánh thấy thêm tánh. Nghe tức là tánh, chẳng

thể lấy tánh nghe thêm tánh. Chỉ vì ngươi cho là có cái tánh thấy, nghe, tánh ấy nǎng thấy, nǎng nghe, nên mới có những pháp đồng, dị sanh khởi.

Kinh nói rõ ràng cái sở thấy đó chính là tánh ngươi rồi, chẳng thể thấy nữa, nếu thấy nữa tức là ngươi ở trên đầu lại sanh thêm đầu. Trong Kinh nói rõ ràng đủ thứ hạt châu, trong mâm lớn thì tròn theo lớn, nhỏ thì tròn theo nhỏ, mỗi mỗi chẳng biết nhau, mỗi mỗi chẳng ngại nhau. Những hiện tượng thế giới lúc khởi chẳng nói ta khởi, lúc diệt chẳng nói ta diệt, cho nên tứ sanh, lục đạo chưa có pháp nào chẳng trụ như thời.

LƯỢC GIẢI

Tứ sanh lục đạo chưa có pháp nào chẳng trụ như thời :

Kinh Pháp Hoa nói :

**Pháp đó trụ ngôi pháp
Thế gian tướng thường trụ.**

Nghĩa là pháp nào trụ theo ngôi pháp đó, cũng như pháp sanh trụ ngôi sanh, pháp diệt trụ ngôi diệt. Tướng thế gian sanh diệt từng sát na, những pháp sanh diệt ấy trụ theo thời điểm của sát na đó, cho nên nói “Chưa có pháp nào chẳng trụ như thời”.



Lại chúng sanh chẳng thấy Phật, Phật chẳng thấy chúng sanh, Tứ quả chẳng thấy Tứ hướng^(*), Tứ hướng

^(*) *Tứ hướng* : Từ nhân hướng đến quả gọi là hướng, như từ sơ cơ hướng đến sơ quả, từ sơ quả hướng đến nhị quả, nhị quả hướng đến tam quả, tam quả hướng đến tứ quả, gọi là tứ hướng.

chẳng thấy Tứ quả, Tam hiền, Thập thánh chẳng thấy
Đảng giác Diệu giác, Đảng giác Diệu giác chẳng thấy
Tam hiền Thập thánh, cho đến thủy chẳng thấy hỏa,
hỏa chẳng thấy thủy, địa chẳng thấy phong, phong
chẳng thấy địa, chúng sanh chẳng nhập pháp giới,
chư Phật chẳng xuất pháp giới, cho nên pháp tánh
chẳng khứ lai, chẳng nascere. Tánh đã như thế vì sao
còn nói ta thấy ta nghe ?

Thiện tri thức thuyết pháp cho ta, chư Phật ra
đời thuyết pháp cho chúng sanh, đều muốn chúng ta
ngay đó khép độ tánh này. Ca Chiên Diên chỉ vì
dùng tâm sanh diệt để truyền pháp thực tướng nên
bị Duy Ma Cật quở. Kinh nói rõ ràng tất cả pháp
vốn chẳng có trói đâu cần mở nó, vốn chẳng có
nhiễm đâu cần tịnh nó. Nên nói : “Thực tướng như
thế há có thể thuyết ư !”.

Nay ngươi chỉ tự lập tâm thi phi, tâm nhiễm tịnh,
học được một tri một giải, đi dạo khắp thiên hạ tự đắc
khoe tài, gặp ai cũng muốn làm thầy cho họ. Thực ra
thì ai có tâm có mắt, ai mạnh ai yếu ? Nếu chấp như
thế thì cách xa như trời với đất, còn nói gì thấy tánh !

Hỏi : - Đã nói tánh tức thấy, thấy tức tánh, thế thì
tánh tự chẳng chướng ngại, chẳng giới hạn. Tại sao
cách vật thì không thấy ? Lại ở nơi hư không, gần thì
thấy, xa thì không thấy, ấy là tại sao ?

Đáp : - Ấy là vọng sanh dị kiến (*cái thấy có khác*)
của ngươi. Nếu nói cách vật chẳng thấy, hoặc thấy có

xa gần, thì nói bản tánh có cách ngại. Thật ra đều chẳng dính dáng, vì bản tánh phi kiến phi bất kiến, pháp cũng phi kiến phi bất kiến. Nếu người thấy bản tánh cùng khắp không gian thời gian thì ở đâu chẳng phải bản tánh của người. Cho nên lục đạo, tứ sanh, sơn hà, đại địa, đều là tánh thể trong sạch sáng tỏ của người. Nên nói thấy sắc thì thấy tâm, sắc tâm chẳng khác. Chỉ vì chấp tướng đuổi theo kiến, văn, giác, tri mới bị chuồng ngại. Nếu xóa bỏ vật trước mắt mới cho là chứng đắc, ấy là đọa vào kiến giải y thông (*dựa theo thân thông*) của người Nhị thừa. Còn nói trong hư không, gần thì thấy xa thì chẳng thấy, ấy là thuộc về ngoại đạo. Kinh nói rõ ràng : “Chẳng trong cũng chẳng ngoài, chẳng gần cũng chẳng xa”. Gần mà chẳng thể thấy ấy là tánh của vạn vật (*như lông mi ở sát ngay mắt mà mắt không thấy*). Gần còn chẳng thể thấy huống là nói xa mà chẳng thấy, vậy có ý nghĩa gì đâu ?

- Phật hết sạch vô minh chẳng ?

Đáp : - Vô minh tức là chỗ đắc đạo của tất cả chư Phật. Cho nên nói duyên khởi là đạo tràng, vì có vô minh mới có đắc đạo. Sở thấy một trần một sắc đều hợp với lý tánh vô biên, giờ chân đặt chân chẳng lìa đạo tràng. Nói đạo tràng tức là vô sở đắc, ta nói với người ngay cái vô sở đắc đó gọi là tọa đạo tràng.

Hỏi : - Nói vô minh là sáng hay là tối ?

Đáp : - Chẳng sáng chẳng tối. Sáng tối là pháp

sanh diệt, vô minh lại chẳng sáng cũng chẳng tối. Nói chẳng sáng vì tự tánh vốn minh, do chấp tâm sanh ra phân biệt mới có minh với vô minh. Lời nói chẳng sáng chẳng tối này đã nhiễu loạn biết bao nhiêu con mắt của thiên hạ ! Nên Kinh nói : “Giả sử khắp thế gian, đều như Xá Lợi Phất, tận sức cùng suy lường, chẳng thể thấu trí Phật”.

Trí huệ Phật là trí huệ vô ngại, siêu việt hư không, chẳng có chỗ cho người luận bàn. Cũng như đại thiên thế giới rất rộng lớn có một Bồ-tát chỉ bước một bước thì qua khỏi, nhưng cũng chẳng ra khỏi một lỗ chân lông của Phổ Hiền. Vậy người nay lấy bản lĩnh gì mà muốn học nó !

Hỏi: - Đã là học không được tại sao còn nói “Về cội tánh chẳng hai, phương tiện có nhiều lối” là thế nào?

Đáp : - “Về cội tánh chẳng hai” nghĩa là : thực tánh của vô minh tức là Phật tánh. “Phương tiện có nhiều lối” nghĩa là : Sở thấy của bậc Thánh có nhiều lối khác nhau, bậc Thanh-văn thấy vô minh sanh vô minh diệt, bậc Duyên-giác chỉ thấy vô minh diệt chẳng thấy vô minh sanh, niệm niệm chứng tịch diệt, còn chư Phật thì thấy chúng sanh suốt ngày sanh mà vô sanh, suốt ngày diệt mà vô diệt, vô sanh vô diệt tức là quả Đại thừa, cho nên nói : “Quả mãn Bồ-dề viên, hoa khai thế giới khởi”.

Giở chân là Phật, đặt chân là chúng sanh. Nói chư

Phật lưỡng túc tôn nghĩa là lý túc, sự túc, chúng sanh túc, sanh tử túc, tất cả đều túc. Túc nên chẳng cầu, nay ngươi niệm niệm muốn học Phật túc là chê bai chúng sanh. Nếu chê bai chúng sanh túc là phỉ báng mười phương chư Phật. Cho nên Phật ra đời cầm đồ trừ phẩn để trừ phẩn của hý luận, chỉ là bảo ngươi trừ bỏ cái tâm ham học ham thấy từ xưa nay. Hễ trừ hết sạch thì chẳng đọa hý luận, cũng gọi là đem phẩn ra, nghĩa là bảo ngươi chẳng sanh tâm. Tâm nếu chẳng sanh tự nhiên thành người đại trí, quyết định chẳng phân biệt Phật với chúng sanh. Tất cả đều chẳng phân biệt mới được vào cửa Tào Khê ta. Nên bậc Thánh nói : “Nếu hành pháp môn ta, phải biết ta lấy vô hành làm pháp môn của ta. Pháp môn này gọi là nhất tâm môn (*cửa một tâm*). Mọi người đến cửa này đều chẳng dám vào nên chẳng đắc đạo. Chẳng phải không ai đắc chỉ là ít người đắc. Kẻ đắc tức là Phật”.

Người học đạo trước tiên nên bỏ các duyên tạp học quyết định chẳng cầu, quyết định chẳng chấp, nghe pháp thâm sâu giống như gió thoảng qua lỗ tai, qua rồi thì thôi chẳng truy tầm nữa, ấy mới gọi là thâm sâu. Tức là vào Như Lai thiền, lìa “sanh Thiền tưởng” (*sanh tâm cho là thiền gọi là sanh Thiền tưởng*). Tổ Sư từ xưa nay chỉ truyền một tâm, chẳng có hai Phật, chỉ thẳng tâm ngươi tức là Phật, đốn siêu Đẳng giác Diệu giác. Chỉ một tâm bản niệm, quyết định chẳng ra niệm thứ hai mới vào được thiền môn ta. Pháp vốn

như thế, các ngươi đối với chỗ này tính làm sao mà học ? Cho nên nói “Khi tâm mong cầu thì bị ma của tâm mong cầu trói buộc, khi tâm chẳng mong cầu lại bị ma của tâm chẳng mong cầu trói buộc”. Ma chẳng từ ngoài đến, từ tự tâm ngươi ra. Chỉ có Bồ-tát vô thần thông dấu tích chẳng thể tìm. Trong bất cứ lúc nào, nếu tâm cho là thường túc là ngoại đạo thường kiến, nếu xem tất cả pháp không, trụ nơi không kiến, túc là ngoại đạo đoạn kiến. Cho nên nói “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, ấy là còn đối với người tà kiến ngoại đạo mà nói. Nếu nói Pháp thân là quả cùng tột, ấy còn là đối với tam Hiền thập Thánh mà nói. Nên Phật phải đoạn dứt hai thứ ngu, một là vi tế sở tri ngu, hai là cực vi tế sở tri ngu. Phật đã như thế còn nói gì đến Đẳng giác, Diệu giác nữa.

Nay mọi người chỉ muốn sáng, không muốn tối, chỉ muốn cầu ngộ không muốn phiền não vô minh, cứ cho Phật là giác, chúng sanh là vọng. Nếu sanh kiến giải như thế thì muôn ngàn kiếp phải chịu luân hồi lục đạo không thể đoạn dứt được. Tại sao vậy ? Vì phi báng bổn nguyên tự tánh của chư Phật. Kinh nói rõ ràng : “Phật cũng chẳng sáng, chúng sanh cũng chẳng tối, vì pháp chẳng sáng tối, Phật cũng chẳng mạnh, chúng sanh cũng chẳng yếu, vì pháp chẳng mạnh yếu, Phật cũng chẳng trí, chúng sanh cũng chẳng ngu, vì pháp chẳng trí ngu”. Tất cả chỉ vì ngươi tự đắc khoe tài, ló đầu ra cho là hiểu thiền hiểu đạo, không biết

rằng mở miệng ra liền mắc bệnh, chẳng nói gốc chỉ nói ngọn, chẳng nói mê chỉ nói ngộ, chẳng nói thể chỉ nói dụng. Thật ra đâu có chỗ để cho người luận bàn, vì tất cả pháp xưa vốn chẳng có, nay cũng chẳng không, duyên khởi chẳng có, duyên diệt chẳng không. Bản thể cũng chẳng có, vì bản thể tức phi bản thể, tâm cũng chẳng tâm, vì tâm tức phi tâm, tướng cũng chẳng tướng, vì tướng tức phi tướng. Cho nên nói : “ Vô pháp vô bản tâm, mới hiểu tâm tâm pháp, pháp tức phi pháp, phi pháp tức pháp, vô pháp vô phi pháp, nên gọi tâm tâm pháp”.

Thình lình sanh khởi một niệm liễu tri như huyễn như hóa, liền chảy vào Phật quá khứ. Phật quá khứ lại chẳng có, Phật vị lai lại chẳng không, lại cũng chẳng gọi là Phật vị lai. Hiện tại niệm niệm chẳng trụ cũng chẳng gọi là Phật hiện tại. Nếu khi chữ Phật sanh khởi không nên cho đó là giác, là mê, là thiện, là ác, không được chấp trước nó, chướng ngại nó, đoạn dứt nó. Như một niệm bỗng khởi, ngàn lớp cửa khóa khóa chẳng được, muôn sợi dây cột cột chẳng được. Nếu đã như thế sao lại còn muốn diệt nó, ngưng nó. Tổ nói rõ ràng : “Cái thức huyễn hóa của người, người làm sao tính muốn đoạn dứt nó, dụ như dương diệm^(*), người nói gần thì mười phương thế giới tìm chẳng được, người nói xa thì lúc xem lại ngay trước mắt,

^(*) Như phản ảnh của ánh sáng mặt trời giội trên mặt đất, ở xa trông như có nước, đến gần thì không có gì cả, gọi là dương diệm.

người muốn đuổi theo, nó lại rời xa, người muốn tránh nó thì nó trở lại đuổi theo người. Lấy chẳng được, bỏ cũng chẳng được”.

Nếu pháp đã như thế thì nên biết tất cả pháp tánh tự nó vốn như vậy, thì chẳng cần lo âu cho nó. Cũng như nói tiền niêm là phàm, hậu niêm là Thánh, như bàn tay trở qua lật lại, ấy còn là giáo lý cao tột của Tam thừa. Nếu theo Thiền tông ta thì tiền niêm cũng chẳng phải phàm, hậu niêm cũng chẳng phải Thánh, tiền niêm chẳng phải Phật, hậu niêm chẳng phải chúng sanh. Cho nên nói : Tất cả sắc là sắc Phật, tất cả thanh là thanh Phật. Hễ đề ra một lý thì tất cả lý đều vậy, thấy một sự là thấy tất cả sự, thấy một tâm là thấy tất cả tâm, thấy một đạo là thấy tất cả đạo. Tất cả nơi không nơi nào chẳng phải đạo. Thấy một trần như vậy thì mười phương thế giới núi sông đất đai đều vậy. Thấy một giọt nước tức là thấy tất cả nước trong mười phương thế giới.

Lại nữa, thấy tất cả pháp tức thấy tất cả tâm. Tất cả pháp vốn không, tâm thì chẳng không, chẳng không tức diệu hữu, hữu cũng chẳng hữu, chẳng hữu tức hữu, ấy là chân không diệu hữu. Nếu tất cả pháp đã như thế thì mười phương thế giới chẳng ra ngoài một tâm của ta, tất cả quốc độ cũng chẳng ra ngoài một niêm của ta. Nếu vật thì còn nói gì trong với ngoài. Cũng như tánh mật là ngọt thì tất cả mật đều vậy, chẳng thể cho mật này ngọt, mật kia đắng. Đâu

có việc như thế ! Cho nên nói : “Hư không chẳng trong ngoài, pháp tánh tự như vậy, hư không chẳng chính giữa, pháp tánh tự như vậy”. Vậy thì chúng sanh tức Phật, Phật tức chúng sanh, chúng sanh với Phật vốn đồng một thể. Sanh tử Niết-bàn, hữu vi vô vi vốn đồng một thể. Thế gian xuất thế gian cho đến lục đạo tứ sanh, sơn hà đại địa, hữu tánh vô tánh cùng đồng một thể. Dù nói là đồng nhưng danh tướng đều không, hữu cũng không, vô cũng không, hằng sa thế giới trọn là một không. Nếu pháp đã như thế thì nơi nào có Phật độ chúng sanh, nơi nào có chúng sanh được Phật độ. Tại sao vậy ? Tại tánh của vạn pháp vốn tự như vậy. Nếu cho là tự nhiên thì đọa vào ngoại đạo tự nhiên, nếu cho là vô ngã và ngã sở thì đọa vào ngôi tam Hiền thập Thánh. Nay ngươi sao lại muốn đem thước kẻ để đo lường hư không.

Tổ nói rõ ràng : “Pháp với pháp chẳng đến với nhau vì pháp tự tịch diệt. Ngay đó tự trụ, ngay đó tự chân”. Vì thân không nên gọi pháp không, vì tâm không nên gọi tánh không, thân tâm đều không nên gọi pháp tánh không. Cho đến học thuyết ngàn lối khác biệt đều chẳng lìa bản tâm của ngươi. Nay nói những danh từ Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như, Phật tánh, Nhị thừa, Bồ-tát đều là đem lá cây vàng cho là vàng ròng để lừa gạt trẻ con, cũng như nắm tay không khi mở ra thì tất cả trời người đều thấy trong bàn tay chẳng có một vật. Nên Lục Tổ nói : “Bốn lai vô nhất

vật, hà xứ nhạ trần ai”. Bổn lai đã vô vật thì tam thế (*quá khứ, hiện tại, vị lai*) vốn chẳng có, người học đạo nên thẳng tay đâm vào ngay đó ngộ ý này mới được.

Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ đến, trải qua bao nhiêu quốc độ chỉ tìm được một mình Huệ Khả mật truyền tâm ấn. Nói ấn là ấn chứng bản tâm của người, lấy tâm ấn pháp, lấy pháp ấn tâm, tâm đã như thế, pháp cũng như thế. Đồng thực tế, bằng pháp tánh, trong pháp tánh đã là không thì ai là người thọ ký, ai là người thành Phật, ai là người đắc pháp. Tổ nói rõ rằng : “Bồ-đề chẳng thể dùng thân đắc, vì thân vốn vô tướng, chẳng thể dùng tâm đắc, vì tâm vốn vô tướng, chẳng thể dùng tánh đắc, vì tánh tức là bốn nguyên tự tánh thiên chân Phật”. Nên chẳng thể đem Phật để đắc thêm Phật, chẳng thể đem vô tướng để đắc thêm vô tướng, chẳng thể đem không để đắc thêm không, chẳng thể đem đạo để đắc thêm đạo. Vốn vô sở đắc cái vô sở đắc cũng bất khả đắc, cho nên nói : “Vô nhứt pháp khả đắc”. Nếu có đắc túc là trên đầu lại mọc thêm đầu.

Nay chỉ bảo ngươi liễu đạt bản tâm, ngay khi liễu đạt rồi cũng chẳng thấy tướng liễu hay chẳng liễu. Cái pháp liễu này cũng bất khả đắc, kẻ đắc túc đắc, kẻ đắc chẳng tự biết, kẻ chẳng đắc cũng chẳng tự biết. Cái pháp như thế từ xưa đến nay đâu có mấy người được biết, nên nói “Khắp thiên hạ kẻ quên mình đâu có mấy ai”. Nay những người ở nơi một cơ một cảnh,

một kinh một giáo, một thế một thời, một danh một tự, ở trước cửa lục căn mà lãnh hội được, những người ấy so với người múa rối đâu có khác.

LƯỢC GIẢI

Chư Tổ nói “Y văn giải nghĩa tam thế Phật oan”. Vì lời nói của chư Phật, chư Tổ chỉ là phương tiện tạm thời, nghĩa là tùy bệnh cho thuốc, ý của Phật chẳng phải ở trong văn tự. Nếu cứ y theo lời văn, rồi đem ý mình (vọng tâm, mà tìm hiểu thì nghịch với ý Phật, tức là làm oan cho Phật).



Giả sử nếu có người nào chẳng ở nơi một danh một tướng lập kiến giải, thì ta nói khắp mười phương thế giới muốn tìm kẻ như người này trọn chẳng thể được, và chẳng có người thứ hai để kế thừa ngôi Tổ. Cũng nói giòng Thích Ca thuần nhất vô tạp. Nói tóm lại tất cả tự tánh sẵn đủ chớ nên tìm cầu nữa, hễ tìm cầu thì liền mất cả thể dụng của chính mình, cũng như kẻ ngu ở trên núi kêu một tiếng, nghe tiếng vang ở dưới núi đáp lại liền chạy xuống núi đi tìm, tìm không được lại kêu một tiếng nữa, nghe tiếng vang trên núi đáp lại rồi lại chạy lên núi tìm. Cứ vậy lên lên, xuống xuống tìm mãi trải qua muôn ngàn kiếp, chỉ là một người đuổi theo âm thanh, rốt cuộc thành một người lăng phí cuộc đời sanh tử của chính mình một cách oan uổng. Người phải biết vô thanh túc vô tiếng vì Niết-bàn vốn vô thanh, vô văn, vô tri, tuyệt tông tuyệt tích, kẻ được như thế mới là ở sát cạnh bên Tổ Sư.

Ngài thượng đường rắng :

- Tức tâm là Phật, trên từ chư Phật, dưới đến sâu bọ hàm linh đều có Phật tánh, đồng một tâm thể, nên Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ đến chỉ truyền một tâm pháp, chỉ thẳng tất cả chúng sanh vốn là Phật, chẳng nhờ tu hành, chỉ cần nhận lấy tự tâm, thấy tự bản tánh, chớ nên tìm cầu cái khác. Thế nào là nhận lấy tự tâm ? Cũng như cái hiện đang nói nǎng chính là tâm ngươi, nếu chẳng nói nǎng lại chẳng tác dụng thì tâm thể giống như hư không, chẳng có tướng mạo, cũng chẳng phương sở, cũng chẳng phải tuyệt không có, vì có mà chẳng thể thấy, nên Tổ Sư nói : "Tâm địa tức chân tánh, chẳng đầu cũng chẳng đuôi, ứng duyên mà giáo hóa, phương tiện gọi là tri". Nếu khi chẳng ứng duyên chẳng thể nói có hay không, đang khi ứng duyên cũng chẳng dấu tích, đã biết như thế nay chỉ cần đi theo đường vô trụ của chư Phật. Kinh nói : "Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỵ tâm".

Tất cả chúng sanh dùng ý căn phan duyên tạo tác, trôi lăn trong lục đạo, sanh tử luân hồi chẳng ngừng, uổng chịu đủ thứ khổ như Duy Ma Cật nói : "Người khó hóa độ tâm như con khỉ, phải dùng bao nhiêu thứ pháp kèm chế tâm họ rồi mới điều phục được". Nên nói tâm sanh thì mỗi mỗi pháp sanh, tâm diệt thì mỗi mỗi pháp diệt. Phải biết tất cả các pháp từ trời, người, A-tu-la cho đến địa ngục, lục đạo đều do tâm tạo, nay chỉ cần học vô tâm, các duyên bỗng ngưng, chớ sanh

vọng tưởng phân biệt, vô nhân vô ngã, vô tham sân, vô yêu ghét, vô thắng bại. Chỉ cần trừ bỏ đủ thứ vọng tưởng, bản tánh vốn tự thanh tịnh, tức là tu hành đúng theo Phật pháp, Bồ-đề v.v... Nếu chẳng ngộ ý này dẫu cho ngươi siêng năng học rộng, khổ hạnh tu tập, ăn mặc cực khổ mà chẳng nhận thức tự tâm đều gọi là hạnh tà, đều thành thiên ma ngoại đạo, thủy lục chư thần, tu hành như thế có ích lợi gì !

Bảo Chí Công nói : “Bản thể tức là tự tâm, đâu thể cầu nơi văn tự. Nay chỉ cần nhận thức tự tâm, ngưng nghỉ tư duy, vọng tưởng trần lao tự nhiên chẳng khởi”.

Duy Ma Cật nói : “Chỉ để một giường nằm bệnh dụ cho tâm chẳng khởi. Hôm nay nằm bệnh, phan duyên đều dứt, vọng tưởng tiêu diệt, tức là Bồ-đề”.

Nếu trong tâm lăng xăng tìm hiểu này nọ, dẫu cho ngươi học đến các bậc Tam thừa, Tứ quả, Thập địa, chỉ là ham ngồi trên Thánh phàm đồi dãi. Chẳng biết chư hạnh đều quy vô thường, thế lực đều có ngày tàn, cũng như bắn tên lên trên không, sức hết thì phải rơi xuống trở lại, vẫn về nơi sanh tử luân hồi. Tu hành như thế là chẳng hiểu ý Phật, uổng chịu cay đắng, sai lầm biết bao ! Bảo Chí Công nói : “Chưa gặp minh sư ra đời, oan uổng pháp thuốc Đại thừa”.

Bất cứ lúc nào, đi, đứng, nằm, ngồi, hãy học vô tâm, chẳng còn phân biệt, cũng chẳng nhờ cậy ai và dựa vào nơi nào, chẳng trụ chẳng chấp, suốt ngày

thông thả tùy duyên, ngây ngây như người khờ ngốc. Người đời trọn chẳng biết được người, người cũng chẳng cần người ta biết hay không biết. Tâm như tảng đá chẳng có chút kẽ hở, tất cả pháp thấu tâm người chẳng lọt, ngây thơ chẳng dính mắc chỗ nào, như thế mới có ít phần tương ứng, mới thấu qua được cõi tam giới, gọi là Phật ra đời. Tâm tướng vô lậu, gọi là vô lậu trí. Chẳng làm nghiệp trời, người, chẳng làm nghiệp địa ngục, chẳng khởi tất cả tâm, các duyên đều chẳng sanh, ngay thân tâm này là người tự do, không phải luôn luôn chẳng sanh, chỉ là tùy ý mà sanh. Kinh nói : “Bồ-đề có Ý sanh thân” là nghĩa này vậy. Nếu chưa ngộ vô tâm, chấp theo tướng mà tạo tác đều thuộc về nghiệp ma, cho đến làm Phật, sự nào cũng đều thành nghiệp gọi là chướng Phật, vì chướng ngại tâm người, bị nhân quả thúc, đi ở chẳng có phần tự do. Nên nói : “Các pháp Bồ-đề vốn chẳng phải có, Như Lai sở thuyết đều là lời của người huyền hóa, cũng như lá cây màu vàng cho là vàng ròng để gạt trẻ con cho nín khóc, thực chẳng có pháp gọi là Vô thượng Bồ-đề”. Nay đã ngộ ý này thì trong tâm rõ ràng là phải tẩy sạch kiến giải từ xưa nay, đâu cần bận việc lăng xăng, chỉ tùy duyên tiêu nghiệp cũ, chớ tạo thêm nghiệp mới. Kinh Pháp Hoa nói : “Trong hai mươi năm luôn luôn trừ phẩn” là trừ bỏ những kiến giải trong tâm cũng gọi là quét trừ phẩn của hý luận. Cho nên nói “Như Lai Tạng vốn tự không tịch, chẳng còn để lại một pháp nào”.

Kinh nói : “Quốc độ chư Phật cũng đều là không”, nếu nói Phật đạo do tu học mà đắc, hoặc ở nơi một cơ một cảnh nhường mày, nháy mắt, vấn đáp ăn khớp cho là khế hội, cho là chứng ngộ lý thiền, kiến giải như thế đối với Phật pháp trọn chẳng dính dáng.

Có kẻ ham làm thầy dạy người, gặp người không hiểu thì nói họ ngu không biết. Nếu họ hiểu đúng ý mình thì trong tâm liền sanh hoan hỷ. Nếu không bằng họ, bị họ hàng phục, cãi không lại họ, liền sanh tâm sân hận. Ôm tâm ý như thế để học thiền, dẫu cho người ngộ được nhiều đạo lý, ấy chỉ là đắc cái pháp tâm sở, đối với thiền đạo trọn chẳng dính dáng. Cho nên Đạt Ma xoay mặt hướng vách không cho người có chỗ thấy (kiến giải), nên nói : “Quên cơ là Phật đạo, phân biệt là ma vương”. Tánh này dẫu cho người khi mê cũng chẳng mất, khi ngộ cũng chẳng đắc, tự tánh thiền chân vốn chẳng mê ngộ. Hư không khắp mười phương cõi vốn là một tâm thể ta, dẫu cho người vận dụng tạo tác đâu thể lìa hư không. Hư không vốn chẳng lớn nhỏ, vô lậu vô vi, vô mê vô ngộ, liễu liễu kiến, vô nhất vật, cũng vô chúng sanh, vô chư Phật, cách tuyệt số lượng, chẳng có chỗ mấy may để y nhờ dính mắc.

Một dòng nước trong sạch ấy là Vô sanh Pháp nhẫn của tự tánh, đâu có chỗ để suy lường tính toán. Chân Phật chẳng miệng, không hiểu thuyết pháp, chân thính chẳng tai, ai mà nghe ư !

Lại nói, hễ vô tất cả tâm tức là vô lậu trí, người mỗi ngày đi, đứng, ngồi, nằm, tất cả ngôn ngữ, đứng để dính mắc pháp hữu vi, thì nói nín, nháy mắt đều đồng như vô lậu. Nay thời mạt pháp kẻ học thiền đạo phần nhiều đều bị dính mắc tất cả thanh sắc. Sao không để cho tâm ta niệm niệm đồng như hư không, như cây khô tảng đá, như tro lạnh lửa tắt, mới có ít phần tương ứng. Nếu chẳng như thế thì ngày sau đều sẽ bị Diêm La vương tra khảo. Người hãy lìa bỏ các pháp hữu và vô, tâm như mặt trời thường ở tại hư không, ánh sáng tự nhiên chẳng chiếu mà chiếu, ấy là việc ít phí sức biết bao. Khi đó thì chẳng có chỗ để trụ, tức là hành cái hạnh của chư Phật, cũng là “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Đây là Pháp thân thanh tịnh của người, gọi là Vô thượng Bồ-đề. Nếu chẳng ngộ ý này, dẫu cho người học được nhiều tri giải, siêng năng cực khổ tu hành mà chẳng tin tự tâm thì đều gọi là hạnh tà.

Lại nói, nay người bất cứ lúc nào chỉ học vô tâm, lâu ngày sẽ được chứng đắc. Vì sức người còn nhỏ chẳng thể đốn ngộ, phải trải qua năm, mười năm, khi cơ duyên đến mới được ngộ nhập.

Vì có tham, sân, si mới lập Giới, Định, Huệ, nếu vốn chẳng phiền não thì đâu có Bồ-đề, nên Tổ Sư nói : “Phật thuyết tất cả pháp, vì độ tất cả tâm, ta chẳng tất cả tâm, đâu cần tất cả pháp”. Nơi bản nguyên thanh tịnh Phật chẳng dính mắc một vật. Ví như hư

không dù dùng vô lượng thất bảo để trang nghiêm đều chẳng thể trụ. Phật tánh, cũng như hư không, dù dùng vô lượng công đức trí huệ để trang nghiêm cũng chẳng thể trụ. Vì mê bản tánh nên chẳng tự thấy mà thôi. Nói pháp môn tâm địa, vạn pháp đều y tâm này kiến lập, gấp cảnh thì có, lìa cảnh thì không. Chẳng thể ở nơi tánh thanh tịnh sanh ra tri giải để làm cảnh. Những lời nói như định huệ, chiếu soi, công dụng, sáng tỏ, tịch tịch, tinh tinh, kiến, văn, giác, tri v.v...đều là đem kiến giải làm cảnh, tạm vì người trung hạ căn thuyết thì được, đối với người muôn thân chúng thì chẳng nên có kiến giải như thế.

Nói hai chữ “Hóa thành” nghĩa là từ Nhị thừa cho đến Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác đều là giáo pháp tùy nghi để tiếp dẫn hậu học, đều thuộc về Hóa thành. Nói hai chữ Bảo sở là bảo của chân tánh bản Phật, bảo này chẳng thuộc tình lượng (tình thức số lượng), chẳng thể kiến lập, vô Phật vô chúng sanh, vô năng vô sở.

Hỏi : - Đây đã là Hóa thành, nơi nào là Bảo sở ?

Đáp : - Bảo sở chẳng thể chỉ, chỉ được thì có phương sở, chẳng phải chân Bảo sở vậy. Nên chỉ có thể nói ở gần nhà thôi, chẳng thể nói lời nhút định, cần nên thể cứu, ngay đó tự khế ngộ mới được.

Nói xiển đề là kẻ lòng tin chẳng đầy đủ vậy. Tất cả chúng sanh trong lục đạo cho đến Nhị thừa chẳng tin có quả Phật đều gọi là xiển đề đoạn dứt thiện căn;

những Bồ-tát tin chắc có Phật pháp, chẳng thấy có Đại thừa, Tiểu thừa, Phật với chúng sanh đồng một pháp tánh, gọi là xiển đề thiện căn (vì còn bệnh chấp thật).

Người thường cho là cảnh chướng ngại tâm, sự chướng ngại lý, cứ muốn tránh cảnh để an tâm, bỏ sự để lập lý. Chẳng biết thực ra là tâm chướng ngại cảnh, lý chướng ngại sự. Hễ khiến tâm không thì cảnh tự không, hễ cho lý tịch thì sự tự tịch. Chớ nên dụng tâm diên đảo vậy. Nhiều người thường chẳng chịu cho tâm không vì e sợ đọa nơi rỗng không, chẳng biết tự tâm vốn không^(*). Kẻ ngu trừ sự chẳng trừ tâm, người trí trừ tâm chẳng trừ sự.

Tâm của Bồ-tát như hư không, tất cả đều xả, làm nhiều phước đức đều chẳng tham nhiễm. Nhưng xả có ba bậc : thân tâm trong ngoài tất cả đều xả cũng như hư không, không có lấy bở, rồi tùy nghi ứng vật, năng sở đều quên, ấy là đại xả; nếu một bên vừa hành đạo bố đức, một bên vừa xả, chẳng có tâm hy vọng gì, ấy là trung xả; nếu rộng tu phước thiện, mà có mong cầu, nghe pháp biết vạn vật tánh không, mới chẳng chấp trước, ấy là tiểu xả. Đại xả như đèn đuốc ở phía trước, chẳng còn mê ngộ, trung xả như đèn đuốc một bên, hoặc sáng hoặc tối, tiểu xả như đèn đuốc ở phía sau,

^(*) *Tâm không* : Tâm không là bản thể của Tâm, chẳng thể thêm bớt. Nếu nói "Tri" thì là thêm, nói "Vô tri" thì là bớt, vì Tri và Vô tri là có năng sở đối đãi, thuộc về pháp sanh diệt, chẳng phải Tự tánh vốn tịch diệt.

chẳng thấy hầm hố. Tâm Bồ-tát như hư không là tất cả đều xả. Tâm quá khứ bất khả đắc thì quá khứ xả, tâm hiện tại bất khả đắc thì hiện tại xả, tâm vị lai bất khả đắc thì vị lai xả, nên nói tam thế đều xả.

Từ hồi Như Lai phó pháp cho Ca Diếp, lấy tâm ấn tâm, tâm tâm chẳng khác. Nếu ấn nơi không thì ấn chẳng thành văn, nếu ấn nơi vật thì ấn chẳng thành pháp, nên dùng tâm ấn tâm, tâm tâm chẳng khác. Năng ấn sở ấn đều khó khế hội nên kẻ đắc rất ít. Nhưng tâm tức là vô tâm, đắc tức là vô đắc.

Phật có tam thân : Pháp thân nói về pháp hư không (*trống rỗng thông đạt*) của tự tánh, Báo thân nói về tất cả pháp thanh tịnh, Hóa thân nói về pháp lục độ vạn hạnh. Pháp thân thuyết pháp chẳng thể dùng ngôn ngữ, âm thanh, văn tự, hình tướng để cầu, vô sở thuyết vô sở chứng, tự tánh hư không mà thôi, nên nói : “Vô pháp khả thuyết gọi là thuyết pháp”. Báo thân, Hóa thân đều tùy cơ cảm ứng mà hiện, pháp sở thuyết cũng tùy theo căn cơ để giáo hóa chúng sanh, đều chẳng phải chân pháp, nên nói : “Báo, Hóa chẳng phải chân Phật, cũng chẳng phải kẻ thuyết pháp”.

Hỏi: - Bổn lai vô nhất vật, vậy vô vật là đúng chẳng?

Đáp : - Vô cũng chẳng đúng. Bồ-đề chẳng có chỗ đúng, cũng chẳng phải vô tri giải.

Hỏi: - Như hư không trước mắt đây là cảnh chẳng?

Há chẳng phải đối cảnh thấy tâm ư ?

Đáp : - Tâm nào cho ngươi hướng trên cảnh để thấy ? Dẫu ngươi thấy được chỉ là cái tâm soi cảnh, như người lấy gương soi mặt, dẫu cho được thấy mặt mày rõ ràng, chẳng qua chỉ là bóng tượng, đâu có dính dáng với ngươi.

Hỏi : - Nếu chẳng nhờ nhân mà chiếu soi thì lúc nào mới được thấy ?

Đáp : - Nếu nói nhờ nhân thì phải nhờ vật, vậy đến lúc nào mới hết ? Người há chẳng nghe Cổ Đức nói : “Đưa tay trình ông chẳng một vật. Đâu cần lao nhọc thuyết ngàn lối” hay sao ?

Hỏi : - Nếu biết rồi thì chiếu soi cũng vô vật chẳng ?

Đáp : - Nếu là vô vật thì đâu cần chiếu soi. Người chớ nên mở mắt mà nói xàm. Nếu sanh kiến giải cho là Phật thì bị Phật chướng, cho là chúng sanh thì bị chúng sanh chướng, cho là phàm, là Thánh, là tịnh, là uế, đều thành chướng cả. Vì chướng tâm ngươi nên thành luân chuyển.

Mười phương chư Phật ra chẳng có một chút pháp để đắc, gọi là Vô thượng Bồ-đề. Ấy chỉ là một tâm, thật chẳng tướng khác. Chẳng có thắng bại đối đãi, chẳng thắng nên chẳng có tướng Phật, chẳng bại nên chẳng có tướng chúng sanh.

Hỏi : - Tâm đã vô tướng há chẳng có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để độ chúng sanh ư ?

Đáp : - Ba mươi hai tướng thuộc về tướng, “Phàm có tướng đều là hư vọng”. Tám mươi vẻ đẹp thuộc về sắc, “Nếu dùng sắc thấy ta, người ấy hành đạo tà, chẳng thể thấy Như Lai”.

Hỏi : - Vô Biên Thân Bồ-tát tại sao chẳng thấy đảnh tướng của Như Lai ?

Đáp : - Thực chẳng có gì để thấy. Tại sao ? Vì Vô Biên Thân Bồ-tát tức là Như Lai. Chỉ bảo ngươi chẳng cho là Phật kiến thì chẳng lọt vào Phật biên, chẳng cho là chúng sanh kiến thì chẳng lọt vào chúng sanh biên, chẳng cho là hữu kiến thì chẳng lọt vào hữu biên, chẳng cho là vô kiến thì chẳng lọt vào vô biên, chẳng cho là phàm kiến thì chẳng lọt vào phàm biên, chẳng cho là Thánh kiến thì chẳng lọt vào Thánh biên. Hễ dứt sạch tất cả tri kiến tức là vô biên thân vậy. Nếu có chỗ kiến tức là ngoại đạo vì ngoại đạo ham thích tri kiến. Bồ-tát ở nơi tri kiến mà chẳng động.

Như Lai tức là các pháp như nghĩa, cho nên nói Di Lặc cũng là như, Thánh hiền cũng là như, như tức vô sanh, như tức vô diệt, như tức vô kiến, như tức vô văn. Đảnh tướng của Như Lai tức là viên kiến, cũng chẳng thật có viên kiến nên chẳng lọt viên biên, nên nói “Thân Phật vô vị, chẳng đọa số lượng”, tạm dùng hư không để thí dụ : “Viên (tròn) đồng thái hư, chẳng thiếu chẳng dư”. Hàng ngày vô sự, đối cảnh chớ nên phân biệt. Phân biệt liền lọt vào ý thức, trôi lăn trên biển ý thức thì chẳng thể chứng ngộ.

Người học đạo chớ chấp tú đại làm thân. Tú đại vô ngã, ngã cũng vô chủ, phải biết thân này vô ngã cũng vô chủ. Người học đạo chớ chấp ngũ uẩn làm tâm. Ngũ uẩn vô ngã cũng vô chủ, phải biết tâm này vô ngã cũng vô chủ. Lục căn, lục trần, lục thức hòa hợp sanh diệt, nghĩa cũng như thế. Vậy thập bát giới đã không thì tất cả đều không, chỉ có bản tâm trong sạch khắp nơi.

Người học Bát-nhã chẳng thấy có một pháp để đắc. Chân thật duy nhất của Tam thừa chẳng thể chứng đắc. Nếu nói ta năng chứng, năng đắc, đều là kẻ tăng thượng mạn. Trên hội Pháp Hoa quay đầu bỏ đi đều là bọn này vậy. Nên Phật nói : "Ta ở nơi Bồ-đề thực vô sở đắc, mặc khế mà thôi".

Con người khi lâm chung hễ quán được ngũ uẩn giai không, tú đại vô ngã, chân tâm vô thường^(*) bất khứ bất lai, khi sanh tánh cũng chẳng đến, khi chết tánh cũng chẳng đi, trạm nhiên viên tịch, tâm cảnh nhất như, hễ được như thế ngay đó đốn ngộ, thì chẳng bị tam thế trói buộc, tức là người xuất thế gian vậy.

Cần thiết là chớ nên có một hào ly xu hướng, cũng như thấy tướng thiện, chư Phật đến rước và nhiều cảnh đẹp hiện tiền, cũng chẳng có ý đi theo, hoặc thấy những tướng hung ác cũng chẳng sanh tâm khiếp sợ. Hễ tự quên tâm, đồng nơi pháp giới, thì được tự tại, đây tức là tâm yếu.

^(*)Tự tánh chẳng chân, chẳng vọng, chẳng thường, chẳng vô thường.

Chỉ cần ngay đó đốn ngộ tự tâm vốn là Phật, chẳng có một pháp để đắc, chẳng có một hạnh để tu, ấy là Vô thượng Đạo.

Hỏi : - Kinh Lăng Nghiêm nói :

Tiêu diên đảo tưởng từ vô thi,

Chẳng nhọc nhiều kiếp được Pháp thân.

là thế nào ?

Dáp : - Nếu muốn trong ba vô số kiếp tu hành cầu chứng đắc thì dù trải qua hằng sa kiếp cũng chẳng đắc được. Nếu nói trong một sát na kiến tánh chúng đắc Pháp thân cũng chỉ là lời nói cao tột của Tam thừa. Tại sao vậy ? Vì thấy có Pháp thân để chúng đắc đều thuộc về pháp bất liễu nghĩa. Thiền tông này truyền thừa từ xưa đến nay chưa từng bảo người cầu tri cầu giải. Nói hai chữ học đạo chỉ là lời phương tiện tiếp dẫn, thực ra đạo cũng chẳng thể học. Nếu còn ôm cái kiến giải học đạo lại thành mê đạo. Đạo chẳng phương sở gọi là tâm Đại thừa. Tâm này chẳng ở trong, ngoài và chính giữa vì thực chẳng phương sở, nên chẳng thể chấp thành tri giải. Tri giải là chỗ tình lượng của người. Nếu tình lượng đã sạch, tâm chẳng phương sở thì đạo này thiên chân vốn chẳng danh tự.

Hỏi : - Cổ Đức nói : “Tức tâm là Phật”, chưa rõ tâm nào là Phật ?

Dáp : - Ông có mấy cái tâm ?

Hỏi : - Tâm phàm là Phật hay tâm Thánh là Phật?

Đáp : - Ông thấy chỗ nào có tâm phàm Thánh ư ?

Hỏi : - Trong Tam thừa nói có phàm Thánh, tại sao Hòa thượng lại nói không ?

Đáp : - Trong Tam thừa nói rõ ràng tâm phàm Thánh là vọng nay ông chẳng hiểu lại chấp thành có, chấp vọng là thật, há chẳng phải vọng ư ! Vì vọng nên mê tâm. Ông hễ trừ bỏ Thánh cảnh phàm tình thì ngoài tâm đâu còn Phật nào khác. Tổ Sư từ Ấn Độ đến chỉ thẳng tất cả mọi người đều là Phật. Nay ông chẳng biết, chấp phàm chấp Thánh, đuổi theo cảnh bên ngoài, lại mê tự tâm, nên Tổ Sư nói với ông “Tức tâm là Phật”.

Sanh một niệm chấp thật liền đọa luân hồi. Pháp từ vô thi chẳng khác hôm nay, vì chẳng có pháp khác biệt, nên gọi thành Đẳng Chánh giác.

Hỏi : - Lời nói của Hòa thượng là nghĩa lý gì ?

Đáp : - Còn tìm nghĩa lý gì ! Hễ có nghĩa lý liền thành khác biệt.

Hỏi : - Nay nói pháp từ vô thi chẳng khác hôm nay lý này thế nào ?

Đáp : - Vì muốn tìm nghĩa lý mới thành khác biệt. Ông nếu chẳng tìm thì chỗ nào có khác.

Hỏi : - Đã là chẳng khác, sao còn nói “Tức tâm là Phật”.

Đáp : - Nếu ông chẳng chấp phàm Thánh, còn ai

nói “tức” tâm. Tức nếu chẳng tức, tâm cũng chẳng tâm. Nếu tâm với tức cùng quên thì ông còn muốn tìm ở nơi nào.

Hỏi : - Vọng hay chướng tự tâm, nay chưa rõ dùng cách nào để trừ vọng ?

Đáp : - Khởi tâm trừ vọng cũng thành vọng. Vọng vốn chẳng gốc, chỉ vì phân biệt mới có. Ông hãy ở nơi hai chỗ phàm Thánh tình chấp tẩy sạch tự nhiên chẳng vọng. Vậy còn muốn trừ nó để làm gì ?

Nói tóm lại chẳng có chút gì để dựa, để chấp, gọi là ta xả bỏ hai tay (*pháp tương đối*), ắt sẽ đắc Phật.

Hỏi : - Đã chẳng có chỗ dựa, chỗ chấp, thì Tổ Tổ làm sao truyền thừa nhau ?

Đáp : - Dùng tâm truyền tâm.

Hỏi : - Nếu có tâm truyền nhau sao lại nói tâm cũng không ?

Đáp : - Chẳng đắc một pháp gọi là truyền tâm. Nếu liễu ngộ tâm tức là vô tâm vô pháp.

Hỏi : - Nếu vô tâm vô pháp sao gọi là truyền ?

Đáp : - Ông nghe nói truyền tâm, tưởng là có pháp để đắc sao ?

Tổ Sư nói :

Khi nhận được tâm tánh,
Nên nói bất tư nghì,
Liễu liễu vô sở đắc,
Khi đắc chẳng nói “tri”.

Việc này làm sao bảo cho ông hiểu được !

Hỏi : - Phật độ chúng sanh chăng ?

Đáp : - Thực chẳng chúng sanh cho Như Lai độ. Ngã còn bất khả đắc, phi ngã làm sao đắc. Phật với chúng sanh đều bất khả đắc.

Hỏi : - Hiện có ba mươi hai tướng tốt và độ chúng sanh sao lại nói không ?

Đáp : - Phàm có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy chư tướng phi tướng tức thấy Như Lai.

Hỏi : - Hòa thượng hiện đang thuyết pháp đâu thể nói vô Tăng cũng vô pháp ?

Đáp : - Ông nếu thấy có pháp để thuyết tức là “Dùng âm thanh cầu ta”. Nếu thấy có ta tức là có xứ sở. Thật thì pháp vốn vô pháp, pháp tức là tâm, nên Tổ Sư nói :

**Phó chúc tâm pháp này,
Pháp pháp đâu là pháp.
Vô pháp vô bản tâm,
Mới rõ tâm tâm pháp.**

Thật chẳng một pháp để đắc, gọi là tọa đạo tràng. Nói tọa đạo tràng chỉ là chẳng sanh khởi kiến pháp. Ngộ pháp vốn không gọi là Không Như Lai Tạng.

**Xưa nay chẳng một vật,
Nơi nào có bụi trần.
Nếu thấu rõ ý này,
Tự tại chẳng gì bằng.**

- Chư Phật đại từ đại bi vì chúng sanh thuyết pháp là thế nào ?

Đáp : - Nói Phật đại từ đại bi chẳng thấy có Phật để thành, gọi là Vô duyên từ, chẳng thấy có chúng sanh để độ, gọi là Đồng thể bi. Pháp của Phật thuyết, vô thuyết vô thị (*khai thi*), kẻ nghe thuyết pháp, vô văn vô dắc. Ví như người huyền thuyết pháp cho người huyền, vậy thì có pháp gì để thuyết, ai thuyết, ai nghe ?

Ta nghe Thiện tri thức khai thị, ngay đó ngộ được tâm từ bi này. Nếu ông khởi tâm động niệm muốn học kiến giải, ấy là chẳng ngộ tự tâm, rốt cuộc vô ích.

Hỏi : - Thế nào là ra khỏi tam giới ?

Đáp : - Thiện ác đều chẳng suy lường, ngay đó liền ra khỏi tam giới. Như Lai ra đời vì phá tam giới. Nếu chẳng tất cả tâm, tam giới cũng chẳng có. Ví như một vi trán đập phá thành trăm phần, chín mươi chín phần là không, một phần là có, thế thì Đại thừa cũng chưa thể siêu thoát. Cả trăm phần đều không, Đại thừa mới có thể siêu thoát.

Tổ Sư trực chỉ bản tâm, bản thể của tất cả chúng sanh vốn là Phật, chẳng nhờ tu hành, chẳng thuộc thứ lớp chẳng phải minh ám. Vì chẳng phải minh nên mới vô minh, vì chẳng phải ám nên nói vô ám, cho nên Kinh nói “Vô vô minh diệc vô vô minh tận” là vậy. Người vào cửa Thiền tông ta cần nên để ý. Thấy được như thế gọi là thấy pháp. Vì thấy pháp nên gọi

là Phật. Phật với Pháp đều không, nên gọi là Tăng, cũng gọi là Vô vi Tăng, cũng gọi là Nhất thể Tam Bảo.

Kẻ cầu pháp chẳng chấp cầu Phật, chẳng chấp cầu Pháp, chẳng chấp cầu Tăng, ưng vô sở cầu. Vì chẳng chấp cầu Phật nên vô Phật, chẳng chấp cầu Pháp nên vô Pháp, chẳng chấp cầu Tăng nên vô Tăng.

Hỏi : - Thế nào là đạo, thế nào là tu hành ?

Đáp : - Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành !

Hỏi : - Những Tông sư ở các nơi kế tiếp nhau dạy tham thiền học đạo là thế nào ?

Đáp : - Ấy là lời tiếp dẫn người hạ căn, không thể lấy làm căn cứ.

Hỏi : - Đây là lời tiếp dẫn hạ căn. Vậy chưa rõ tiếp người thượng căn thì thuyết pháp nào ?

Đáp : - Nếu là người thượng căn thì đâu còn muốn tìm của người khác. Họ tự mình còn bất khả dắc huống là còn có pháp nào để dính mắc họ.

Hỏi : - Nếu như thế thì chẳng cần tìm cầu ?

Đáp : - Nếu được vậy thì khỏi phí sức.

Hỏi : - Như thế tức là trọn thành đoạn tuyệt, tất cả đều “vô” ư ?

Đáp : - Ai bảo nó “vô”. Nó là ai mà ông muốn tìm nó ?

Hỏi : - Đã không cho tìm tại sao còn nói chớ đoạn đứt nó ?

Đáp : - Nếu chẳng tìm thì xong rồi, còn ai bảo ông đoạn dứt. Ông thấy hư không trước mắt làm sao đoạn dứt được.

Hỏi : - Pháp này có thể đồng như hư không chẳng?

Đáp : - Hư không lúc nào nói với ông có đồng có khác ? Ta tạm nói như thế, ông liền hướng vào đây sanh kiến giải.

Hỏi : - Vậy không nên cho người sanh kiến giải ư ?

Đáp : - Ta đâu từng chướng ngại ông. Ông phải biết kiến giải thuộc về tình thức, tình sanh thì trí bị ngăn cách.

Hỏi : - Hướng vào đây chớ sanh tình phải chẳng ?

Đáp : - Nếu chẳng sanh tình còn ai nói phải ?

Hỏi : - Lục Tổ không biết đọc kinh sách, sao lại được truyền y làm Tổ. Thần Tú là Thủ tọa, làm Giáo thụ sư cho cả chúng, giảng được tất cả Kinh Luận, sao lại chẳng được truyền y ?

Đáp : - Vì Thần Tú có tâm chấp thật, đó là pháp hữu vi, cho là thật có sở tu sở chứng. Còn Lục Tổ chỉ là mặt khế, mặc tho ý thâm sâu của Như Lai, cho nên được Ngũ Tổ phó pháp.

Ông phải biết bài kệ truyền pháp của Phật rằng :

**Bản pháp vốn vô pháp,
Vô pháp cũng là pháp,**

**Nay phó chúc vô pháp,
Pháp pháp đâu là pháp.**

Nếu ngộ ý này mới gọi là kẻ xuất gia, mới là kẻ tu hành. Ông nếu chẳng tin hãy xem việc Thượng Tọa Minh đuổi theo Lục Tổ để đoạt y bát. Lục Tổ nói : “Ngươi vì y đến hay vì pháp đến ?”. Minh nói : “Chẳng vì y đến, chỉ vì pháp đến”. Lục Tổ nói : “Ngươi tạm nghiệp niệm, thiện ác đều chớ suy nghĩ”. Minh vâng lời. Lục Tổ hỏi liền : “Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác, ngay khi ấy thế nào là bốn lai diện mục của Thượng tọa Minh ?”. Minh ngay đó hoát nhiên mặc khế, liền lẽ bái rằng : “Minh ở trong thiền hội Ngũ Tổ oan uổng dụng công ba mươi năm, hôm nay mới biết trước kia là sai”. Lục Tổ nói : “Đúng thế !”. Khi ấy Minh mới biết “Tổ Sư trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, chẳng ở nơi ngôn thuyết. Cũng như A Nan ba mươi năm làm thị giả của Phật, chỉ vì trí huệ đa văn, lại bị Phật quở rằng : “Ngươi ngàn ngày học huệ chẳng bằng một ngày tu đạo. Nếu chẳng tu đạo, giọt nước cũng khó tiêu”.

Hỏi : - Bậc Thánh vô tâm tức là Phật, phàm phu vô tâm lại chìm nơi không tịch chẳng ?

Đáp : - Pháp chẳng Thánh phàm, cũng chẳng không tịch. Pháp vốn chẳng hữu chớ cho là vô, pháp vốn chẳng vô chớ cho là hữu, vì hữu với vô đều là tình chấp, cũng như huyền hóa, nên Kinh nói : “Kiến văn

như huyễn hóa, tri giác là chúng sanh". Trong cửa Tổ Sư chỉ cần ngưng cơ xảo, quên kiến giải, nên nói: "Phân biệt thì Ma vương thịnh, quên cơ thì Phật đạo thành".

Hỏi : - Tâm đã vốn là Phật còn tu lục độ vạn hạnh chăng ?

Đáp : - Ngộ ở nơi tâm, chẳng dính dáng với lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh thuộc bên việc giáo hóa độ sanh. Những danh từ như Bồ-đề, Chân như, Thực tướng, Giải thoát, Pháp thân, cho đến Thập địa, Tứ quả, Thánh vị... đều thuộc về phân hóa độ, chẳng phải tâm Phật. Tâm tức là Phật nên trong tất cả các môn hóa độ, tâm Phật là bậc nhất. Nếu chẳng có những việc sanh tử, phiền não... thì chẳng cần những pháp Bồ-đề, Giải thoát.

Hỏi : - Nếu vô tâm hành đạo này được chăng ?

Đáp : - Vô tâm là đã hành đạo này rồi, còn nói chi được hay không được ! Lại bỗng khởi nhất niệm liền thành cảnh, nếu vô nhất niệm tức là :

**Cảnh mất tâm tự diệt,
Còn gì để truy tìm.**

Hỏi : - Thế nào thì được chẳng lọt giai cấp ?

Đáp : - Suốt ngày ăn cơm chưa cắn một hạt gạo, suốt ngày đi đường chưa đạp một tấc đất, suốt ngày chẳng lìa tất cả việc mà chẳng bị các cảnh mê hoặc, lại thời thời niệm niệm chẳng chấp tất cả tướng,

chẳng chấp không gian thời gian, quá khứ chẳng đi, hiện tại chẳng trụ, vị lai chẳng đến, như như bất động, an nhiên tự tại, đang khi ấy vô các tướng nhân ngã, như thế mới gọi là người tự tại giải thoát. Nỗ lực ! Nỗ lực ! Trong cửa này muôn ngàn người chỉ được năm ba người. Nếu không nỗ lực công phu thì có ngày phải chịu tai họa, nên nói :

**Nỗ lực liễu ngộ ngay kiếp này,
Khỏi chịu tai ương nhiều kiếp sau.**

Hỏi : - Vốn đã là Phật sao lại còn có tứ sanh lục đạo mỗi mỗi hình dạng chẳng đồng ?

Đáp : - Chư Phật bản thể viên tròn, chẳng thể tăng giảm, chảy vào lục đạo mỗi mỗi đều tròn, ở trong muôn loài mọi mọi là Phật. Ví như một cục thủy ngân phân tán nhiều nơi mỗi mỗi đều tròn, nếu chẳng phân tán chỉ là một cục. Một này là tất cả, tất cả là một. Mỗi mỗi hình dạng dụ như nhà cửa, bồ nhà thú vào nhà người, bồ thân người sang thân trời, cho đến những nhà cửa Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, và Phật, đều tại ông có lấy có bồ nê mới có khác, bản nguyên tự tánh đâu thể có khác.

Niên hiệu Đại Trung, triều Đường, Ngài viên tịch nơi bồn sơn (núi Hoàng Bá) được vua sắc phong là Đoan Tế Thiền Sư.



MỤC LỤC

	Trang
GÓP NHẶT LỜI PHẬT TỔ VÀ THÁNH HIỀN	05
➤ Lời dịch giả	06
➤ Trích trong LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG	07
▪ Phẩm PHỐ MÔN	08
➤ Trích trong KINH DUY MA CẬT	11
▪ Phẩm BẤT TƯ NGHÌ – Thứ sáu	11
▪ Phẩm QUÁN CHÚNG SANH – Thứ bảy	12
➤ Trích trong LAI QUẢ THIỀN SƯ NGŨ LỤC	17
➤ Trích trong LÂM GIAN LỤC	19
➤ Trích trong ĐẠI HUỆ THIỀN thư	24
➤ Thư gửi TRƯƠNG ÍCH CHI	25
➤ Thư gửi TRIỆU SƯ TRỌNG	26
➤ Bài kệ của CỔ ĐỨC	27
➤ Trích trong PHẬT HỌC về TÔN GIÁO của NHÂN LOẠI	28
➤ Pháp môn AN TÂM của TỔ ĐẠT MA	34
➤ Trích trong KINH VIÊN GIÁC	37
➤ DUY TÂM QUYẾT	39
➤ BA LẦN CẢNH BÁO KHI SẮP NHẬP NIẾT BÀN của PHẬT THÍCH CA	57
➤ Tiểu sử của ngài VĨNH MINH	64
➤ KINH LĂNG NGHIÊM	74

CÔNG ÁN CỦA PHẬT THÍCH CA và TỔ ĐẠT MA	81
➤ Lời dịch giả	83
➤ Lược sử PHẬT THÍCH CA	85
➤ Công án của PHẬT THÍCH CA	88
➤ Công án trích trong KINH LĂNG GIÀ	109
➤ Công án của TỔ ĐẠT MA	111
BÁ TRƯỢNG QUẢNG LỤC và NGỮ LỤC	135
➤ Tiểu dẫn	135
➤ Bá Trượng Quảng Lục	139
➤ Bá Trượng Ngữ Lục	192
TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU	209
➤ Lời dịch giả	210
➤ Vài hàng giới thiệu tác giả	211
MỤC LỤC	262



GÓP NHẶT LỜI PHẬT TỐ và THÁNH HIỀN

Dịch giả : HT. THÍCH DUY LỰC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04.37822845 - Fax: 04.37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập:

LÊ HỒNG SƠN

Bìa:

LÊ TRƯỜNG THỊNH

Đơn vị liên kết:

Hội Thượng THÍCH TỊNH HẠNH

Tổ In ấn và Phát hành kinh sách

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM

In số lượng 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, Tp. HCM
X.In: 9-11 đường CN1 (KCN Tân Bình), P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, Tp.HCM

Số Đăng ký KHXB: 2663-2015/CXBIPH/05-285/TG

QĐXB số: 653/QĐ-NXBTG ngày 22/09/2015.

Số ISBN: 978-604-61-2836-6

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2015